M VV
10355

ần Xuân Trường

Mấy vấn đề về Chủ nghĩa yêu nước Xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam

40

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

TRẦN XUÂN TRƯỜNG

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

10355/81

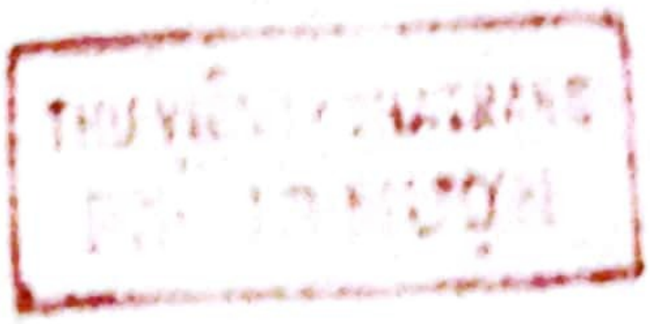

NHÀ XUẤT BẢN QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN
HÀ NỘI — 1981

YÊU nước xã hội chủ nghĩa là một trong những đặc trưng nổi bật của con người mới xã hội chủ nghĩa.

Cuốn sách này trình bày một số vấn đề về sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, bước đầu nêu lên những vấn đề thực chất của nội dung và yêu cầu của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, nhằm mục đích góp phần xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa nói chung và con người mới xã hội chủ nghĩa trong các lực lượng vũ trang nhân dân nói riêng, phục vụ cho cuộc đấu tranh để bảo vệ độc lập dân tộc, xây dựng chủ nghĩa xã hội và làm nghĩa vụ quốc tế trong giai đoạn lịch sử cách mạng hiện nay.

NHÀ XUẤT BẢN
QUÂN ĐỘI NHÂN DÂN

Chương một

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam là sản phẩm của một phong trào cách mạng sâu rộng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng trong mấy chục năm qua. Tuy nhiên, dòng sông mênh mông của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có thể có một sức mạnh đến như vậy chính là vì trong lòng nó không phải chỉ chứa đựng sức mạnh của thời đại, mà còn có cả sức mạnh của truyền thống, sức mạnh của những tinh hoa của dân tộc ta đã được tích lũy lại trong hàng nghìn năm phát triển lịch sử. Hồ Chủ tịch đã nói: «Dân ta có một lòng nồng nàn yêu nước. Đó là một truyền thống quý báu của ta. Từ xưa đến nay, mỗi khi Tổ quốc bị xâm lăng, thì tinh thần ấy lại sôi nổi, nó kết thành một làn sóng vô cùng mạnh mẽ, to lớn, nó lướt qua mọi sự nguy hiểm, khó khăn, nó nhấn chìm tất cả lũ bán nước và lũ cướp nước»[1].

---

1. Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 114.

Vì vậy, muốn hiểu chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại, thì phải hiểu một cội nguồn của nó từ trong chiều sâu của lịch sử Việt Nam.

Một truyền thống lâu đời và vô giá.

Từ những thời xa xưa, trong tâm hồn của người Việt Nam chúng ta đã hình thành rất sớm một lòng yêu nước thương nòi rất nồng nàn và mãnh liệt. Chủ nghĩa yêu nước ấy là cái dòng tư tưởng và tình cảm bao trùm và chi phối toàn bộ dời sống tinh thần của nước Việt Nam xưa kia. Trong lý tưởng thẩm mỹ của người Việt Nam, cái cao quý và đẹp đẽ nhất là lòng yêu nước thương nòi, là hành động giết giặc cứu nước. Trí tuệ Việt Nam sâu sắc nhất cũng là tri tuệ đánh giặc, giữ nước. Thần tượng anh hùng bền vững nhất trong trái tim của nhân dân cũng là thần tượng những anh hùng nghĩa sĩ xả thân vì nước vì dân. Đó chính là một nét đặc sắc nhất trong dời sống tinh thần, trong văn hóa và tâm lý dân tộc Việt Nam xưa kia. Đồng chí Lê Duẩn đã nhận định: « Chủ nghĩa yêu nước và tinh thần dân tộc là cái vốn quý nhất và là đặc điểm của dân tộc Việt Nam ta trải qua mấy nghìn năm lịch sử »[1].

Ngay từ ba bốn mươi thế kỷ trước đây, ở ven bờ các con sông Hồng, sông Mã, v.v. những cư dân người Việt đã có một cuộc sống ổn định với một nền sản xuất vật chất và tinh thần có bản sắc riêng và đã đạt đến một trình độ phát triển tương đối cao vào thời ấy, đã sáng tạo ra cái mà ngày nay chúng ta gọi là nền văn minh sông Hồng. Những cư dân đó đã trở thành một cộng đồng người tương đối bền vững, cố kết chặt chẽ với nhau

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tác phẩm chọn lọc, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, t. 1, tr. 563.

và ngay từ thời ấy, trước mắt họ dã luôn luôn có mối đe dọa ngoại xâm và diệt chủng.

Trải qua các niên đại thành tạo địa chất của quả đất, dãy Hi Mã Lạp Sơn, cái mái nhà của thế giới có một hướng dồ dài ra biển Đông, mà dãy Trường Sơn là đoạn cuối của nó, dã dựng nên một bức tường thiên nhiên, núi cao hiểm trở phân chia cái lục địa châu Á này thành Bắc Á và Nam Á. Chính sự chia cắt về mặt địa lý này dã ít nhiều ảnh hưởng đến sự phát triển của các dân tộc châu Á, làm cho đời sống các dân tộc trong mỗi khu vực ít nhiều bị chi phối bởi một số quy luật đặc thù.

Từ thời cổ đại, Việt Nam đã là cái ngã ba đường của các nền văn hóa, là nơi giao lưu và tiếp xúc giữa các dân tộc người trên đất liền và các hải đảo phía Nam. Từ thời đó, mảnh đất này cũng như cả vùng Đông - Nam Á đã nằm giữa hai trung tâm văn hóa lớn nhất châu Á là văn hóa Ấn Độ và Trung Hoa. Hai nền văn hóa ấy đã xâm nhập mạnh mẽ vào đời sống các dân tộc chung quanh và đều ít nhiều có xu hướng muốn đồng hóa nền văn hóa tinh thần của các cư dân bản địa.

Tuy nhiên, ở khu vực Nam Á, nền văn hóa Ấn Độ với một nội dung hết sức phong phú mà những yếu tố tôn giáo thần bí lại xen lẫn với một chủ nghĩa nhân đạo nguyên thủy, chỉ tỏa ánh sáng rực rỡ ra chung quanh và chưa bao giờ trở thành mối đe dọa xâm lược, chinh phục các lãnh thổ láng giềng bằng lực lượng quân sự. Trong khi đó, ở phương Bắc, tình hình hoàn toàn khác. Tại đây, ở lưu vực sông Hoàng Hà, xã hội đã bước vào thời đại văn minh rất sớm, sự phân hóa giai cấp đã có những biểu hiện cực đoan, văn minh đã thay thế cho dã man nhưng lại đem lại sự dã man tàn bạo mới, đặc trưng của xã hội và nhà nước có giai cấp, và những thiết chế điển hình của chế độ phong kiến phương Đông đã hình thành rõ rệt. Từ trong lòng xã hội ấy, xuất hiện các tập đoàn

phong kiến lớn mạnh luôn tranh giành nhau thiên hạ và kết cục của các cuộc tranh hùng ấy thường là một sự phân chia thiên hạ, hoặc là sự thâu tóm quyền lực vào một tập doàn.

Trong lịch sử Trung Hoa, từ rất sớm dã hình thành một nhà nước trung ương tập quyền hết sức lớn mạnh và trong một thời gian lịch sử dài hàng mấy chục thế kỷ, cái đế quốc phong kiến quân sự ấy thâu tóm trong tay tất cả năng lực phi thường của một dân tộc lớn, với một hệ tư tưởng chính trị quân thần, lòng dầy tham vọng chinh phục những miền đất lạ dề kiếm thêm dịa tô, cống vật, phục vụ cho cuộc sống của một cung dình phương Đông cực kỳ xa hoa. Khác với các dế chế thời cổ đại và trung đại ở phương Tây thường tan rã và thay vị trí của nhau sau những biến đổi trong so sánh lực lượng, cái dế chế khổng lồ phương Đông ấy tuy có lúc thịnh, lúc suy, nhưng bao giờ nó cũng tồn tại như một dế chế mạnh nhất ở phương Đông và thế giới. Các dòng họ và triều đại thay đổi nhưng đế chế với cái nền tảng kinh tế, chính trị và xã hội của nó không thay đổi.

Xã hội phong kiến Trung Hoa xưa kia dã là chiếc nôi nuôi dưỡng một chủ nghĩa dân tộc phong kiến mà nội dung đặc trưng của nó là chủ nghĩa bành trướng và bá quyền đại Hán. Chủ nghĩa bành trướng và bá quyền đó là một bộ phận hữu cơ của hệ tư tưởng phong kiến phản động truyền thống Trung Quốc. Đó là một hệ tư tưởng phong kiến nảy sinh trên cơ sở những diều kiện kinh tế, chính trị và xã hội đặc thù của riêng xã hội phong kiến Trung Quốc mà những yếu tố cơ bản cấu thành của nó là chủ nghĩa chuyên chế với tư tưởng tôn quân hết sức cực đoan, kết hợp chặt chẽ với chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn tham lam vô hạn độ.

Chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn, tư tưởng bình thiên hạ, coi mọi dất dai và con người dưới

bầu trời này đều là đất đai và thần dân của thiên tử và chủ nghĩa tôn quân cực đoan của một thiên tử có quyền lực tối hậu vô thượng là hai mặt gắn bó, bổ sung và làm điều kiện cho nhau của cùng một hệ tư tưởng chính trị phong kiến Trung Hoa.

Một chủ nghĩa chuyên chế và một chủ nghĩa bành trướng và bá quyền như vậy tất yếu đẻ ra một chủ nghĩa quân phiệt, chủ nghĩa quân phiệt này đến lượt nó cũng nhập vào và trở thành một bộ phận không thể tách rời của hệ tư tưởng-phong kiến Trung Quốc. Trong lịch sử nước Trung Hoa cũ, chế độ quân phiệt hình thành rất sớm và tồn tại một cách thường xuyên. Nhà nước phong kiến Trung Hoa bao giờ cũng là một nhà nước phong kiến quân phiệt mà chính sách cơ bản bao giờ cũng là đàn áp dã man mọi biểu hiện phản kháng bên trong, và xâm lược, bành trướng, nô dịch và đồng hóa các dân tộc láng giềng. Hệ tư tưởng phong kiến chính thống Trung Quốc là sự kết hợp giữa Nho giáo và phái pháp gia, giữa con đường « đức trị » và con đường « pháp trị », nghĩa là giữa thói lừa dối, đạo đức giả với việc sử dụng bạo lực, sử dụng sức mạnh quân sự một cách cực kỳ tàn bạo trong chính sách đối nội và đối ngoại.

Nước Việt Nam ta nằm ở ngã ba đường của Bắc Á và Nam Á, và tuy chịu ảnh hưởng của những biến động lịch sử trên cả hai khu vực đó, nhưng chủ yếu chịu ảnh hưởng của những biến động ở khu vực Bắc Á, chủ yếu chịu ảnh hưởng của những biến đổi trong đường lối, chính sách cũng như lực lượng của đế chế phong kiến quân sự phương Bắc này. Đứng trước các cư dân người Việt, luôn luôn có bóng đen của một đế chế khổng lồ đè nặng lên cuộc sống của mình. Đối với đế chế đó, Việt Nam là một mảnh đất phương Nam giàu có, nhiều sản vật quý lạ, đồng thời là dải đất hẹp nằm giữa núi cao trùng điệp và đại dương mênh mông, là cái hành lang cần phải có cho

những đoàn quân nếu chúng muốn vó ngựa ruổi rong từ Bắc Á xuống Nam Á.

Có thấy dầy đủ cái bối cảnh lịch sử đó mới hiểu nổi cái điều hình như rất kỳ lạ, hình như đi ngược lại những hiểu biết vốn có của chúng ta về quy luật hình thành dân tộc, mới hiểu vì sao khối cộng đồng người Việt chúng ta đã trở thành dân tộc rất sớm, quốc gia Việt Nam với nhà nước trung ương tập quyền đã ra đời từ rất lâu.

Hiểu được cái bối cảnh thường trực đó của lịch sử, chúng ta sẽ không ngần ngại gì khi khẳng định là lịch sử, quốc gia và dân tộc Việt Nam từ khi ra đời đến nay chủ yếu là lịch sử dựng nước và giữ nước, sự cố kết dân tộc và thống nhất quốc gia là xu hướng cơ bản và chủ yếu trong lịch sử phát triển của nước ta. Và trên cái nền tảng ấy, tư tưởng yêu nước thương nòi là dòng tư tưởng và tình cảm chủ yếu, hình thành rất sớm trong tâm hồn con người Việt Nam.

Đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của mọi xã hội tồn tại trên cơ sở những đối kháng giai cấp. Đó là một quy luật phát triển phổ biến của xã hội có giai cấp. Tuy nhiên, không nên hiểu quy luật ấy một cách cứng đờ. Các nhà kinh điển thường dặn chúng ta phải xem xét lịch sử đấu tranh giai cấp trong tính hiện thực lịch sử, cụ thể của nó.

Nhìn chung, trong lịch sử tư tưởng của các dân tộc, hầu như ban đầu con người thường tập trung sự suy nghĩ về lĩnh vực quan hệ giữa con người với giới tự nhiên. Tín ngưỡng và nghệ thuật nguyên thủy ban đầu bao giờ cũng

tập trung vào các thần linh tự nhiên. Chỉ từ khi xã hội đã phát triển đến một giai đoạn nhất định, khi chế độ người áp bức bóc lột người ra đời cùng với những tai ương xã hội tăng lên thì con người mới ngày càng chuyển sang suy nghĩ đến những vấn đề xã hội. Chính là vào lúc đó, tôn giáo đích thực mới ra đời, tôn giáo với tính cách là « tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của một thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của trạng thái không có tinh thần »[1]. Và cũng chính là từ lúc đó, con người chuyển sự suy nghĩ của mình sang những vấn đề xã hội, muốn tìm hiểu bản chất của những nỗi bất công trong xã hội, muốn giải đáp nỗi băn khoăn về nguồn gốc của những tai ương xã hội và con đường giải thoát cho nỗi khổ đau của con người.

Trong lịch sử tư tưởng Việt Nam trước đây, cái chiều hướng tư duy và mỹ cảm nhân dân cũng đi đúng những bước đường phát triển như vậy. Tuy nhiên, cái quy luật phát triển chung đó của ý thức xã hội biểu hiện ra một cách hết sức độc đáo trong lịch sử tư tưởng Việt Nam.

Trong xã hội phong kiến Việt Nam xưa kia, đấu tranh giữa địa chủ và nông dân diễn ra hết sức gay gắt. Trải qua các thế kỷ và các triều đại, lịch sử Việt Nam cũng là lịch sử của các cuộc khởi nghĩa và chiến tranh nông dân liên tục. Các cuộc chiến tranh ấy tuy quy mô to, nhỏ và trình độ sâu sắc có khác nhau nhưng đều có tính chất mãnh liệt và bền bỉ. Với những khẩu hiệu trực tiếp phản ánh quyền lợi của giai cấp nông dân mà không cần đến màu sắc tôn giáo như ở châu Âu, cũng không cần phải núp dưới ngọn cờ cải cách xã hội do những phe nhóm phong kiến đối lập lãnh đạo đề xướng. Và đến giai đoạn cuối của chế độ phong kiến ở nước ta, phong trào nông

---

1. Các Mác, *Lời nói đầu của phê phán triết học pháp luật của Hê-ghen*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, tr.6.

dân đã đi đến một đỉnh cao hiếm thấy. Đó là sự kiện phong trào Tây Sơn, chỉ trong một thời gian lịch sử tương đối ngắn đã quét sạch các tập đoàn phong kiến phản động, khôi phục lại sự thống nhất quốc gia dân tộc sau một thế kỷ chia cắt, chuyển từ nội chiến sang chiến tranh dân tộc giữ nước, lập một chiến công hiển hách nhất, trải qua mấy ngày chiến đấu, tiêu diệt một đạo quân xâm lược đông tới hai mươi vạn người. Chắc chắn rằng những cuộc chiến tranh nông dân như vậy phải là bộ phận hợp thành không thể thiếu của bản anh hùng ca Việt Nam.

Tư tưởng và tình cảm Việt Nam xưa kia chắc chắn là không thiếu những trào lưu dân chủ và nhân ái chân chính của con người lao động. Sự trào lộng mạnh mẽ, đả kích chua cay, tiếng cười bất tận của người nông dân lao động Việt Nam chống những thói rởm đời và giả dối của bọn thống trị, cuộc đấu tranh để phân biệt cái thiện với cái ác, để phân biệt kẻ áp bức bóc lột và người bị đè nén chà đạp; đó là một dòng tư tưởng quan trọng trong đạo lý và mỹ cảm dân gian Việt Nam. Và vào giai đoạn cuối của chế độ phong kiến, chúng ta chứng kiến những đỉnh cao của tư tưởng dân chủ và nhân ái Việt Nam. Ở cái « thế kỷ ánh sáng » này của Việt Nam, ta nghe vang lên mạnh mẽ tiếng nói mãnh liệt đòi hỏi quyền sống cho con người; tiếng nói văn học của phụ nữ, tiếng nói của khoa học và nghệ thuật, đòi hỏi một cuộc sống tốt đẹp hơn với những niềm khát vọng thiết tha về hạnh phúc con người. Ở trong cái trào lưu tư tưởng ấy, ta như nghe thấy những khúc nhạc dạo đầu, báo hiệu những nhân vật xã hội mới sắp bước lên sân khấu lịch sử Việt Nam.

Tuy nhiên, mặc dù các trào lưu tư tưởng dân chủ và nhân ái phản ánh nội dung cuộc đấu tranh gay gắt giữa nông dân và địa chủ ở Việt Nam là hết sức mạnh mẽ và sâu sắc, nhưng cái chủ yếu và bao trùm trong tâm hồn Việt Nam xưa kia vẫn là tư tưởng và tình cảm yêu nước.

Chúng ta thấy những suy nghĩ sâu sắc và phong phú nhất của người Việt Nam trên lĩnh vực đấu tranh xã hội là những suy nghĩ về chính trị và quân sự giữ nước. Ở Việt Nam, trước đây thường ít có những nhà hiền triết lớn về cải cách xã hội; nhưng nước Việt Nam xưa đã sản sinh ra rất nhiều nhà tư tưởng lớn về chính trị và quân sự, đánh giặc giữ nước, hoặc thường là có sự kết hợp của cả hai mặt đó trong những con người anh hùng dân tộc của Việt Nam. Cái hệ thống kiến thức đó trong bao nhiêu thế kỷ đã từng làm nền tảng chỉ đạo một cách nhất quán toàn bộ chính sách cơ bản về nội trị và ngoại giao, toàn bộ chiến lược và chiến thuật quân sự của đất nước chống lại những thế lực xâm lược mạnh hơn chúng ta gấp bội.

Trong lĩnh vực ý thức của nhân dân, trong tín ngưỡng, mỹ cảm, văn học dân gian Việt Nam, ta thấy những anh hùng dân tộc được đặt ở vị trí cao nhất trong tâm hồn nhân dân. Các anh hùng đó xâm nhập cả vào các tôn giáo, trở thành những thần linh đặc biệt, tiếp tục sự nghiệp giết giặc cứu nước của mình, vẫn linh hiển và lần quất đâu đây để báo mộng, mách bảo cho con cháu kế sách đánh giặc và khi Tổ quốc lâm nguy, các vị ấy cũng trực tiếp tham gia như một lực lượng chiến đấu cùng con cháu đánh giặc.

Bất cứ một dân tộc nào cũng có những anh hùng của mình và trong lịch sử tư tưởng của mỗi dân tộc đều không thể thiếu được thể loại anh hùng ca. Tuy nhiên, sự hình thành và phát triển của những hình tượng anh hùng trong tâm hồn nhân dân Việt Nam có những xu hướng khá đặc biệt.

Cũng giống như các dân tộc khác, người Việt xưa cũng có giai đoạn xuất hiện các thần thoại. Các câu chuyện về các vị thần ở Việt Nam cũng đi từ những vị thần có nhân tính sang các ông không lồ, tức là những con người khổng lồ có thần tính lấp đất, vá trời để giải thích nguồn

gốc của đất đai, sông núi, cuộc sống trên đất nước này. Tuy nhiên, thần thoại cổ Việt Nam rất nhanh chóng chuyển từ giai đoạn suy nguyên luận, tìm hiểu và giải thích thiên nhiên sang lĩnh vực lịch sử, sang cuộc sống của khối cộng đồng dân tộc. Các anh hùng lịch sử ra đời và anh hùng ca thay thế cho các thần thoại tự nhiên ban đầu. Không phải ngẫu nhiên mà trong hệ thống thần thoại Việt Nam, bộ ba Lạc Long Quân, Thánh Gióng và Sơn Tinh nổi bật lên như những vị thần tạo ra nòi giống Việt Nam, vị thần đấu tranh với thiên nhiên hung dữ và vị thần đồng thời là người anh hùng cứu nước của dân tộc.

Ở Việt Nam, những anh hùng của phong trào nông dân, những quận He, chàng Lía không có được vị trí trong tâm hồn dân tộc như những anh hùng cứu nước. Phải đợi đến giai đoạn cuối cùng của chế độ phong kiến, khi những mâu thuẫn của chế độ đó đã đến mức cực kỳ gay gắt, khi đất đai rung lên dưới bước chân của khởi nghĩa nông dân thì hình tượng anh hùng «áo vải cờ đào» mới xuất hiện một cách phổ biến trong tâm hồn người Việt Nam từ nam chí bắc. Tuy nhiên, cái hình tượng ấy chỉ có thể có được ánh hào quang rực rỡ và dọng lại một cách bền vững trong tâm hồn nhân dân khi cái phong trào đã làm xuất hiện hình tượng ấy phải kết thúc bằng một chiến công quân sự hiển hách, đánh bại một đạo quân xâm lược lớn trong một thời gian hết sức ngắn, giành một thắng lợi triệt để và vẻ vang chưa từng có trong lịch sử dân tộc. Như thế nghĩa là hình tượng anh hùng «áo vải cờ đào» đã chuyển thành hình tượng anh hùng cứu nước và đã kết hợp trong một con người, tiêu biểu cho một phong trào, tất cả sức mạnh và vẻ đẹp của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc. Điều đó cũng có nghĩa là dòng thác của khởi nghĩa và chiến tranh nông dân đã đến lúc hòa vào làm một với con sông lớn của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam, làm cho quy mô, sức mạnh

của cả đấu tranh giai cấp lẫn đấu tranh dân tộc đều có bước phát triển nhảy vọt.

Sự vận động của xã hội Việt Nam trong mấy chục thế kỷ trước khi bị đế quốc Pháp đô hộ diễn ra trong sự chi phối của hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa địa chủ với nông dân là hai giai cấp cơ bản của xã hội phong kiến và mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc với thế lực xâm lược bên ngoài, chủ yếu với các triều đại phong kiến phương Bắc. Ngoài hai mâu thuẫn cơ bản ấy, mâu thuẫn giữa các tập đoàn, phe phái phong kiến khác nhau cũng đóng một vai trò đáng kể trong những thời kỳ nhất định.

Trong thời kỳ Bắc thuộc dài dằng dặc hàng gần mười thế kỷ, không những mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thế lực xâm lược bên ngoài lúc đó là mâu thuẫn chủ yếu mà hầu như mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ cũng nhập làm một với mâu thuẫn ấy. Giai cấp địa chủ lớn nhất và bóc lột nhiều nhất lúc đó chính là bọn quan lại của chế độ đô hộ ngoại bang, mặc dù trong lòng xã hội Việt Nam đã hình thành một tầng lớp địa chủ bản xứ.

Từ khi giành lại được độc lập, trải qua gần chín trăm năm, sự phát triển của xã hội Việt Nam diễn ra trong sự vận động tổng hợp của cả hai mâu thuẫn cơ bản đó. Mâu thuẫn giữa nông dân và địa chủ là một mâu thuẫn tác động một cách thường xuyên. Chính mâu thuẫn này đã thúc đẩy sự tiến hóa của xã hội Việt Nam, từng bước làm suy yếu chế độ phong kiến và trong giai đoạn suy vong của chế độ đó, dưới thời Lê mạt, thì không khí xã hội ngột ngạt và bế tắc, cuộc khủng hoảng lòng tin đã lên đến mức có thể đặt ra vấn đề về sự tồn tại của chế độ phong kiến, xuất hiện một ước vọng tuy còn mơ hồ về sự cần thiết phải vượt qua khuôn khổ của chế độ đó.

Như vậy là mặc dù có muộn màng hơn, xu hướng phát triển của xã hội Việt Nam cũng đi theo quy luật phổ biến của sự phát triển xã hội phong kiến. Tuy nhiên, cái đặc thù trong sự vận động của xã hội Việt Nam là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ và nông dân thường gắn liền với tác động của mâu thuẫn giữa toàn dân tộc với thế lực xâm lược bên ngoài. Mâu thuẫn này tuy không phải lúc nào cũng biểu hiện ra một cách gay gắt nhưng nó luôn luôn ở trạng thái tiềm thế và có những lúc bộc lộ rõ rệt thành họa ngoại xâm cụ thể, đặt toàn thể dân tộc trước nguy cơ diệt vong. Vào những lúc ấy, mâu thuẫn giữa toàn dân tộc với kẻ thù xâm lược trở thành mâu thuẫn chủ yếu. Trong những thời kỳ lịch sử đó, sự vận động của các mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc đều có sự biến diễn khác với trong thời kỳ mâu thuẫn dân tộc đang còn ở trong trạng thái tiềm thế. Ít hay nhiều, sự phát triển của các mâu thuẫn giai cấp đều có xu hướng tự điều chỉnh nhằm tập trung giải quyết mâu thuẫn chủ yếu ấy.

Đấu tranh giai cấp là động lực phát triển của những xã hội dựa trên những đối kháng giai cấp. Sự vận động tiến lên của xã hội, việc một chế độ xã hội mới thay thế chế độ xã hội cũ lỗi thời không thể diễn ra được nếu không trải qua đấu tranh giai cấp. Nhưng sự vận động của xã hội không thể không bao gồm những cuộc đấu tranh dân tộc và trên thực tế đấu tranh giai cấp trong nội bộ dân tộc và đấu tranh của dân tộc chống lại các thế lực ngoại tộc xoắn xít với nhau.

Người ta dễ hiểu rằng vì sao trong tư tưởng và tình cảm con người Việt Nam xưa kia, lòng yêu nước lại nổi bật lên đến thế trong khi đó sự phản kháng và đấu tranh giữa các giai cấp trong lòng dân tộc lại không phải là yếu ớt mà hết sức mãnh liệt.

Ở châu Âu, nói chung các dân tộc ra đời cùng với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa tư bản và cái yếu tố có ý nghĩa quyết định cho sự ra đời đó là yếu tố kinh tế, yếu tố này do thời đại tư bản đem lại. Cùng với những yếu tố về lãnh thổ, về tiếng nói và nền văn hóa chung, sự hình thành của thị trường dân tộc thống nhất do sự phát triển của sản xuất hàng hóa tư bản chủ nghĩa đem lại là yếu tố cơ bản và bền vững nhất cho sự hình thành những dân tộc tư sản trong thời đại đó.

Cùng với chủ nghĩa dân tộc tư sản, thời đại tư bản chủ nghĩa cũng sản sinh ra một chủ nghĩa cá nhân tư sản hết sức cực đoan. Chủ nghĩa dân tộc tư sản ra đời khi mà nhiều thế kỷ trước đó, chế độ sở hữu riêng về tư liệu sản xuất và ý thức về quyền lợi cá nhân đã hình thành phổ biến và đến khi chủ nghĩa tư bản ra đời thì chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa và chủ nghĩa cá nhân tư sản đã là một ý niệm phổ biến trong xã hội. Như vậy dân tộc tư sản ra đời trên cơ sở tan rã của những quan hệ tiền tư bản, là sự dứt đoạn và phủ định hoàn toàn với những truyền thống công xã và phường hội trước kia.

Trên một ý nghĩa nào đấy, dân tộc Việt Nam là cái phản đề của các dân tộc tư sản và do đó nội dung của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không giống với nội dung của chủ nghĩa yêu nước tư sản.

Dân tộc Việt Nam đã ra đời trước khi có chủ nghĩa tư bản, nghĩa là ra đời khi chưa có cái yếu tố kinh tế cần thiết cho sự hình thành dân tộc trong thời đại tư bản chủ nghĩa là thị trường dân tộc cùng với sự phân công lao động xã hội rộng lớn. Tuy nhiên, không phải sự hình thành dân tộc Việt Nam xưa kia không có một cơ sở kinh tế nào. Công cuộc chung sức lao động để khai phá thiên nhiên, để sáng tạo ra nền văn hóa vật chất và tinh

thần của dân tộc, tạo nên cái gọi là đất và nước Việt Nam; một nền nông nghiệp canh tác lúa nước là chủ yếu, dựa vào một hệ thống đê điều và thủy lợi có quy mô toàn quốc do sự đóng góp lao động chung của các cư dân, dưới sự tổ chức và quản lý của một nhà nước trung ương tập quyền, giống như nhiều nhà nước trong phương thức sản xuất châu Á mà Mác đã từng nhận xét; đó chẳng phải cũng là những cái tạo thành yếu tố kinh tế góp vào sự hình thành dân tộc Việt Nam hay sao?

Dù sao, yếu tố kinh tế đó cũng chưa mạnh mẽ như khi có sự phát triển của chủ nghĩa tư bản. Điều đáng chú ý là tuy có sự yếu ớt đó của yếu tố kinh tế, chúng ta thấy dân tộc Việt Nam từ thời xa xưa đã là một cộng đồng người tương đối ổn định và vững chắc. Chỉ có thể cắt nghĩa là có nhiều yếu tố khác đã thay thế và bổ sung cho yếu tố kinh tế trên đây. Cùng với ý thức phải cố kết nhau lại để đương đầu với sự đe dọa thường xuyên của một thế lực ngoại xâm rất tham lam tàn bạo, truyền thống công xã Việt Nam đã là một yếu tố đóng một vai trò đáng kể trong việc củng cố khối cộng đồng người Việt.

Chính là trong sự kết hợp giữa chủ nghĩa yêu nước và truyền thống công xã mà chủ nghĩa yêu nước Việt Nam tăng thêm sức mạnh chiến đấu của mình, đồng thời cái truyền thống công xã vốn mang theo những nhân tố trì trệ, lạc hậu lại có thể đổi mới cái tinh thần cố hữu của nó, trở nên một nhân tố tích cực trong sự phát triển của dân tộc.

Mác đã từng nói về tính chất hạn chế của các công xã ở chỗ nó: «Dựa trên sự chưa trưởng thành của con người cá thể còn chưa tách khỏi cái cuống nhau của những mối quan hệ thị tộc tự nhiên với các người khác, hoặc là dựa vào những quan hệ thống trị và nô lệ trực tiếp. Điều kiện tồn tại của các cơ thể sản xuất — xã hội đó là trình độ phát triển thấp kém của những sức sản

xuất của lao động và tính chất chặt hẹp tương ứng của những quan hệ của con người trong khuôn khổ của quá trình sản xuất ra đời sống vật chất »[1].

Chẳng phải là ngẫu nhiên mà những mặt tiêu cực của tổ chức làng xã Việt Nam xưa kia đã được giai cấp phong kiến lợi dụng trong bao nhiêu thế kỷ để phục vụ cho sự thống trị của chúng. Đã đành là « phép vua thua lệ làng » và có nhiều lệ làng không phù hợp với ý vua, mà vua phải chịu. Nhưng cũng rõ ràng là về một phương diện khác, những lệ làng lại tỏ ra có lợi cho nhà vua. Ngay cả bọn cai trị thực dân Pháp đều nhận thấy những mặt có thể lợi dụng được trong cơ cấu làng xã Việt Nam cũ và đều khai thác những mặt lạc hậu và tiêu cực đó để phục vụ cho công cuộc thực dân của chúng.

Tuy nhiên, truyền thống công xã Việt Nam trong cả một thời gian lịch sử dài bao giờ cũng là một yếu tố bổ sung cho sự cố kết và sức mạnh của dân tộc Việt Nam và do gắn bó được với tư tưởng và tình cảm yêu nước, nó duy trì và phát triển được nhiều nét tích cực và khỏe khoắn mà buổi sơ sinh của loài người để lại. Chính vì vậy, có những sự khác biệt nhất định trong nội dung của truyền thống công xã ở Việt Nam so với truyền thống đó ở các nước láng giềng.

Người nông dân Việt Nam dĩ nhiên cũng có những sự thiển cận trong cách nghĩ cách làm, tuy nhiên tầm mắt của họ không bao giờ chỉ hoàn toàn bó hẹp vào cuộc sống bên trong làng xã sau lũy tre xanh. Công xã chỉ là một tổ chức tế bào gắn chặt với cả một cơ thể lớn lao là quốc gia dân tộc. Vì vậy từ ngày xưa, người dân làng xã Việt Nam không bao giờ thờ ơ với việc nước, nghĩa lớn bao giờ cũng chi phối nghĩa nhỏ hơn.

---

1. C.Mác, *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1973, q. 1, t. 1, tr. 153 — 154.

10355/81

Ở người Việt Nam xưa kia, lòng yêu nước bao giờ cũng chứa đựng một ý niệm về nòi giống, yêu nước và thương nòi luôn luôn gắn bó với nhau. Ý niệm về nòi giống ấy đã biểu hiện ra thành một hệ thống luật lệ, phong tục, đạo đức và tín ngưỡng dân gian. Tục thờ cúng tổ tiên là một nét rất đặc sắc của người Việt Nam. Người ta thờ ông tổ của gia tộc, của làng xã, của nghề nghiệp, của địa phương, và cao hơn cả là ông tổ của dân tộc theo một triết lý « uống nước nhớ nguồn » rất thuần phác và sâu sắc. Chính từ đó, trong ngôn ngữ Việt Nam có khái niệm đồng bào, nghĩa là người cùng một bọc, khái niệm mà những dân tộc ra đời trong thời đại tư bản chủ nghĩa không thể có được. Như vậy, ở dân tộc Việt Nam, ngoài những mối liên hệ về địa vực cư trú, về tiếng nói và nền văn hóa chung, ngoài mối liên hệ ít nhiều về kinh tế, còn có mối liên hệ huyết thống của khối cộng đồng người Việt, mối liên hệ phản ánh những quan hệ thị tộc đã khá xa xưa trước đây trong buổi bình minh của lịch sử Việt Nam, nhưng còn khá bền vững trong ý thức nhân dân.

Trong ý niệm về Tổ quốc của người Việt Nam, ý niệm về lãnh thổ, đất nước chung của dân tộc bao giờ cũng gắn liền với ý niệm về quê hương, làng xóm, với những sắc thái riêng biệt của thiên nhiên và con người của nơi mà mỗi một người đã cất tiếng chào đời và lớn lên. Cái Tổ quốc chung rộng lớn, có phần trừu tượng, bao giờ cũng gắn chặt với cái làng riêng biệt, cụ thể. Từ ngàn xưa, trong tâm trí người Việt Nam, làng và nước bao giờ cũng gắn chặt với nhau. Khi cần cầu cứu đến sức mạnh tập thể, bao giờ người ta cũng gọi đến cả làng nước: « Ới làng nước ơi! ». Chính vì vậy, ý niệm Tổ quốc của người Việt Nam giàu tính trực quan và sinh động hơn, có nhiều hình tượng đa dạng và thân thiết hơn

trong tâm hồn con người và do đó có sức sống mãnh liệt hơn.

Như vậy, sự ra đời của dân tộc Việt Nam trước đây chưa có đầy đủ các yếu tố vốn có tính chất quyết định trong việc hình thành các dân tộc như ở châu Âu, nhưng lại có một yếu tố quan trọng làm cho dân tộc ta rất giàu sức sống và những sợi dây liên kết dân tộc ta từ những thuở xa xôi ấy đã tương đối bền vững.

Sức sống ấy đã được thử thách không phải chỉ trong những cuộc chiến tranh giải phóng hoặc bảo vệ đất nước chống lại những lực lượng xâm lược lớn mạnh hơn mình gấp bội, vào những lúc mà vận mệnh dân tộc đứng ở thế ngàn cân treo sợi tóc. Sức sống ấy được thể hiện sâu sắc chính ngay cả trong sự phát triển bình thường của đời sống hàng ngày của dân tộc. Hẳn là dân tộc Việt Nam phải đã có một sự cố kết, một bản sắc dân tộc khá độc đáo, đã có một nền văn hóa vật chất và tinh thần phát triển cao và ổn định như thế nào mới có thể làm thất bại sự xâm lược, bành trướng và thôn tính của đế chế phong kiến phương Bắc dưới những hình thức và thủ đoạn không vũ trang, khi sự xâm lược diễn ra nhỏ nhặt, hàng ngày, từ từ, trong các lĩnh vực văn hóa, phong tục, đạo giáo, v.v. của đời sống xã hội, theo một âm mưu đồng hóa được thực hiện nhất quán trong nhiều thế kỷ. Những truyền thống công xã Việt Nam đã góp phần không nhỏ vào việc củng cố những mối liên kết dân tộc, bảo vệ tính cách dân tộc Việt Nam chống lại mọi âm mưu và thủ đoạn đồng hóa thâm độc của bọn xâm lược phương Bắc.

Quá trình hình thành dân tộc Việt Nam đồng thời cũng là quá trình ra đời của nhà nước trung ương tập quyền và nhà nước đó đã ra đời hết sức sớm ở nước ta. Để củng cố chế độ trung ương tập quyền, các triều đại Việt Nam đều có xu hướng tổ chức ra một hệ thống hành chính chặt chẽ, thống nhất. Toàn bộ lãnh thổ đều được

chia thành những đơn vị hành chính nhỏ hơn do chính quyền trung ương bổ nhiệm quan cai trị. Tư tưởng chính trị và pháp luật truyền thống Việt Nam xưa nay vốn xa lạ với xu hướng tự trị địa phương và chia cắt. Tuy nhiên, các triều đại đó đều duy trì kết cấu công xã ở những mức độ khác nhau. Tổ chức hạ tầng của quốc gia Việt Nam vẫn là các làng xã với những truyền thống bền vững của nó. Cái tổ chức xã hội và chính trị này trong đời sống Việt Nam về cơ bản không thay đổi trong nhiều thế kỷ. Nó tỏ ra thích hợp với công cuộc dựng nước và giữ nước của dân tộc, với công cuộc động viên và tổ chức lực lượng của dân tộc đứng lên giết giặc cứu nước. Dĩ nhiên, về một số mặt nào đấy, nó cũng thuận tiện cho việc cai trị và bóc lột của nhà nước phong kiến.

Như vậy là ở Việt Nam, cái thực tế lịch sử làng — nước trong sự hình thành và phát triển của dân tộc, trong tổ chức nhà nước, trong tư tưởng và tình cảm con người đã làm cho chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam có một trình độ sâu sắc và mạnh mẽ riêng biệt mà ở nhiều dân tộc khác không có. Hình như sự ràng buộc giữa mỗi con người Việt Nam riêng biệt với khối cộng đồng dân tộc chung được liên kết chặt chẽ hơn qua những khâu, những mắt xích khá chắc chắn làm cho cả sợi dây xích có độ bền vững hơn.

Tư tưởng yêu nước thương nòi tất yếu phải sản sinh ra những hành động yêu nước, sản sinh ra chủ nghĩa anh hùng trong chiến đấu. Từ ngàn xưa, trong mọi thời kỳ của lịch sử Việt Nam, không hiếm những hành động anh hùng của những người con Việt Nam xả thân cứu nước. Đức hy sinh, xả thân quên mình là một hệ quả đặc sắc, nổi bật của tư tưởng yêu nước Việt Nam. Và cả ở đây nữa, sự kết hợp giữa tư tưởng yêu nước với truyền thống công xã đã tạo ra được những sức mạnh tinh thần hết sức lớn lao.

Ở trong lòng xã hội Việt Nam cũ, cái ý thức về quyền lợi và hạnh phúc cá nhân xuất hiện muộn hơn và chưa có thể có cái môi trường xã hội thuận lợi để cho nó có thể phát triển lên thành hệ tư tưởng cá nhân chủ nghĩa như ở châu Âu. Trong một thời gian lâu dài, trong tâm hồn Việt Nam vẫn còn giữ lại được những truyền thống của một chủ nghĩa tập thể tuy thô sơ nhưng rất khỏe khoắn của thời kỳ công xã.

Trong thời dã man, khi con người còn ở trong cái bào thai của thị tộc, khi trình độ phát triển của sản xuất chưa cho phép kinh tế gia đình nhỏ có thể tồn tại được thì con người chỉ có thể sống được nhờ vào lao động và sinh hoạt chung trong công xã. Vào lúc ấy, con người chưa có ý niệm về cá nhân như là một thực thể độc lập. Lúc ấy, chỉ có tập thể công xã mà mỗi thành viên là một mảnh thịt da của cái cơ thể ấy. Tập thể là tất cả, còn cá nhân không là cái gì hết. Vào thời ấy, trong cuộc chiến đấu chống những kẻ thù hai chân và bốn chân, mỗi một người coi sự ủy thác của tập thể là thiêng liêng và sẵn sàng quên mình không do dự vì lợi ích của tập thể. Chính cái cơ sở tư tưởng này đã tạo nên một chủ nghĩa anh hùng riêng biệt của thời kỳ công xã mà những thời kỳ sau, khi trong xã hội đã xuất hiện tài sản tư hữu và ách áp bức bóc lột giai cấp, không có nữa.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam chính là đã hấp thụ được cái truyền thống quý báu, cái chủ nghĩa anh hùng tập thể của thời kỳ công xã đó và đã biến được cái dòng nhựa sống tinh thần đã nuôi con người Việt Nam lớn lên trong những bước khó khăn của buổi bình minh lịch sử của mình thành nguồn bổ sung sức mạnh tinh thần của dân tộc trong giai đoạn trưởng thành của con người Việt Nam.

Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống dân chủ và nhân ái.

Sự ra đời của các dân tộc tư sản ở châu Âu đồng thời cũng là sự ra đời của nền dân chủ tư sản. Chúng là những phạm trù của cùng thời đại tư bản chủ nghĩa. Trong cuộc chiến đấu công khai với chế độ chuyên chế phong kiến, giai cấp tư sản dù muốn hay không, đều cần phải tập hợp tất cả các thế lực chống phong kiến trong lòng dân tộc. Vì vậy, sự ra đời của dân tộc tư sản, hay là việc giai cấp tư sản trở thành dân tộc tất yếu gắn liền với việc giai cấp này ít nhiều phải giương cao ngọn cờ dân chủ tư sản với nền cộng hòa đại nghị và lý tưởng tự do, bình đẳng, bác ái. Đó là một nền dân chủ hết sức hình thức và giả dối, nhưng dù sao, đó vẫn là một nền dân chủ.

Dân tộc Việt Nam đã ra đời trong những điều kiện lịch sử khác hẳn, không giống với những điều kiện phát triển tư bản chủ nghĩa, cho nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam không có một trào lưu dân chủ tư sản gắn bó với nó mà lại có một trào lưu dân chủ khác, trào lưu dân chủ của quần chúng nông dân lao động. Tính chất, nội dung và hình thức của nền dân chủ ấy dĩ nhiên không giống với nền dân chủ tư sản.

Ý niệm và truyền thống dân chủ Việt Nam không phải bắt nguồn từ những quan điểm tư sản về quyền lợi và nghĩa vụ người công dân, phản ánh những quan hệ kinh tế tư bản chủ nghĩa mà từ những quan niệm và nguyện vọng sâu xa và mãnh liệt của quần chúng nông dân về lý tưởng công bằng và bình đẳng xã hội. Lý tưởng này là sự phản kháng đối với hiện thực xã hội bất công, là sự luyến tiếc những truyền thống, tập tục tốt đẹp của thời kỳ công xã xa xưa, là những ước mơ về một cuộc sống tương lai với những khát vọng về hạnh phúc con người.

Sự gặp gỡ giữa tư tưởng yêu nước và trào lưu dân chủ đó làm cho tư tưởng yêu nước đã kết hợp được cái lý tưởng tổng quát và bao trùm là chiến đấu cho độc lập tự do của dân tộc với nội dung xã hội của nền độc lập tự do ấy. Và cũng trên điểm này, nổi bật lên rõ nét tính giai cấp của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Giữa quần chúng nông dân và giai cấp phong kiến, ngay cả lúc giai cấp này đang còn là lãnh tụ của dân tộc, có những quan niệm đối lập nhau về nội dung độc lập tự do.

Đối với quần chúng nông dân, lý tưởng độc lập tự do không có ách thống trị ngoại bang gắn liền với lý tưởng về một xã hội trong đó mọi người đều thân ái, hòa thuận, vui vẻ làm ăn, một cuộc sống hạnh phúc ít có tiếng khóc than, một xã hội không có bất công, không có người giàu đè nén áp bức kẻ nghèo. Cai trị xã hội đó tất nhiên vẫn phải có một ông vua, bởi vì với tư tưởng nông dân, một xã hội thái bình thịnh trị không thể không do một ông vua hiền với những bầy tôi giỏi cai trị được. Mác nói: «Họ không thể tự mình đại biểu cho mình được, mà cần phải có người khác đại biểu cho mình. Những đại biểu của họ thì đồng thời phải là chủ của họ, được họ coi như một quyền uy tối cao»[1]. Tuy nhiên, đó là một ông vua của quần chúng nông dân, ông vua biết nghe lời nói phải biết hối lỗi khi sai lầm, có lòng thương các thần dân, biết qui trọng những người hiền tài và có thể nhường ngôi báu cho người tài giỏi.

Đối với giai cấp phong kiến Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước có nội dung gắn chặt với những lợi ích và đặc quyền giai cấp của họ. Đất nước được độc lập có nghĩa là quyền lợi kinh tế và địa vị chính trị của họ được bền vững, còn như một khi đất nước không có độc lập tự do thì thái ấp,

---

1. C. Mác — Ph. Ăng-ghen, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1962, t.1, tr. 528.

bổng lộc và quyền uy không còn, mà bản thân họ cũng không tồn tại như một giai cấp thống trị nữa. Xu hướng bản chất của chế độ phong kiến là chuyên chế, là đối lập với dân chủ. Tuy nhiên, trong một thời gian lịch sử khá dài của nước ta, giai cấp phong kiến là một giai cấp đứng đầu dân tộc. Đứng trước họa xâm lược đe dọa sự tồn vong của dân tộc, trong đó bao hàm bản thân những lợi ích của giai cấp mình, nhu cầu khách quan của cuộc đấu tranh dân tộc đòi hỏi giai cấp phong kiến phải giương cao ngọn cờ dân tộc, phải tập hợp toàn thể lực lượng dân tộc và do đó phải dề xướng dân chủ đến một mức nào đấy. Vả chăng, giai cấp đó cũng chẳng phải mất công tìm tòi gì lắm cái nội dung và hình thức dân chủ đó. Cái truyền thống dân chủ khỏe khoắn đã có sẵn trong nhân dân, đang nằm ở đằng sau các lũy tre làng mà quyền lực của các triều đại chưa dễ gì phá vỡ được. Thành thử ra việc dề xướng dân chủ của giai cấp phong kiến chỉ là sự chính thức hóa của nhà nước phong kiến cái đã từng tồn tại trong dân gian.

Chính sách mở rộng dân chủ của giai cấp phong kiến Việt Nam chứng tỏ rằng đó là một giai cấp phong kiến ở một dân tộc thường đứng ở tư thế một dân tộc bị xâm lược. Tuy nhiên, chính sách đó vận động giữa hai cực đối lập nhau. Muốn củng cố nền độc lập dân tộc, giai cấp phong kiến phải phát huy sức mạnh của dân tộc, phải làm cho dân tộc có một bản lĩnh riêng mà cái bản lĩnh này không thể tìm đâu ngoài cái nền tảng nhân dân, cái truyền thống yêu nước và dân chủ vẫn tồn tại lâu dời trong lòng nhân dân. Chính vì lý do đó chúng ta thấy ở những thời gian nhất định, một số chính sách đối nội của giai cấp phong kiến nước ta ít nhiều mang tính chất nhân dân. Mặt khác, khi cần củng cố quyền thống trị của giai cấp mình, giai cấp phong kiến lại phải rời bỏ cái bản sắc dân tộc, dân chủ và nhân dân ấy, phải tìm vũ khí chính trị và tinh thần của mình ở hệ tư tưởng phong kiến chính thống

ở các diện chế của nhà nước phong kiến phương Bắc với những hình thức tổ chức mẫu mực và phương tiện hoàn bị để chống lại nhân dân. Đó là xu hướng chống lại dân chủ đồng thời cũng chống lại dân tộc của giai cấp phong kiến Việt Nam. Tuy nhiên, dù khi chiều hướng phản động hón của triều đình thăng thế thì giai cấp phong kiến cũng không thể thủ tiêu dễ dàng các truyền thống dân chủ đã ăn sâu bám rễ trong đời sống nhân dân.

Thời Lê Thánh Tôn là thời cực thịnh của chế độ phong kiến, của nhà nước trung ương tập quyền. Đó là lúc không có nguy cơ xâm lược trực tiếp và là lúc mà triều Lê có xu hướng tìm mọi cách củng cố sự vững mạnh của chế độ bằng cách rập theo khuôn mẫu của nhà nước phong kiến phương Bắc về mọi phương diện. Tuy nhiên, ngay trong bộ luật Hồng Đức là bộ luật cơ bản thời đó cũng vẫn có những điều khoản qui định con gái được quyền bình đẳng hưởng tài sản như con trai và trong trường hợp không có con trai thì con gái được quyền thừa kế ruộng hương hỏa. Lại có những điều luật về hôn nhân trong đó ghi rõ nếu người chồng cố tình ruồng bỏ thì người vợ cũng có quyền ly dị và tài sản do hai vợ chồng gây dựng nên sẽ chia đôi một cách bình đẳng. Điều đó nói lên rằng, mặc dù rập theo các thiết chế phong kiến phương Bắc, vua Lê Thánh Tôn không thể không thừa nhận các truyền thống, các tập tục xã hội phản ánh tính chất dân chủ trong đời sống Việt Nam và phải ghi vào pháp luật những điều đi ngược lại với thói trọng nam khinh nữ của hệ tư tưởng phong kiến chính thống.

Để củng cố quyền thống trị của mình, tất cả các triều đại phong kiến Việt Nam ít nhiều phải tiếp thụ hệ tư tưởng Nho giáo, đặc biệt từ thế kỷ XV trở đi, với triều Lê, Nho giáo đã chiếm được địa vị độc tôn, đã đánh bại được Phật giáo để trở thành quốc giáo của nhà nước phong kiến Việt Nam.

Về cơ bản, Nho giáo là một học thuyết chính trị và đạo đức mà hạt nhân của nó là thuyết « nhân lễ ». Lễ tức là trật tự xã hội, mà xã hội muốn đạt đến lễ phải có điều nhân. Xét theo các nội dung cụ thể mà Khổng tử đề cập đến điều nhân, có thể hiểu nhân là đạo làm người, là cách xử sự của người quân tử chung quanh năm mối quan hệ (ngũ luân) và tập trung vào ba mối quan hệ cơ bản (tam cương): vua — tôi, cha — con, chồng — vợ. Ba mối quan hệ ấy là giường mối của xã hội, trong đó quan hệ vua — tôi là cơ bản nhất. Cho nên cũng có thể nói tư tưởng trung quân là tư tưởng cơ bản nhất của Nho giáo. Khổng tử đã đề xướng những khuôn phép rất chặt chẽ về các mối quan hệ ấy theo một tinh thần đẳng cấp rất nghiệt ngã: « Vua phải đạo vua, tôi phải đạo tôi; cha phải đạo cha, con phải đạo con... ».

Ta hãy xem tâm hồn của nhân dân Việt Nam với những quan niệm dân chủ của mình đã tiếp nhận những khuôn phép ấy của thầy Khổng như thế nào?

Trong quan hệ vua — tôi, Nho giáo đòi hỏi một sự trung thành tuyệt đối của bầy tôi và thần dân đối với vua. Quan điểm trung quân cực đoan đó là vũ khí tư tưởng quan trọng nhất để thực hiện sự thống trị của chế độ chuyên chế phong kiến. Vua là một quyền lực tối hậu vô thượng, là con trời, thay mặt trời để cai trị trăm họ, « ý vua là ý trời ». Nhưng trong quan niệm dân gian Việt Nam, vua chẳng qua chỉ là một địa vị, một uy quyền mà kẻ mạnh giành được trong cuộc đấu tranh mà thôi. Người ta lưu truyền cái quan niệm « được làm vua, thua làm giặc ».

Trong lịch sử chế độ phong kiến Việt Nam, cái ý thức về bảo vệ dòng họ, triều đại chính thống không sâu sắc lắm như ở xã hội phương Bắc. Phải sau nhiều thế kỷ nhồi sọ, ấn hệ tư tưởng Nho giáo vào đời sống tinh thần của dân tộc, cái tư tưởng trung quân, bảo vệ dòng họ

chính thống mới mang nhiều sắc thái cực đoan, cuồng tín và ngu xuẩn như dưới thời Lê mạt ở nước ta. Ở các thế kỷ trước đó, các triều đại thay thế nhau, nhà tiền Lê thay nhà Đinh, nhà Lý thay nhà Lê, nhà Trần thay nhà Lý đều diễn ra trong trạng thái cái triều đại cũ đã hết sức sống, ông vua đã trở thành một hôn quân, hoặc còn nhỏ tuổi, hoặc kém uy tín không đủ tư cách lãnh đạo quốc gia đang đứng trước họa ngoại xâm đe dọa sự tồn vong của dân tộc, cho nên buộc phải nhường ngôi vua cho một người thuộc dòng họ khác đủ tài đức hơn làm vua. Việc nhường ngôi này thực ra ít hay nhiều đều có vai trò của bạo lực, đều có yếu tố cưỡng bức, nhưng nói chung, đều diễn ra tương đối ôn hòa và thuận lợi trong sự suy tôn của triều thần và sự ủng hộ của quần chúng nhân dân. Vào thời đó, chế độ thế tập cha truyền con nối tuy đã được củng cố ổn định, nhưng ta vẫn hãy còn thấy bóng dáng của một truyền thống dân chủ trong việc tuyển lựa thủ lĩnh của khối cộng đồng đứng trước cơn nguy biến chung của đất nước.

Xã hội Việt Nam trong nhiều thế kỷ dưới chế độ phong kiến vẫn còn giữ lại ít nhiều sức mạnh của quyền lực công xã và ngay trong chế độ phong kiến trung ương tập quyền quyền lực nhà vua không phải lúc nào cũng là vô hạn. «Phép vua thua lệ làng» và «Nước theo lệ nước, làng theo lệ làng». Theo một ý nghĩa nào đấy, những luật lệ trong làng là vũ khí của nhân dân để bảo đảm những quyền lợi dân chủ nhất định của mình chống lại chế độ chuyên chế tập trung. Phải sau nhiều thế kỷ, chế độ chuyên chế phong kiến mới can thiệp được và phá vỡ dần các luật lệ ấy, dần dần sử dụng chúng phục vụ cho sự thống trị của mình.

Trong quan hệ cha — con, Nho giáo đề ra những khuôn phép theo một kiểu như trong quan hệ vua — tôi, nhưng thu hẹp vào trong phạm vi từng gia đình. Theo lề

thời của đạo Nho, người cha là người gia trưởng đầy quyền lực trong gia đình, là ông vua con trong gia đình. Cha bao giờ cũng là tài giỏi và đúng đắn hơn con. Con bao giờ cũng phải làm theo ý cha, trái ý cha là bất hiếu và sẽ dẫn đến sai lầm.

Đề chống lại quan điểm Nho giáo chính thống về quan hệ cha — con, trong dân gian Việt Nam, đã từng lưu truyền một ngạn ngữ hết sức cách mạng và rất hay: « Con hơn cha là nhà có phúc! ».

Trong mối quan hệ giữa người vợ đối với người chồng, khuôn phép của Nho giáo đã đầy người phụ nữ xuống địa vị một kẻ nô lệ trong gia đình. Với tam tòng và tứ đức của Nho giáo, thân phận người phụ nữ từ lúc ấu thơ cho đến khi hai tay buông xuôi từ giã cõi đời là một chuỗi những ngày buồn tẻ và tủi nhục. Nói chung, từ khi chế độ thị tộc phụ hệ thay thế cho thị tộc mẫu hệ, trong tất cả mọi dân tộc, người đàn bà đã bị người đàn ông đánh bại ở trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội và gia đình. Tuy nhiên, chỉ đến Khổng tử với thuyết tam tòng tứ đức của ông ta, cái xiềng xích quàng lên cổ người đàn bà mới trở nên đau đớn ê chề đến như vậy!

Tuy nhiên, thân phận người phụ nữ Việt Nam trong xã hội cũ còn được may mắn hơn, bởi vì trong đời sống tinh thần của dân tộc vẫn còn tồn tại khá mạnh cái truyền thống bình đẳng và nhân ái mà thời kỳ công xã với chế độ mẫu hệ đề lại. Trong gia đình Việt Nam cũ, người mẹ còn có vai trò nhất định đối với con cái. Trong dân gian thường có những câu cửa miệng: « Cha sinh không bằng mẹ dưỡng », « chữ hiếu hai vai », « đức hiền ở mẹ ». Người vợ đối với chồng có một tư thế bình đẳng trong việc quản lý gia đình: « Thuận vợ, thuận chồng tát biển Đông cũng cạn ». Trong đời sống xã hội, người đàn bà được tham gia với mức độ nào đấy vào nhịp sống chung của dân tộc, chứ không phải chỉ bị giam hãm hoàn

toàn trong bốn bức tường với nhiệm vụ tề gia nội trợ. Khi Tổ quốc lâm nguy, đàn bà cũng được làm những công việc vốn ra là của các bậc tu mi nam tử: « Giặc đến nhà, đàn bà phải đánh ».

Những truyền thống dân chủ Việt Nam đã ít nhiều giải phóng được những sức mạnh tiềm tàng của người phụ nữ Việt Nam xưa kia. Không phải ngẫu nhiên mà trong lịch sử Việt Nam, trong cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, phụ nữ lại có một vai trò to lớn đến như thế. Ít có một dân tộc nào trên thế giới như dân tộc ta đã có phụ nữ là lãnh tụ của cuộc khởi nghĩa toàn dân và sau thắng lợi lại đứng ra tổ chức cả một nhà nước, lập ra một vương triều mới. Trong lĩnh vực văn học, cũng hiếm có một dân tộc nào như dân tộc ta, trong những đêm dài trung cổ, với lề thói trọng nam khinh nữ nặng nề, lại có thể sản sinh ra những nhà văn nữ và nhà thơ nữ lớn của dân tộc mà cho đến nay chúng ta hãy còn kiêu hãnh.

Tư tưởng dân chủ trong khi bảo vệ người phụ nữ, nêu cao sức mạnh của họ thì đồng thời cũng giải phóng những tinh lực tiềm tàng của dân tộc. Điều đó rất quan trọng đối với dân tộc ta trong việc động viên sức mạnh chống ngoại xâm của cả dân tộc. Đứng trước một kẻ thù luôn luôn lớn mạnh và đông hơn mình, truyền thống dân chủ đó đã khắc phục một phần tính thụ động và tiêu cực của một nửa dân tộc và do đó góp phần vào việc tăng thêm sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam.

Toàn bộ những truyền thống dân chủ trên đây của người Việt Nam xưa cũng đồng thời là những truyền thống nhân ái sâu sắc của những con người lao động, một lòng thương và cái tình bao dung những con người đồng cảnh ngộ. Chính cái lòng thương này làm cho chủ nghĩa yêu nước Việt Nam có được sức cảm hóa lớn lao, khêu gợi lên những tình cảm yêu nước trong sáng và nhân đạo

sâu xa trong chiều sâu tâm hồn của mọi người con dân tộc:

« Nhiễu điều phủ lấy giá gương,
Người trong một nước phải thương nhau cùng ».

Tư tưởng nhân ái Việt Nam là một cái gì xa lạ đối với hệ tư tưởng Nho giáo. Ở hệ thống những quan hệ xã hội mà Khổng tử muốn xây dựng nên, hệ thống của trật tự và lễ nghĩa cứng dờ, người ta chỉ thấy những quy tắc xử sự lạnh lùng. Ở đó không có chỗ cho tình thương! Trong quan hệ đối xử với đồng loại, Nho giáo chỉ đưa ra được lời răn tưởng như cao thượng lắm, nhưng thực ra chỉ là chủ nghĩa vị kỷ ôn hòa mà thôi: « điều gì mình không muốn người ta làm cho mình, thì mình cũng đừng làm cho người khác » (« kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân »). Nhưng cũng ở trong quan hệ ấy, tâm hồn nhân ái Việt Nam đã tỏ ra cao hơn giáo điều của Nho giáo hẳn một bậc khi đưa ra cái phương châm xử thế: « Thương người như thể thương thân! ».

Tư tưởng nhân ái Việt Nam là tư tưởng của nhân dân lao động Việt Nam, chứ không thể là sản phẩm của chế độ phong kiến, dù là chế độ phong kiến Việt Nam. Tư tưởng và tình cảm nhân ái đó với những quan niệm, tập tục lâu đời đã ăn sâu bám rễ trong đời sống của nhân dân trở thành một nội dung đặc trưng cho nền văn hóa tinh thần của dân tộc, đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến bộ mặt tinh thần chung của xã hội Việt Nam ngay cả trong điều kiện thống trị của hệ tư tưởng phong kiến. Những truyền thống nhân ái đó là sự chế ngự đối với tính chất tàn bạo, dã man và hà khắc của chế độ phong kiến.

Xã hội Việt Nam và xã hội Trung Quốc trong những thế kỷ trước đây tuy • cùng ở dưới chế độ phong kiến với một bản chất chung giống nhau nhưng có sự khác nhau rõ rệt trong những truyền thống và những mối quan

hệ của con người trong xã hội. Dĩ nhiên, ở Trung Quốc bên cạnh hệ tư tưởng phong kiến thống trị vẫn tồn tại cái dòng tư tưởng và tình cảm nhân ái khỏe khoắn, lành mạnh của nhân dân lao động Trung Quốc; nhưng do những diều kiện lịch sử nhất định cái dòng tư tưởng và tình cảm đó đã không thể phát huy lên được như ở Việt Nam. Vì vậy, trong tư tưởng truyền thống mà xã hội phong kiến Trung Quốc để lại, người ta thấy nổi lên nhiều hơn cái mặt tàn ác, nghiệt ngã, phi nhân tính của những quan hệ con người, cái mà Lỗ Tấn đã từng dùng hình ảnh văn học để ví lịch sử Trung Quốc như lịch sử những bữa tiệc triền miên trong đó người ta nhấm rượu với dầu lâu người.

Xã hội Việt Nam xưa kia đã có thể tạo ra và truyền lại một truyền thống nhân ái cao đẹp và nói theo từ ngữ ngày nay đó là một chủ nghĩa nhân đạo tuy còn thô sơ nhưng hết sức mạnh mẽ. Chính điều này cũng đã góp phần tạo nên sức mạnh của hệ tư tưởng Việt Nam nói chung, của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam nói riêng.

Người ta nhận thấy rằng trong những thời đại nhất định, một giai cấp cũng như một dân tộc muốn đóng được vai trò lịch sử tiêu biểu cho thời đại mình, tỏa được ánh sáng của những tư tưởng tiền tiến của mình soi đường cho các thế hệ mai sau thì không thể không có một hình thức nào dấy của chủ nghĩa nhân đạo trong hành trang tư tưởng của mình. Giai cấp tư sản trong thời kỳ đang lên cũng có một chủ nghĩa nhân đạo của nó. Thời đại ngày nay, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản cũng cần một chủ nghĩa nhân đạo của mình, chủ nghĩa nhân đạo cộng sản chủ nghĩa.

Lịch sử chứng tỏ rằng tất cả những thế lực nào dựa trên một hệ tư tưởng trong đó vắng bóng một hình thức nào dấy của chủ nghĩa nhân đạo mà chỉ dựa vào sự cuồng tín, những lý luận chống lại con người, sự sùng bái bạo

lực thì tuy có thể tạm thời giành thắng lợi nhưng sớm muộn cũng sẽ sụp đổ tan tành. Xét theo ý nghĩa đó, chúng ta thấy rằng truyền thống dân chủ và nhân ái Việt Nam tuy thô sơ và còn nhiều cảm tính nhưng đó là một truyền thống rất quý báu trong quá trình tồn tại và phát triển của dân tộc ta từ thời xa xưa cho đến ngày nay.

Như vậy là chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã chứa đựng trong bản thân mình cái nội dung dân chủ và nhân ái, đã kết hợp lại làm một khát vọng chiến đấu cho độc lập tự do của cả dân tộc với cái lý tưởng công bằng và bình đẳng xã hội của cái khối quần chúng lao động đông đảo hợp thành đa số dân tộc. Chủ nghĩa yêu nước đó đã có một chiều sâu nhất định trong điều kiện lịch sử thời đó, và đã làm cho các phong trào yêu nước Việt Nam xưa kia tuy trong đa số trường hợp vẫn do các tập đoàn phong kiến lãnh đạo vẫn có cái khí thế mãnh liệt của những phong trào mang tính nhân dân sâu sắc.

Sự hình thành và gặp gỡ giữa tư tưởng yêu nước với trào lưu dân chủ và nhân ái của khối quần chúng nông dân cơ bản ở nước ta đã có một ảnh hưởng sâu sắc đến các nhà tư tưởng lớn của dân tộc ta. Ta đã nghe thấy cái tư tưởng « khoan thư sức dân » để làm kế « sâu rễ bền gốc » coi đó là thượng sách chống giặc giữ nước của người đại biểu xuất sắc của tầng lớp quý tộc nhà Trần đồng thời là người anh hùng dân tộc tiêu biểu cho tinh thần chiến đấu vĩ đại của dân tộc ta chống đế quốc Nguyên Mông.

Tuy nhiên, chỉ đến Nguyễn Trãi thì cái quan điểm nhân dân mới thật rõ rệt và hết sức sâu sắc, cái sức mạnh của quần chúng mới được nêu lên một cách cô đọng đến như vậy: « chở thuyền là dân mà lật thuyền cũng là dân ». Đến Nguyễn Trãi, chủ nghĩa yêu nước đã gắn chặt làm một với quan điểm nhân dân, yêu nước và thương dân đã hòa

với nhau làm một. Đối với Nguyễn Trãi, yêu nước là thương dân, dề cứu nước phải cứu dân, đem lại thái bình cho dân, cho mọi người. Triết lý nhân nghĩa của Nguyễn Trãi cuối cùng chẳng qua là lòng yêu nước thương dân.

Với nội dung như vậy, chủ nghĩa yêu nước của Nguyễn Trãi đã vượt ra khỏi phạm trù hệ tư tưởng phong kiến, mặc dầu bản thân ông xuất thân từ tầng lớp sĩ phu, chịu ảnh hưởng khá sâu của hệ tư tưởng Nho giáo. Chủ nghĩa yêu nước Nguyễn Trãi là sự thừa kế chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, là sự phát triển chủ nghĩa ấy đến đỉnh cao nhất và là giới hạn cuối cùng mà chủ nghĩa yêu nước truyền thống trong những hoàn cảnh lịch sử của thời đại đó chưa thể vượt qua được.

Nội dung giai cấp của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam.

Như vậy là dân tộc Việt Nam đã ra đời rất lâu trước khi con người trên quả đất này biết được thế nào là chủ nghĩa tư bản. Do đó, phạm trù dân tộc ở Việt Nam phản ánh những thực tiễn lịch sử và xã hội khác hẳn thực tiễn vận động của xã hội tư sản. Thực tiễn đó đòi hỏi nhận thức khoa học về quy luật ra đời của dân tộc phải có những sự khái quát mới. Nếu như thừa nhận con đường ra đời của các dân tộc ở châu Âu tư bản chủ nghĩa là con đường cổ điển tương đối phổ biến, thì qua thực tiễn của dân tộc ta ít nhất cũng phải thừa nhận rằng có một con đường khác để một dân tộc có thể ra đời được, một con đường tuy có những nét đặc thù, nhưng không phải là một lệ ngoại của lịch sử mà có những yếu tố khách quan tương đối đầy đủ cho dân tộc đó tồn tại.

Cùng với sự ra đời và phát triển của dân tộc Việt Nam, một chủ nghĩa yêu nước Việt Nam cũng đã hình thành và

phát triển hết sức mạnh mẽ trong đời sống Việt Nam. Chủ nghĩa yêu nước là một phạm trù thuộc kiến trúc thượng tầng của xã hội và trong một xã hội có giai cấp thì kiến trúc thượng tầng bao giờ cũng có tính giai cấp. Lẽ đương nhiên một vấn đề sẽ được đặt ra là bản chất giai cấp của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam là gì?

Vấn đề còn có thể được đặt ra dưới một hình thức khác! Quan điểm duy vật lịch sử đòi hỏi chúng ta bao giờ cũng phải tìm ra cái thực chất giai cấp trong bất cứ vấn đề dân tộc nào, phải tìm xem giai cấp nào là giai cấp đứng ở trung tâm của phong trào dân tộc, tìm ra những lợi ích giai cấp bên trong nội dung của phong trào dân tộc. Chính sự phân tích đó cho đến nay đã cho ta thấy hai kiểu dân tộc trong lịch sử loài người: dân tộc tư sản và dân tộc xã hội chủ nghĩa. Nhưng dân tộc Việt Nam trước đây rõ ràng không phải thuộc hai kiểu dân tộc ấy.

Từ những điều phân tích trên kia về nội dung chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, chúng ta thấy rằng dân tộc ta chẳng phải là một lệ ngoại gì, rằng trong bao nhiêu thế kỷ nó vẫn là một cộng đồng người gồm hai giai cấp cơ bản có những lợi ích kinh tế đối kháng với nhau và do đó có những quan điểm tư tưởng hoàn toàn trái ngược nhau. Giai cấp thống trị trong xã hội nước ta trước đây rõ ràng là giai cấp phong kiến và cũng rõ ràng là hệ tư tưởng phong kiến là hệ tư tưởng thống trị trong xã hội. Ta đã từng thấy ngay trong tư tưởng của nông dân nước ta không phải là hiếm những ảnh hưởng của hệ tư tưởng phong kiến.

Trong một thời kỳ lịch sử tương đối dài, giai cấp phong kiến Việt Nam đã đóng một vai trò nhất định trong sự hình thành và phát triển dân tộc, đã giương cao ngọn cờ yêu nước của họ và đã lãnh đạo dân tộc chống lại những cuộc ngoại xâm lớn. Thành thử ra, vào lúc đó, có thể nói đến một chủ nghĩa yêu nước phong kiến Việt Nam. Chủ

nghĩa yêu nước đó rất tha thiết với nền độc lập của dân tộc, cho rằng đất đai, sông núi nước Nam do vua Nam ở, thần dân đều là của vua nước Nam, do vua nước Nam cai trị, không ai có quyền xâm phạm và kẻ nào xâm phạm đến bờ cõi nước Nam, kẻ đó sẽ bị trừng phạt đích đáng. Ở đây, chúng ta thấy nhận thức của những người lãnh đạo dân tộc về quyền lợi tối cao của đất nước đã hết sức sáng tỏ, thấy rõ ý chí sắt đá kiên quyết bảo vệ nền độc lập dân tộc của họ và ý chí đó là tiêu biểu cho ý chí của toàn dân. Đồng thời trong nội dung ấy ta cũng thấy rõ rệt xiết bao cái quan điểm của giai cấp phong kiến về quyền lợi của dân tộc mà thực chất là quyền lợi của vua chúa và bầy tôi của họ. Ngay trong bài « Hịch tướng sĩ » của Trần Hưng Đạo, một kiệt tác của chủ nghĩa yêu nước thời nhà Trần, ta vẫn nghe thấy quán xuyến cái tư tưởng về quyền lợi, về thái ấp, về bổng lộc. Sự trung thực của Trần Hưng Đạo là trong khi nói đến quyền lợi của giai cấp quý tộc thì cũng thẳng thắn đề cập đến quyền lợi của bình dân, và cái hay hơn nữa là nói đến sự thống nhất về quyền lợi của cả quý tộc và bình dân đứng trước họa ngoại xâm đe dọa đến quyền lợi chung của dân tộc.

Không nghi ngờ gì nữa, đó là chủ nghĩa yêu nước theo lập trường của giai cấp phong kiến. Vấn đề đáng nói là cái chủ nghĩa yêu nước ấy mặc dù có thực chất phong kiến như thế nào đi nữa thì nó vẫn truyền lại cho chúng ta ngày nay những sức mạnh tinh thần lớn lao. Khi chúng ta đọc những áng văn kiệt tác của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam như bài thơ của Lý Thường Kiệt, bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của dân tộc hoặc như bài « Hịch tướng sĩ » của Trần Hưng Đạo, chúng ta chỉ thấy trong lòng rụng động và đón nhận cái tư tưởng yêu nước thương nòi, cái ý chí hào hùng của dân tộc trong các tác phẩm đó mà thôi. Những yếu tố tiến bộ và tích cực đó trong tư tưởng và hành động của những người đại biểu

xuất sắc của giai cấp phong kiến Việt Nam trong thời kỳ giai cấp ấy đang đi lên, đang đóng vai trò tiến bộ trong lịch sử dân tộc, trên một ý nghĩa nào đấy đã vượt khỏi tư tưởng và hành động của giai cấp phong kiến, đã trở thành tư tưởng và hành động tiêu biểu cho quyền lợi tối cao của dân tộc. Các thế hệ Việt Nam ngày nay đã chấp nhận các vị đó như những anh hùng dân tộc, phát biểu lên những nguyện vọng sâu xa nhất của toàn thể dân tộc. Tư tưởng của họ đã trở thành tài sản tinh thần chung của dân tộc và có một sức động viên cổ vũ lớn lao trong cuộc chiến đấu quyết liệt của dân tộc trải qua hàng nghìn năm lịch sử.

Sự phát triển của dân tộc ta trong thời đại trước đây đã để lại cho những thế hệ sau những truyền thống lịch sử lâu đời. Mỗi thế hệ ở những thời đại sau, trong khi tiếp nhận và kế thừa những truyền thống, đều ít nhiều có xu hướng gạn lọc ra những cái gì phù hợp với yêu cầu của thời đại mình và loại bỏ những cái gì không phù hợp. Bằng cách đó, cái lịch sử khi tiếp xúc với cái hiện tại ít nhiều đã tự cải tạo và thích ứng với hoàn cảnh mới. Trong bước thang phát triển của lịch sử, những thời đại càng về sau càng ở một nấc thang cao hơn, càng có khả năng đánh giá và gạn lọc một cách đúng đắn hơn những truyền thống mà thời đại trước để lại.

Thời đại mà chúng ta đang sống hiện nay, thời đại thắng lợi của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, của tư tưởng cách mạng và khoa học, cho phép chúng ta đánh giá sâu sắc và đầy đủ hơn bao giờ hết di sản của quá khứ. Đứng ở đỉnh cao của trí tuệ Mác — Lê-nin, chúng ta có thể thấy rõ hơn các thế hệ trước, cái hạn chế trong trào lưu yêu nước của các tầng lớp trên trong xã hội trước đây bao nhiêu thì chúng ta lại càng trân trọng với những di sản tiến bộ trong trào lưu đó bấy nhiêu. Những di sản đó là một bộ phận hợp thành không thể thiếu được trong nội

dung chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam mà hiện nay chúng ta đang kế thừa và phát triển lên một giai đoạn mới.

Tuy nhiên, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam không phải chỉ có những yếu tố đó, thậm chí chủ yếu không phải là những yếu tố đó. Cái đặc sắc trong lịch sử tư tưởng Việt Nam là ở chỗ tuy giai cấp thống trị về kinh tế thì đồng thời cũng thống trị về mặt tư tưởng và văn hóa, nhưng cái sức sống tinh thần của giai cấp bị trị ở Việt Nam lại khỏe khoắn và phong phú đến mức có thể tỏa ánh sáng chiếu rọi cho cả bước đường phát triển lâu dài của dân tộc, có khả năng ngày càng tích tụ và tập trung những tinh lực bền vững của dân tộc trải thế hệ này đến thế hệ khác, trở thành chủ thể của dòng tư tưởng và tình cảm yêu nước thương nòi truyền thống của người Việt Nam.

Chính là nhờ chỗ tư tưởng và tình cảm yêu nước tự nhiên đã gắn bó và kết hợp với những truyền thống công xã, với những truyền thống tư tưởng dân chủ và nhân ái của nhân dân lao động hòa thành một dòng sông lớn, nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mới có sức mạnh đến như vậy. Chính nhờ đó mà lòng yêu nước truyền thống Việt Nam bên cạnh tính chất nồng nàn và mãnh liệt còn có tính nhân dân sâu sắc và chính nhờ có tính nhân dân sâu sắc đó nên mới có thể nồng nàn và mãnh liệt được. Phong trào yêu nước ở một số dân tộc khác nhiều khi mới sôi nổi ở một bộ phận nào của dân tộc, thường ở những tầng lớp có học vấn, nhạy bén với cuộc sống chính trị và tinh thần, trong khi đại bộ phận quần chúng có thể còn thờ ơ với phong trào. Ở Việt Nam, trái lại, thời nào cũng vậy, phong trào yêu nước lôi cuốn được mọi tầng lớp trong nhân dân.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống đã đóng một vai trò lịch sử vĩ đại trong bước đường tiến hóa của dân tộc ta.

Với tư tưởng yêu nước, dân tộc ta đã đoàn kết và tập hợp lại, tự khẳng định mình trong đấu tranh sống mái với những thế lực tàn bạo ghê gớm. Đó là vũ khí tinh thần chủ yếu của dân tộc ta trong cuộc trường chinh lịch sử của mình. Tuy nhiên, ra đời và phát triển từ một xã hội phong kiến, trong một thời đại phong kiến, chủ nghĩa yêu nước đó có khá nhiều nhược điểm, nhất là ở cái nội dung chính trị và lý tưởng xã hội của nó. Vào giữa thế kỷ XIX, chủ nghĩa yêu nước ấy đã gặp cơn khủng hoảng trước những thử thách mới của dân tộc.

Chương hai

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA – CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM

Tổng kết bài học thắng lợi cơ bản của cách mạng nước ta trong năm mươi năm qua, đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư của Đảng đã viết: «Bài học thắng lợi cơ bản của Đảng ta và nhân dân ta trong nửa thế kỷ qua là *giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội*, lấy đó làm nền tảng cho mọi chiến lược và sách lược cách mạng»[1].

Với việc giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, coi đó là đường lối cơ bản của Đảng ta xuyên suốt trong năm mươi năm qua, Đảng ta cũng đồng thời giương cao ngọn cờ của một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta, kết hợp nhuần nhuyễn trong nội dung của nó truyền thống tinh hoa bốn nghìn năm của dân tộc ta với tinh thần cách mạng của thời đại mới, với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân hiện đại.

---

1. Lê Duẩn, *Tiến bước dưới ngọn cờ của Đảng*. Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 20.

Là đường lối cơ bản xuyên suốt toàn bộ cuộc cách mạng Việt Nam trong năm mươi năm nay, nội dung cụ thể của đường lối kết hợp độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội đã có sự phát triển và biến đổi trải qua những giai đoạn lịch sử cơ bản của cuộc cách mạng nước ta. Cũng như vậy, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại ra đời từ hơn năm mươi năm nay, đã đóng vai trò một động lực tinh thần to lớn trong phong trào cách mạng của nhân dân ta và có một bản chất giai cấp nhất quán và xuyên suốt từ khi ra đời cho đến ngày nay, là bản chất giai cấp công nhân. Tuy nhiên, nội dung và yêu cầu cụ thể của chủ nghĩa yêu nước đó đã có sự phát triển không ngừng, ngày càng phong phú và sâu sắc hơn trải qua các giai đoạn cách mạng dân tộc-dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại chỉ có thể là chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể quan niệm chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa ra đời và hình thành một lần là xong. Bản thân chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cũng có quá trình phát triển từ thấp đến cao của nó đi theo quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta. Đó là một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa của một xã hội xã hội chủ nghĩa đang ra đời trên cả nước ta.

Sự ra đời của một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới ở nước ta.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam đã đóng một vai trò lịch sử cực kỳ to lớn, đã là động lực tinh thần chủ yếu của nhân dân ta trong quá trình lâu dài hàng chục thế kỷ dựng nước và giữ nước đã qua. Tuy nhiên, bước sang thế kỷ XIX, khi dân tộc ta lại rơi vào vòng nô lệ mới của bọn xâm lược phương Tây thì chủ

nghĩa yêu nước ấy tỏ ra bất lực, và bắt đầu bước vào một thời kỳ khủng hoảng kéo dài hơn nửa thế kỷ.

Với sự xâm lược của chủ nghĩa đế quốc phương Tây, lần đầu tiên nhân dân Việt Nam đương đầu với một kẻ thù mới, đại diện cho một chế độ xã hội cao hơn xã hội phong kiến, nắm trong tay một nền kinh tế và kỹ thuật quân sự hiện đại, với những thủ đoạn thống trị tinh vi hơn. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống tuy vẫn tiếp tục đóng vai trò động lực tinh thần trong những cuộc chiến đấu đầu tiên của dân tộc, nhưng đã tỏ ra không còn hiệu lực như trước nữa. Thời đại mới và kẻ thù mới đòi hỏi dân tộc phải có những vũ khí tinh thần mới.

Chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trước đây đã có được cái cốt lõi nhân dân sâu sắc, nó bao hàm cả những lý tưởng về dân chủ và công bằng xã hội. Tuy nhiên, trong điều kiện lịch sử lúc đó, trong những giới hạn chật hẹp của hệ tư tưởng phong kiến, lý tưởng về độc lập tự do chỉ có thể trùng với lý tưởng về một quốc gia phong kiến độc lập, có vua hiền tôi giỏi, thái bình thịnh trị. Giờ đây lý tưởng ấy đã tỏ ra lỗi thời. Sự thối nát triền miên của một chế độ phong kiến suy tàn đã tiêu diệt trong lòng nhân dân niềm hy vọng mong manh và ảo tưởng cuối cùng về một xã hội thái bình thịnh trị dưới sự cai trị của một hệ thống vua quan phong kiến. Cái lý tưởng đó lên tiếng cáo chung trong tâm hồn nhân dân Việt Nam biểu hiện bằng những thất bại liên tiếp của các mưu toan « cần vương ».

Chủ nghĩa yêu nước với nội dung chính trị và lý tưởng xã hội như vậy đã cáo chung, nhưng cái tình cảm yêu nước mãnh liệt của nhân dân với những truyền thống lịch sử bền vững thì vẫn còn đó! Cái tâm hồn khỏe khoắn, bừng bừng khí thế chiến đấu của dân tộc không mất đi mà chỉ tạm lắng xuống để chờ đợi một lý tưởng chính trị mới mẻ tìm đến với nó. Lịch sử Việt Nam

trong những năm đó là những năm khủng hoảng về đường lối cứu nước, là những năm tìm kiếm, rèn giũa nên vũ khí tinh thần mới. Có một thời kỳ, lý tưởng chính trị tư sản dân quyền đã tìm đến tâm hồn yêu nước Việt Nam và muốn đóng vai trò mà lý tưởng quân thần xưa kia đã từng đóng.

Sau khi phong trào kháng chiến cần vương tan vỡ, các sĩ phu, các nhà yêu nước đã phải suy nghĩ nhiều về nguyên nhân mất nước. Bộ phận tiên tiến nhất trong tầng lớp đó, qua những tác phẩm của các nhà cải cách Trung Quốc, Nhật Bản, đã tiếp xúc với tân học của văn minh phương Tây. Và cái đường lối do họ đề ra, đường lối «khai dân trí, chấn dân khí», đường lối chống Pháp giành lại độc lập tự chủ, lập chế độ quân chủ lập hiến hoặc chế độ cộng hòa, phát triển nhà nước theo lối duy tân của Nhật, thực chất chỉ là tư tưởng chính trị tư sản.

Lịch sử phong trào yêu nước Việt Nam trong những năm đó chứng tỏ rằng lý tưởng tư sản dân quyền đó hãy còn xa lạ với nhân dân Việt Nam. Với một sự nhạy cảm chính trị bản năng, nhân dân cảm thấy rằng đấy không phải là cái cần thiết đối với mình. Lý tưởng đó với những nội dung trừu tượng của nó không đáp ứng được những nhu cầu bức thiết của quần chúng công nông. Trong khi đó, cái cơ sở xã hội cần thiết cho nó phát triển là giai cấp tư sản bản xứ và tầng lớp trí thức gắn liền với giai cấp đó ở Việt Nam lại quá mỏng manh và yếu ớt. Vì vậy, cái hệ tư tưởng chính trị ấy đi qua tâm hồn dân tộc một cách nhanh chóng và cũng chẳng để lại dấu vết nào đáng kể.

Cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa yêu nước truyền thống tạo ra một chỗ trống trong tâm hồn dân tộc. Tâm hồn yêu nước Việt Nam đang đứng ở ngã ba đường. Quay trở lại với hệ tư tưởng phong kiến thì không được nữa rồi. Tiến lên theo ngọn cờ tự do, bình đẳng, bác ái,

ngọn cờ của chính cái nước đang thống trị mình thì cũng chả hứa hẹn điều gì tốt đẹp. Nếu tâm hồn yêu nước Việt Nam không gặp được hơi thở của thời đại, không kết hợp được với một hệ tư tưởng chính trị của một giai cấp tiên tiến thì chủ nghĩa yêu nước truyền thống mãnh liệt ấy của dân tộc Việt Nam có nguy cơ trở thành một chủ nghĩa yêu nước thuần túy tình cảm. Dòng nhựa yêu nước xưa nay vẫn nuôi sống tinh thần dân tộc có nguy cơ khô cằn đi. Từ một lực lượng tinh thần có khả năng động viên và tổ chức sức mạnh chiến đấu của toàn dân trước đây, chủ nghĩa yêu nước ấy có thể chỉ trở thành một nỗi niềm u hoài về cái thời oanh liệt của dân tộc, những ước mơ về một tương lai tươi sáng chưa biết bao giờ mới đến.

Chính là vào lúc ấy, vào lúc mà phong trào yêu nước Việt Nam đang trong tình trạng khủng hoảng về đường lối như vậy thì một thanh niên cách mạng ra đi tìm đường cứu nước và đã tìm thấy con đường cứu nước trong con đường của cách mạng vô sản, con đường của Cách mạng tháng Mười.

Là một nhà yêu nước vĩ đại, kết tinh của truyền thống yêu nước, đạo lý làm người trong bốn nghìn năm của dân tộc, Bác Hồ còn tiêu biểu cho những truyền thống nhân nghĩa, nhân ái lâu đời của dân tộc ta. Lòng yêu thương con người cùng khổ, yêu thương nhân loại cần lao bị áp bức đã làm cho Bác Hồ sớm nhận ra chủ nghĩa đế quốc là kẻ thù của dân tộc mình, đồng thời là kẻ thù chung của các dân tộc, tức là kẻ thù giai cấp, và từ đó từng bước Bác Hồ đã sớm tiếp thụ tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Đúng như lời kêu gọi của Ban Chấp hành Trung ương Đảng ta khi Bác Hồ từ trần ngày 3 tháng 9 năm 1969 đã viết:

«Người thể hiện sự kết tinh những truyền thống tốt đẹp nhất của dân tộc Việt Nam với tư tưởng cách mạng

triệt để nhất của thời đại chúng ta, tư tưởng chủ nghĩa Mác — Lê-nin ».

Công lao to lớn của Hồ Chủ tịch đối với nhân dân ta chính là ở chỗ Người đã tìm ra con đường cứu nước, con đường cách mạng chân chính và do đó đã đưa cách mạng nước ta trong suốt năm mươi năm qua đi từ thắng lợi này đến thắng lợi khác. Con đường đó là con đường thống nhất sự nghiệp giải phóng dân tộc với sự nghiệp giải phóng giai cấp vô sản.

Hồ Chủ tịch viết : « Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản »[1]. Là một chiến sĩ yêu nước số một đồng thời là chiến sĩ quốc tế lỗi lạc, Hồ Chủ tịch luôn luôn đặt « cách mạng giải phóng dân tộc là một bộ phận khăng khít của cách mạng vô sản trong phạm vi toàn thế giới »[2], luôn luôn cho rằng « Chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc ; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới »[3].

Sự phát triển tư tưởng của Hồ Chủ tịch từ chủ nghĩa yêu nước đến chủ nghĩa cộng sản, việc Hồ Chủ tịch xuất phát từ động cơ yêu nước, ra đi tìm đường cứu nước và đã tìm thấy con đường cứu nước ở con đường của cách mạng vô sản, con đường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin và của Cách mạng tháng Mười đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Với con đường đã tìm ra đó, thời kỳ khủng hoảng tương đối dài về đường lối cứu nước của nhân dân ta đã chấm dứt.

---

1. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, tr. 705.

2. Hồ Chí Minh, *Vì độc lập tự do, vì chủ nghĩa xã hội*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, tr. 303.

3. Hồ Chí Minh, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1980, t. 1, tr. 223.

Với con đường cứu nước mới, con đường Hồ Chí Minh, những cơ sở khoa học và nền móng tư tưởng cho sự hình thành đường lối cơ bản của cách mạng Việt Nam giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta đã hoàn toàn được xác định. Với con đường đó, một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới, chủ nghĩa yêu nước theo hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã ra đời và đóng vai trò động lực tinh thần của nhân dân ta trong cuộc trường chinh lịch sử mới của dân tộc giành độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mới không phải là sự đoạn tuyệt với chủ nghĩa yêu nước truyền thống trước đây. Nó kế thừa một cách trân trọng tất cả những tinh hoa và truyền thống yêu nước mà lịch sử dân tộc để lại. Do chỗ sự phát triển của xã hội nước ta không có một giai đoạn phát triển đầy đủ chủ nghĩa tư bản nên trào lưu yêu nước Việt Nam không thể có một thời kỳ mà chủ nghĩa yêu nước tư sản thống trị như trong lịch sử trào lưu yêu nước ở các nước khác. Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam mới đã trực tiếp kế thừa chủ nghĩa yêu nước truyền thống và trào lưu yêu nước Việt Nam trong tính liên tục lịch sử của nó đã đi thẳng từ chủ nghĩa yêu nước giai đoạn tiền tư sản lên thẳng chủ nghĩa yêu nước theo hệ tư tưởng giai cấp công nhân, bỏ qua giai đoạn chủ nghĩa yêu nước tư sản.

Tuy nhiên, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam kiểu mới có một bản chất giai cấp và một nội dung hoàn toàn khác về chất với chủ nghĩa yêu nước truyền thống. Đó là một chủ nghĩa yêu nước của một giai cấp hoàn toàn mới trong lịch sử Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam. Đó là chủ nghĩa yêu nước của một thời đại mới, thời đại chưa thể có được trước đây, thời đại chỉ bắt đầu với cuộc Đại Cách mạng tháng Mười Nga. Đó cũng là một chủ nghĩa yêu nước thuộc một hệ tư tưởng tiên tiến nhất của thời

đại, hệ tư tưởng cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Với con đường cứu nước mà Hồ Chủ tịch đã tìm ra, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại đã khắc phục được nhược điểm cảm tính và trực quan của chủ nghĩa yêu nước truyền thống trước đây. Mặc dù trong tinh thần yêu nước truyền thống ít nhiều đã có tính mục tiêu, có lý tưởng xã hội và biện pháp đấu tranh nhưng cái chủ yếu trong chủ nghĩa yêu nước truyền thống là cái nhiệt tình yêu nước nồng nàn, là tâm hồn yêu nước rực cháy biểu hiện trong những hành động anh hùng trong sự nghiệp cứu nước từ thấp đến cao. Chủ nghĩa yêu nước truyền thống chưa thể trở thành một lý luận yêu nước có hệ thống và chặt chẽ được.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại trong khi kế thừa và phát triển tình cảm và tâm hồn yêu nước Việt Nam, nồng nàn và mãnh liệt đến những đỉnh cao mới thì đồng thời đã hình thành và phát triển được một hệ thống những quan điểm về con đường yêu nước, về mục tiêu xã hội, về chiến lược và sách lược của con đường cứu nước, về thủ đoạn và biện pháp đấu tranh, nói tóm lại đã hình thành và phát triển một lý luận yêu nước với tính cách một bộ phận của lý luận cách mạng Việt Nam. Chính là bằng cách đó, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam hiện đại đã làm cho mình có đầy đủ yếu tố để trở thành một chủ nghĩa yêu nước với ý nghĩa hoàn chỉnh của từ này, để trở thành một trào lưu lý luận, tư tưởng và tình cảm thống nhất của con người Việt Nam trong thời đại mới.

Chủ nghĩa yêu nước kiểu mới trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập tự do.

Ngay từ khi mới ra đời và lãnh đạo cuộc cách mạng nước ta, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc

và chủ nghĩa xã hội cho nên chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong những năm tháng đấu tranh ác liệt với chủ nghĩa đế quốc và thế lực phong kiến phản động đã chứa đựng những nội dung xã hội chủ nghĩa, đã thuộc phạm trù chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, trong giai đoạn cách mạng dân tộc dân chủ, những nhiệm vụ cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội chưa thể đặt ra trong chương trình nghị sự của cách mạng được. Những nhiệm vụ đó chỉ có thể đặt ra khi những mục tiêu của cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ đã cơ bản hoàn thành. Yếu tố xã hội chủ nghĩa trong chủ nghĩa yêu nước Việt Nam giai đoạn này chỉ có thể nằm trong tính lý tưởng, trong xu hướng và triển vọng phát triển của trào lưu yêu nước mà thôi.

Cuộc cách mạng Việt Nam theo cương lĩnh chính trị gồm hai giai đoạn cách mạng, thực hiện hai chiến lược cách mạng khác nhau, giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ và giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thế nhưng trong thực tiễn lịch sử cụ thể, cuộc cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng ta đã diễn ra thành ba giai đoạn chiến lược. Đầu tiên là giai đoạn thực hiện một chiến lược cách mạng dân tộc - dân chủ, rồi sau đó đến giai đoạn thực hiện đồng thời hai chiến lược khác nhau ở hai miền đất nước, cách mạng dân tộc - dân chủ ở miền nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc, sau cùng mới đến giai đoạn cả nước cùng thực hiện một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa thống nhất. Cần phải phân tích sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa yêu nước kiểu mới ở nước ta gắn liền với sự phát triển lịch sử đó của cuộc cách mạng nước ta.

Đồng chí Lê Duẩn viết: « Trong cách mạng dân tộc - dân chủ, chủ nghĩa xã hội chưa phải là mục đích trực tiếp, song việc tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, đã được xác định thành

một chủ trương dứt khoát, rõ ràng, đặt toàn bộ công cuộc chống đế quốc và chống phong kiến trong quỹ đạo của cách mạng vô sản; từ đó chủ động, tự giác giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa dân tộc và dân chủ, sát với đặc điểm cụ thể của từng thời kỳ và dưới ánh sáng của triển vọng cách mạng. Trong kháng chiến chống Pháp, cải cách ruộng đất được tiến hành ngay trong lúc đánh giặc, kháng chiến đi đôi với xây dựng kinh tế, văn hóa, xây dựng chế độ dân chủ theo hướng tiến lên chủ nghĩa xã hội. Trong kháng chiến chống Mỹ, độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội quyện vào nhau một cách trực tiếp, cách mạng dân tộc - dân chủ nhân dân ở miền nam và cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc đồng thời tiến hành, hỗ trợ và thúc đẩy lẫn nhau nhằm mục tiêu chung là hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất trọn vẹn nước nhà, đưa cả nước tiến lên chủ nghĩa xã hội »[1].

Cuộc cách mạng dân tộc - dân chủ ở nước ta diễn ra như một phong trào cách mạng rộng lớn của quần chúng nhân dân đông đảo, chủ yếu là của giai cấp công nhân và giai cấp nông dân, đấu tranh cho dân tộc và dân chủ, chống đế quốc và phong kiến. Trong cuộc đấu tranh rộng lớn và vô cùng phong phú đó, những mục tiêu và lợi ích dân tộc và giai cấp, kinh tế và chính trị, trước mắt và lâu dài của phong trào gắn bó xoắn xít, xen kẽ với nhau một cách hết sức chặt chẽ. Cần phải đứng trên quan điểm phương pháp luận đó để xem xét nội dung của chủ nghĩa yêu nước kiểu mới Việt Nam trong công cuộc đấu tranh cho độc lập tự do.

Giai cấp công nhân Việt Nam cùng với phong trào cách mạng của nó đã in đậm lên phong trào yêu nước của cả dân tộc cái dấu ấn của giai cấp mình, của thời đại. Giai

---

1. Lê Duẩn, *Tiến bước dưới ngọn cờ của Đảng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 21.

cấp công nhân Việt Nam đã trở thành người đại biểu chân chính cho dân tộc, người chiến sĩ tiền phong trong phong trào dân tộc, người đã đưa vào trong phong trào dân tộc những nội dung, hình thức và thủ đoạn đấu tranh sắc bén, có hiệu lực, mới mẻ, trước đây chưa từng có.

Cũng giống như giai cấp công nhân quốc tế, giai cấp công nhân Việt Nam có những lợi ích giai cấp riêng của mình, cả những lợi ích trước mắt hàng ngày lẫn những lợi ích cơ bản lâu dài. Nhưng giai cấp công nhân lại là một bộ phận của dân tộc, sinh ra và lớn lên trong lòng dân tộc, gắn bó máu thịt với lịch sử, với truyền thống và vận mệnh của dân tộc. Là một bộ phận của dân tộc và là bộ phận năng động nhất, có hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, thông qua chính đảng của mình giai cấp công nhân phải giải quyết vấn đề giải phóng dân tộc khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa đế quốc là vấn đề cơ bản hàng đầu lúc đó, định ra cương lĩnh cứu nước và đi đầu trong phong trào của nhân dân thực hiện cương lĩnh đó.

Đó là một tất yếu khách quan của sự phát triển của đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở Việt Nam trong thời đại mới. Chính vì vậy, khác với phong trào công nhân ở nhiều nước, lịch sử phong trào công nhân Việt Nam chưa bao giờ diễn ra như một phong trào công đoàn với những nội dung thuần túy đấu tranh của thợ thuyền chống chủ tư bản. Chắc chắn rằng phong trào công nhân không thể không có những khẩu hiệu đấu tranh cho quyền lợi kinh tế hàng ngày của công nhân nhưng bao giờ phong trào đó cũng chứa đựng nội dung yêu nước, phản ánh những lợi ích chung của cả dân tộc, của phong trào giải phóng dân tộc. Chính điều đó là phù hợp với những yêu cầu khách quan của phong trào công nhân ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến tạo nên sức mạnh mới cho

cả phong trào công nhân lẫn phong trào dân tộc ở nước ta.

Trong lòng người công nhân Việt Nam, lòng căm thù giai cấp đối với bọn tư bản, đối với chế độ người bóc lột người bao giờ cũng gắn chặt với nỗi tủi nhục của người dân mất nước, lòng căm thù đối với bọn xâm lược. Hồ Chủ tịch hiểu rất rõ đặc điểm này của phong trào công nhân Việt Nam. Bác đã từng dặn dò các đại biểu « Thanh niên cách mạng đồng chí hội » trước khi trở về nước hoạt động là: « Không nên chỉ hô hào thợ thuyền, dân cày chung chung. Không nên nói vô sản một cách cứng nhắc. Trước mắt chúng ta là phải đánh đổ thực dân Pháp, giải phóng dân tộc. Cho nên phải khơi lòng yêu nước của mọi người »[1].

Dưới ánh sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam kiểu mới đã trở thành một lý luận yêu nước có ý nghĩa chỉ đạo mọi hành động cứu nước của quần chúng. Trước đây người ta nhìn kẻ thù của dân tộc như một bọn quỷ khác giống từ phương xa tới. Bây giờ người ta nhận ra một thế lực kinh tế và chính trị, một giai cấp nhất định với tất cả những cơ chế xã hội tinh vi và phức tạp của nó. Do nhìn rõ được kẻ thù, người ta cũng nhìn rõ lực lượng của bản thân mình, phát hiện ra những người bạn đồng minh đủ các loại và thấy cần phải có những sách lược khôn khéo để tập hợp được một cách rộng rãi và vững chắc tất cả những lực lượng của dân tộc chĩa vào kẻ thù chung.

Do vị trí lịch sử của mình, do có hệ tư tưởng cách mạng và khoa học, do có đội tiền phong của mình là Đảng cộng sản, giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp lãnh đạo đi đầu trong phong trào đấu tranh giành độc lập.

---

1. Nguyễn Lương Bằng, *Những lần gặp Bác*, (hồi ký), Báo Nhân dân, số ra ngày 21-9-1969.

Tuy nhiên, giai cấp công nhân chỉ chiếm tỷ lệ nhỏ bé trong dân số. Xã hội Việt Nam cơ bản vẫn là một xã hội nông nghiệp. Giai cấp nông dân là bộ phận đông đảo nhất của dân tộc và chứa đựng rất nhiều tiềm năng cách mạng. Nếu phong trào yêu nước ở Việt Nam không lôi cuốn được cái khối quần chúng nông dân đông đảo này thì không thể có đủ sức quật ngã kẻ thù.

Chính vì vậy, phong trào đấu tranh cho độc lập dân tộc không thể không bao gồm bên trong nó nội dung đấu tranh cho dân chủ, chủ yếu là dân chủ cho nông dân mà thực chất của nội dung dân chủ đó là thực hiện «người cày có ruộng».

Giai cấp công nhân giải quyết vấn đề dân chủ theo quan điểm kết hợp và gắn bó chặt chẽ với vấn đề độc lập dân tộc. Và chính việc giải quyết mối quan hệ giữa dân tộc với dân chủ như thế nào là một vấn đề hết sức quan trọng thể hiện lập trường của chính đảng Mác—Lê-nin trong giai đoạn cách mạng dân tộc-dân chủ ở một nước thuộc địa nửa phong kiến như nước ta.

Cuộc đấu tranh cho dân chủ ở Việt Nam diễn ra trong điều kiện của một xã hội thuộc địa và nửa phong kiến, là nơi mà vấn đề dân chủ và dân tộc xoắn xít với nhau và mâu thuẫn chủ yếu của xã hội thường tập trung vào mâu thuẫn giữa nhân dân một bên với thế lực của chủ nghĩa đế quốc và bè lũ tay sai của chúng ở phía bên kia. Dưới sự lãnh đạo của chính đảng của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân vừa là chiến sĩ đấu tranh cho quyền lợi giai cấp thiết thân của mình, vừa là người chiến sĩ yêu nước đấu tranh để giành lấy độc lập tự do cho dân tộc.

Một chủ nghĩa yêu nước kết hợp trong nội dung của nó trước hết là độc lập dân tộc và ruộng đất cho dân cày và sau nữa là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội một cách nhuần nhuyễn như vậy đã trở thành động lực tinh thần chủ yếu của nhân dân và quân đội ta trong suốt cả

thời kỳ lịch sử từ khi Đảng ta ra đời cho đến cuộc kháng chiến toàn quốc chống Pháp. Thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Tám và cuộc kháng chiến chống Pháp không thể tách rời với sức mạnh tinh thần đó. Trên một ý nghĩa nào đấy mà nói, những cao trào cách mạng của quần chúng nhân dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng trong những năm tháng đó là sản phẩm và là sự thể hiện vật chất của lực lượng tinh thần vĩ đại trên dây của cuộc cách mạng Việt Nam.

Từ sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, với việc giải phóng hoàn toàn một nửa nước, cách mạng Việt Nam tiếp tục phát triển trong một hoàn cảnh rất độc đáo. Hai chiến lược cách mạng, cách mạng dân tộc - dân chủ và cách mạng xã hội chủ nghĩa, được thực hiện đồng thời ở hai miền, diễn ra trong cùng một nước, do một đảng duy nhất lãnh đạo, Đảng ta xác định rằng trong giai đoạn mới, mỗi miền có chiến lược cách mạng khác nhau, đồng thời cả nước có cùng một nhiệm vụ giải quyết mâu thuẫn chung giữa dân tộc ta với đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai. Đó là một đường lối duy nhất đúng đắn trong điều kiện lịch sử lúc đó và là nguyên nhân cơ bản dẫn đến thắng lợi lịch sử ngày nay.

Trong giai đoạn cả nước làm một nhiệm vụ chiến lược, sự kết hợp độc lập dân tộc với chủ nghĩa xã hội diễn ra dưới hình thái một cuộc đấu tranh trực tiếp cho dân tộc và dân chủ đồng thời chủ nghĩa xã hội xuất hiện như một xu thế phát triển tất yếu của quá trình đấu tranh. Còn trong giai đoạn cách mạng mới này chủ nghĩa xã hội không còn chỉ là một phương hướng, một tương lai mà đã là một thực tại khách quan đang trong quá trình ra đời trên nửa phần của đất nước. Chính vì vậy, trong nội dung của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam bắt đầu xuất hiện những yếu tố của một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa trong những bước đi đầu tiên của một nửa đất

nước Việt Nam trên con dường tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Những yếu tố của một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa trong những năm tháng dó ở nước ta chưa phải là xuất hiện trên nền tảng một xã hội xã hội chủ nghĩa dã xây dựng xong mà mới chỉ là một xã hội đang bước vào ngưỡng của của chủ nghĩa xã hội, đang ở trong bước đi ban dầu của thời kỳ quá độ từ một nền sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Trong những diều kiện như thế, chủ nghĩa xã hội trên miền bắc nước ta chưa thề có cơ sở dề biều hiện dầy đủ tính ưu việt của nó, chưa thề tạo nên những biến dồi sâu sắc trong ý thức xã hội được. Mặc dù vậy, những hình thức biều hiện dầu tiên của cuộc sống xã hội chủ nghĩa đã có một sức thu hút mạnh mẽ dối với quần chúng lao động, đã lôi cuốn được tâm hồn nhạy cảm của những tầng lớp tiên tiến nhất trong nhân dân, bởi vì chế độ xã hội chủ nghĩa đại diện cho cái mới đang ra đời, là tương lai huy hoàng của dân tộc.

Chủ nghĩa yêu nước trong những năm chống Mỹ, một mặt là tình yêu dối với một chế độ xã hội mới bắt dầu ra đời; mặt khác, lại vẫn kế tiếp và phát triền lên một trình độ cao hơn toàn bộ truyền thống yêu nước đấu tranh cho độc lập tự do của dân tộc từ bốn nghìn năm đề lại. Đó là một chủ nghĩa yêu nước hiếm có trong lịch sử vì nó tổng hợp được một cách sâu sắc tinh hoa lịch sử lâu đời của một dân tộc giàu sức chiến đấu chống ngoại xâm với nội dung cách mạng nhất của thời đại. Đó cũng là một chủ nghĩa yêu nước thề hiện cùng một lúc ý chí đấu tranh giải phóng của dân tộc nhằm đập tan xiềng xích nô lệ, giành lấy độc lập tự do, với ý chí dấu tranh kiên cường của dân tộc nhằm bảo vệ một nhà nước đã có, một chế độ xã hội ưu việt đang bắt dầu được xây dựng nên.

Tính chất phong phú đó của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong những năm chống Mỹ nói lên một hoàn cảnh đặc thù của cuộc cách mạng Việt Nam, cuộc cách mạng đã giương cao cùng một lúc trên hai miền hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và kết hợp chặt chẽ hai ngọn cờ đó với nhau trong một nhiệm vụ chiến lược chung của dân tộc. Đồng thời, tính chất đó của chủ nghĩa yêu nước trong những năm chống Mỹ cũng nói lên tính chất của cuộc chiến tranh cách mạng ở nước ta. Về cơ bản, đó vẫn là một cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc nhưng đã ít nhiều mang yếu tố của một cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Chính vì những lý do trên, chúng ta mới có thể có một sức mạnh tinh thần lớn lao đủ sức đánh bại một đế quốc khổng lồ mà sức mạnh về kinh tế và quân sự ghê gớm đến mức đã có lúc nhiều người nghĩ rằng không thể đánh bại được.

Như vậy, từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, trong toàn bộ giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ, trong cả hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, chủ nghĩa yêu nước theo đường lối kết hợp hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta đã là động lực tinh thần chủ yếu của nhân dân và quân đội ta trong cuộc đấu tranh sống mái với quân thù.

Cuộc đấu tranh cách mạng của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đến một giai đoạn nhất định đòi hỏi phải chuyển lên đấu tranh vũ trang, đòi hỏi nhân dân phải có trong tay mình một công cụ bạo lực vũ trang sắc bén thì mới có thể đưa sự nghiệp giải phóng đến thắng lợi được. Sự ra đời, phát triển và trưởng thành của quân đội ta, từ nhân dân mà ra, vì nhân dân mà chiến đấu, gắn bó máu thịt với nhân dân, cùng với nhân dân chiến đấu hợp thành một sức mạnh tổng hợp của bạo lực cách

mạng đánh bại mọi đội quân xâm lược lớn mạnh của những tên đế quốc đầu sỏ với những tập đoàn tay sai đại diện cho những thế lực giai cấp phản động nhất, là một tất yếu khách quan của lịch sử Việt Nam trong những năm giữa thế kỷ XX này.

Quân đội nhân dân của chúng ta ra đời khi cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo độc tôn của Đảng ta, đã trải qua thời kỳ phát triển của một phong trào chính trị sâu rộng của quần chúng. Từ những đội quân tiền thân trong những năm trước khởi nghĩa cho đến quân đội nhân dân ngày nay, ở đâu và lúc nào quân đội ta cũng được Đảng tổ chức, giáo dục và rèn luyện. Dứng về thành phần giai cấp, về cơ bản quân đội ta không khác gì lắm các đội quân yêu nước chống Pháp trước đây. Da số cán bộ và chiến sĩ quân đội ta xuất thân từ nông dân, tuy nhiên nó đã hoàn toàn là một quân đội kiểu mới, một quân đội lần đầu tiên xuất hiện ở nước ta, một quân đội thuộc phạm trù quân đội vô sản, trong thời đại cách mạng vô sản, xuất hiện từ sau Cách mạng tháng Mười.

Được Đảng giáo dục và bồi dưỡng, nhất là được sự chăm nom và săn sóc trực tiếp của Bác Hồ, người thầy của cách mạng Việt Nam và người cha thân yêu của các lực lượng vũ trang, quân đội ta đã thể hiện trong mọi hoạt động của mình bản chất của giai cấp công nhân. Bản chất đó không phải là cái gì khác mà chính là bản chất của Đảng ta « thể hiện ở hệ tư tưởng, ở đường lối chính trị, ở các nguyên tắc tổ chức của Đảng »[1]. Bản chất giai cấp của quân đội ta chính là chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng ta quán triệt vào đặc điểm của một tổ chức quân sự có chức năng đặc thù chiến đấu chủ yếu trên mặt trận đấu tranh vũ trang.

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tác phẩm chọn lọc, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, t. 2, tr. 666.

Xây dựng bản chất giai cấp công nhân trong quân đội, trước hết là đưa tư tưởng, chính trị của giai cấp công nhân vào trong quân đội, là tăng cường yếu tố tự giác về chính trị trong quân đội, là biến mỗi người cán bộ và chiến sĩ, mỗi người quân nhân bình thường trở thành những chiến sĩ cách mạng, đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân, đứng vững trên lập trường của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, hệ tư tưởng duy nhất cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân.

Lập trường giai cấp công nhân không phải là trừu tượng mà là cụ thể, là đường lối chiến lược và sách lược của Đảng trong các giai đoạn cách mạng để giải quyết những mâu thuẫn do thực tiễn xã hội đặt ra, để đưa cách mạng từng bước tiến lên đạt đến mục tiêu cơ bản và cuối cùng của giai cấp công nhân. Điều đó cũng có nghĩa là nội dung cụ thể của bản chất giai cấp công nhân cũng không phải là hoàn toàn bất biến mà phát triển theo sự phát triển của bản thân tiến trình cách mạng. Đồng chí Lê Duẩn đã nói trong diễn văn ở cuộc mít tinh kỷ niệm lần thứ 45 ngày thành lập Đảng: «Bản chất đó (bản chất của Đảng ta) ngày càng phát triển cùng với cuộc sống chiến đấu sôi nổi, phong phú và không ngừng đi lên của giai cấp công nhân và dân tộc ta, được thể hiện cụ thể và sinh động trong mỗi chặng đường cách mạng»[1].

Trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ, việc giáo dục nhiệm vụ phản đế và phản phong, xây dựng hệ tư tưởng Mác — Lê-nin cho quân đội, cần phải nắm vững sự thống nhất hữu cơ giữa nội dung giai cấp và dân tộc. Tách rời giáo dục nhiệm vụ phản đế với nhiệm vụ phản phong, coi giáo dục chống đế quốc là giác ngộ dân tộc,

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Tác phẩm chọn lọc, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, t. 2, tr. 646.

còn giáo dục chống phong kiến là giác ngộ giai cấp, thậm chí đối lập hai nội dung giáo dục đó, thật ra là đã xa rời lập trường giai cấp công nhân và đã đứng trên một lập trường giai cấp khác để xem xét và giải quyết vấn đề rồi. Điều đó nhất định không thể dẫn đến sự tăng cường bản chất giai cấp công nhân, bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta cho quân đội ta được.

Thật ra trên cả vấn đề chống đế quốc và phong kiến đều có nội dung giai cấp và nội dung dân tộc. Trên cả hai vấn đề đó đều có lập trường chính trị cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân. Giáo dục cho quân đội đường lối của Đảng ta về cách mạng dân tộc - dân chủ, giáo dục về nhiệm vụ phản đế phản phong, giáo dục về chủ nghĩa yêu nước một cách có hệ thống và sâu sắc, đó chính là giáo dục về lập trường cách mạng và khoa học của giai cấp công nhân, là đưa chính trị của giai cấp công nhân vào trong quân đội ta. Đó cũng chính là nội dung xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ ở nước ta.

Chủ nghĩa yêu nước với những nội dung như trên là một phạm trù tư tưởng thuộc hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là một lý trí và tình cảm cách mạng hết sức mạnh mẽ và sâu sắc. Chủ nghĩa yêu nước, đó là một trong những động lực tinh thần chủ yếu của quân đội ta, cái động lực đã tạo nên những biểu hiện cao đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu của quân đội ta trong giai đoạn vừa qua: trung thành vô hạn với Đảng, với Tổ quốc, với nhân dân, kiên quyết hy sinh xả thân vì độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; dũng cảm mưu trí trong chiến đấu, tận tụy thông minh trong công tác, cần cù sáng tạo trong lao động, vượt qua mọi khó khăn, đánh thắng mọi kẻ thù, hoàn thành mọi nhiệm vụ.

Quân đội cách mạng là một công cụ bạo lực sắc bén của Đảng để thực hiện những nhiệm vụ của cuộc cách

mạng. Việc xây dựng bản chất giai cấp công nhân của quân đội cũng nhằm dẫn đến hành động cách mạng của quân đội. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu vũ trang, ý chí chiến đấu dũng cảm kiên cường vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội, thắng không kiêu, bại không nản, bao giờ cũng là biểu hiện đặc trưng và tập trung nhất của một quân đội có bản chất giai cấp công nhân, theo hệ tư tưởng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin. Với chủ nghĩa yêu nước trên đây, quân đội ta không những được trang bị nhận thức cách mạng đúng đắn mà cả tình cảm cách mạng sâu sắc. Chủ nghĩa yêu nước đó là cái cầu nối liền giữa nhận thức cách mạng và hành động cách mạng trên chiến trường. Không phải ngẫu nhiên mà quá trình giáo dục bản chất của quân đội ta cũng là quá trình hình thành ngay tức khắc truyền thống quyết chiến quyết thắng của quân đội ta trong mọi hoạt động thực tiễn chiến đấu, công tác, học tập và sinh hoạt.

Tất cả những điều nói trên thể hiện rất rõ đặc điểm của quá trình xây dựng một quân đội kiểu mới ở một nước thuộc địa và nửa phong kiến. Một quân đội mang bản chất công nhân nhưng chiến đấu trong một xã hội mà vấn đề độc lập dân tộc nổi bật lên hàng đầu, tất nhiên khác với một quân đội tuy cũng có cùng một bản chất như vậy nhưng chiến đấu trong những điều kiện xã hội khác, nơi mà mâu thuẫn nổi bật lên hàng đầu là mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc đó. Là một chính đảng Mác — Lê-nin chân chính, «không những đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân mà cũng đại biểu trung thành lợi ích của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam»[1], Đảng ta tất yếu phải giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc. Lẽ đương nhiên, trong những hoàn

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Tác phẩm chọn lọc. Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976. t. 2, tr. 667.

cảnh như thế, một quân đội do Đảng ta xây dựng cũng phải là công cụ để chiến đấu cho ngọn cờ đó bằng những hình thức đấu tranh đặc thù của mình.

Như vậy, giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, giáo dục một cách sâu rộng cho quân đội ta chủ nghĩa yêu nước theo lập trường của Đảng ta, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước đó với mục tiêu và lý tưởng xã hội chủ nghĩa, chính là góp phần xây dựng hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, quán triệt chính trị của giai cấp công nhân, xây dựng bản chất giai cấp công nhân cho quân đội ta trong giai đoạn cách mạng đã qua. Ngày nay, bước sang giai đoạn cách mạng mới, khi cả nước đã cùng tiến hành một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, thì lẽ đương nhiên việc xây dựng bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta không thể chỉ dừng ở những nội dung trên đây được nữa mà phải phát triển cao hơn, hoàn chỉnh hơn, phản ánh những sự phát triển mới trong bản thân nội dung đường lối cách mạng của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay — chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, khi cả nước đã hoàn toàn giải phóng cùng tiến hành thống nhất một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa yêu nước Việt Nam phải phát triển lên một trình độ mới cao hơn, phải trở thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa với nội dung đầy đủ của khái niệm này thì mới có thể tiếp tục đóng vai trò động lực tinh thần của quân và dân ta trong cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Đó sẽ là một chủ nghĩa yêu nước sâu sắc, nồng nàn và mãnh liệt nhất, trước đây chưa từng có vì trong nội dung của nó, truyền thống tinh hoa mấy nghìn năm của dân tộc đã hòa vào làm một với tinh thần của thời đại mới, kết hợp được với sức mạnh của một chế độ xã hội mới, ra đời một cách hợp quy luật theo con đường tiến hóa chung của nhân loại.

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải gắn liền làm một lòng yêu Tổ quốc với lòng yêu chế độ xã hội mới, chế độ xã hội chủ nghĩa. Chỉ có sự thống nhất làm một của hai tư tưởng và tình cảm lớn đó thì mới có thể có chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Sự thống nhất, sự hòa chung vào nhau của cả hai tư tưởng và tình cảm đó dĩ nhiên chỉ có thể hoàn thành trải qua một quá trình phát triển của đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa trong một thời gian lịch sử vài chục năm. Tuy nhiên, sự thống nhất và sự hòa chung đó ngay bây giờ đã bắt đầu diễn ra rồi.

Tiếp tục giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong điều kiện mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra rằng: «Ngày nay, nước nhà đã hoàn toàn độc lập thì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho nhân dân ta vĩnh viễn thoát khỏi nghèo nàn, lạc hậu, có cuộc sống văn minh, hạnh phúc. Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới đem lại cho nhân dân ta quyền làm chủ đầy đủ, mới làm cho Tổ quốc độc lập, tự do vững chắc và ngày càng giàu mạnh»[1].

Ngay từ khi mới ra đời và lãnh đạo cách mạng nước ta, trong khi giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, Đảng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 16 — 17.

ta đã đồng thời giương cao ngọn cờ chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, trong giai đoạn trước đây, cách mạng phải tập trung chủ yếu vào nhiệm vụ giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, chuẩn bị những tiền đề cần thiết cho bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Quán triệt tư tưởng cách mạng không ngừng của Lê-nin vào hoàn cảnh lịch sử của nước ta, ngay sau khi mới giải phóng được nửa nước, nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng đã bước vào cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên nửa nước mới giải phóng đó. Và chính là nhờ ở những thắng lợi đầu tiên của công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, nhờ tính ưu việt của chế độ mới ra đời trên miền bắc cùng với những nguyên nhân cơ bản khác nữa mà chúng ta có thể giành được thắng lợi trọn vẹn trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vừa qua. Tuy nhiên, dù cho chúng ta đã có một quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trong hàng chục năm trời đi nữa, nhìn chung, trong giai đoạn cách mạng đã qua, hầu như toàn bộ tinh lực của Đảng ta và nhân dân ta đã tập trung vào giải quyết mâu thuẫn chủ yếu của cả nước, hoàn thành cho được việc giải phóng hoàn toàn đất nước.

Chỉ đến ngày nay khi cả nước đã hoàn toàn giải phóng thì cách mạng Việt Nam mới có thể chuyển sang giai đoạn tiến hành một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa duy nhất trên phạm vi cả nước nhằm biến nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa. Tiến lên chủ nghĩa xã hội, đó là con đường tất yếu mà dân tộc phải đi, con đường phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử, đáp ứng những đòi hỏi của thời đại chúng ta, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Đó cũng là con đường giải phóng triệt để dân tộc ta, đáp ứng những lợi ích cơ bản và nguyện vọng sâu xa của nhân dân lao động nước ta. Và chính trong giai đoạn cách mạng hiện nay mà hai

ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội càng có xu hướng gắn bó khăng khít với nhau đến mức trở thành một ngọn cờ thống nhất, ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội và độc lập dân tộc, đồng thời cũng là ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Nội dung của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa hình thành và ngày càng hoàn chỉnh trong quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự thống nhất và hòa vào làm một của tình yêu Tổ quốc với tình yêu chế độ xã hội chủ nghĩa chỉ biểu hiện một cách đầy đủ khi chế độ đó đã được xây dựng xong, khi chế độ đó đã thể hiện hoàn toàn tính ưu việt của nó với tính cách như một hình thái kinh tế — xã hội mới. Trái lại, bước vào thời kỳ quá độ, nhất là trong bước đi ban đầu như ở nước ta hiện nay thì tình yêu đối với chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta chưa phải là tình yêu nảy sinh đối với một chế độ xã hội chủ nghĩa hiện thực đã có mà là tình yêu đối với một chế độ xã hội chủ nghĩa tuy đã biểu hiện tính ưu việt trong cuộc chiến tranh chống Mỹ vừa qua nhưng vẫn còn đang trong quá trình thai nghén, một sự thai nghén không khỏi không có những khổ đau.

Tuy nhiên, ngay trong bước đi ban đầu đầy khó khăn đó, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã đòi hỏi những chiến sĩ yêu nước phải có ngay lòng yêu mến mãnh liệt đối với chế độ xã hội chủ nghĩa và phải đứng trên lập trường chiến đấu quyết liệt cho chủ nghĩa xã hội, dứt khoát chống lại con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Trong giai đoạn cách mạng hiện nay, muốn tiếp tục là những chiến sĩ yêu nước triệt để thì phải là những chiến sĩ đấu tranh không mệt mỏi cho chủ nghĩa xã hội. Ngày nay, ý thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa có phát triển thì tinh thần yêu nước mới có thể giữ vững và phát huy mạnh mẽ trong điều kiện mới được. Trái lại nếu ý thức *giác ngộ xã hội chủ nghĩa* đó không được bồi dưỡng

và nâng cao thì ngay cả *những chiến sĩ đấu tranh giải phóng kiên cường hôm qua cũng có thể không còn giữ được nhiệt tình yêu nước như cũ nữa.*

Đó là một điều có tính chất quy luật ! Nó phản ánh một thực tại khách quan của sự vận động xã hội nước ta, cái thực tại mà Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra. Trước kia, khi đất nước còn chưa được giải phóng, thì nội dung cuộc đấu tranh yêu nước là đấu tranh chống xâm lược để giải phóng Tổ quốc. Còn ngày nay, khi đất nước đã giành được độc lập trọn vẹn thì Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một và muốn củng cố vững chắc nền độc lập thì phải làm cho đất nước phồn vinh, phải xóa bỏ tình trạng nghèo nàn và lạc hậu lâu dời. Điều đó phải được tiến hành với một tốc độ rất cao, phải rất tranh thủ thời gian vì chung quanh ta lại xuất hiện những kẻ thù xâm lược mới, vì chúng ta vẫn đang ở trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới và cuộc đấu tranh giai cấp «ai thắng ai» đang hết sức quyết liệt. Tất cả những yêu cầu mới mẻ đó của cuộc đấu tranh yêu nước của nhân dân ta chỉ có thể tìm được lời đáp trong chế độ xã hội chủ nghĩa và chỉ trong chế độ đó mà thôi. Ngày nay sự lựa chọn của lịch sử đã rõ rệt : con đường xã hội chủ nghĩa là con đường đưa đến sự vững bền của Tổ quốc Việt Nam độc lập, trái lại con đường tư bản chủ nghĩa là con đường đưa đến sự suy vong của Tổ quốc. Con đường đó trong khi phục hồi chủ nghĩa tư bản cũng phục hồi trở lại ách nô dịch của bọn xâm lược quàng lên cổ dân tộc.

Như vậy, sự chuyển biến của ý thức yêu nước của quần chúng vươn lên trình độ yêu nước xã hội chủ nghĩa đặt ra những yêu cầu rất cấp bách của việc xác lập hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, xây dựng ý thức xã hội chủ nghĩa trong quần chúng nhân dân đông đảo ngay

trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta. Do chỗ từ năm mươi năm nay, Đảng ta đã giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và hai ngọn cờ đó đã ăn sâu vào trong ý thức quần chúng, do chỗ từ năm 1954 trở đi, công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã triển khai trên miền bắc và những mặt ưu việt của chế độ mới ít nhiều đã biểu hiện trong giai đoạn cả nước chống Mỹ, cứu nước nên ngày nay khi bước vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đã có những biểu hiện tương đối rõ nét trên mặt trận lao động xây dựng đất nước cũng như trên mặt trận chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong những ngày chiến đấu chống quân Trung Quốc xâm lược vừa qua.

Tuy nhiên, sự việc diễn ra không phải là đơn giản! Chúng ta vẫn đang ở bước đi bạn đầu của thời kỳ quá độ từ một nền sản xuất nhỏ, phân tán, lạc hậu tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội. Cuộc đấu tranh giữa hai con đường trong xã hội ta vẫn đang diễn ra hàng ngày hàng giờ. Cuộc đấu tranh để khắc phục những mặt tiêu cực trong đời sống xã hội và ngay cả trong bộ máy nhà nước của chúng ta, để chiến thắng thế lực của nền tiểu sản xuất và của chủ nghĩa tư bản đang diễn ra một cách gay gắt. Mặt khác, chúng ta đứng trước sự xuất hiện của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn của tập đoàn phản động Bắc Kinh câu kết chặt chẽ với chủ nghĩa đế quốc với những âm mưu và thủ đoạn thâm độc nhằm làm suy yếu và thôn tính nước ta, kể cả thủ đoạn chiến tranh tâm lý rất nham hiểm, sự tập hợp của tất cả những lực lượng phản động bên trong nước ta phối hợp với kẻ thù bên ngoài trong một liên minh chống lại Tổ quốc và chống lại chủ nghĩa xã hội.

Trong những điều kiện như vậy, sự vận động của dòng tư tưởng và tình cảm yêu nước trong đời sống tinh thần

của nhân dân ta có những hình thức biểu hiện mới phức tạp hơn. Trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ trước đây, tư tưởng yêu nước Việt Nam phát triển không ngừng đi theo với sự phát triển của cao trào kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Ngày nay, trên cái nền phát triển của chủ nghĩa yêu nước đã đạt được trong giai đoạn cách mạng đã qua, trào lưu yêu nước Việt Nam tiếp tục tiến lên theo những yêu cầu của giai đoạn cách mạng mới. Thế nhưng tư tưởng và tình cảm yêu nước của mỗi con người hiện nay phụ thuộc vào sự phát triển của trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của họ, phụ thuộc vào việc ý thức xã hội chủ nghĩa chiến thắng đến mức nào ý thức của người sản xuất nhỏ và ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản trong đầu óc của người đó. Chính do đó mà không tránh khỏi hiện tượng nhiệt tình yêu nước của một số người hoặc một số nhóm người nào đó có thể có xu hướng giảm sút không bằng trước. Hiện tượng đó nói lên tính chất phức tạp của sự phát triển của tư tưởng và tình cảm yêu nước trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay, tính chất phức tạp đó phản ánh tính phức tạp của cuộc đấu tranh để xây dựng hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cuộc đấu tranh này là một mặt của cuộc đấu tranh «ai thắng ai» trong thời kỳ quá độ ở nước ta.

Tuy nhiên, dù cho những diễn biến đó có phức tạp đến đâu đi nữa, cái dòng vận động cơ bản của đời sống tinh thần Việt Nam vẫn là chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa sẽ trở thành một phẩm chất tinh thần phổ biến của con người Việt Nam trong giai đoạn mới. Đó là vì truyền thống yêu nước vẫn là một truyền thống lịch sử sâu sắc và vững chãi nhất trong xã hội Việt Nam. Đó là vì trong giai đoạn mới, Đảng ta vẫn tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội hướng vào một mục tiêu duy nhất là biến nước ta thành một nước xã hội chủ

nghĩa, có công - nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học tiên tiến, quốc phòng vững mạnh. Đó còn là vì đi theo với quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, tư tưởng xã hội chủ nghĩa tất yếu sẽ chiến thắng tư tưởng tư sản và tiểu tư sản cũng như trong thực tiễn chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ chiến thắng từng bước chủ nghĩa tư bản, sẽ chiến thắng tính tự phát của người sản xuất nhỏ, sẽ chiến thắng tình trạng tiêu cực và trì trệ hiện nay. Chủ nghĩa xã hội nhất định sẽ từng bước biểu hiện tính ưu việt và sức hấp dẫn của nó như nó đã từng biểu hiện ở miền bắc trong những năm chống Mỹ cứu nước vừa qua, như nó đang biểu hiện trong thực tế ở Liên Xô và ở các nước xã hội chủ nghĩa khác.

Chính cái thực tiễn đó là điều có ý nghĩa quyết định để phát triển chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, góp phần phát huy mạnh mẽ ưu thế chính trị - tinh thần của chế độ xã hội chủ nghĩa ưu việt của chúng ta, vì như Lê-nin đã từng viết: « Không bao giờ người ta có thể chiến thắng được một dân tộc mà đa số công nhân và nông dân đã qua kinh nghiệm mà biết và nhận thấy rằng họ bảo vệ chính quyền của mình, chính quyền xô-viết, chính quyền của những người lao động, rằng họ bảo vệ cái sự nghiệp mà một khi thắng lợi sẽ đảm bảo cho họ, cũng như cho con cái họ, có khả năng hưởng thụ tất cả mọi thành quả văn hóa, hưởng thụ tất cả mọi sáng tạo của lao động con người ».[1].

Do tính chất và nội dung của nó, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa không thể hình thành và phát triển một cách biệt lập, tách rời với sự hình thành và phát triển của những phẩm chất khác tạo thành những đặc trưng cơ

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1968, t. 29, tr. 355.

bản của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Do sự thống nhất khăng khít hữu cơ đến mức làm một giữa lòng yêu Tổ quốc và yêu chủ nghĩa xã hội, đến mức mà chính những phẩm chất biểu hiện trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa cao trở thành nội dung bên trong của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xuất hiện cùng với sự hình thành và phát triển của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam với những đặc trưng mà Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng ta đã xác định là:

« Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam có những đặc trưng nổi bật là: làm chủ tập thể, lao động, yêu nước xã hội chủ nghĩa và có tinh thần quốc tế vô sản.

Con người mới là con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân.

Con người mới là con người lao động với tinh thần tự giác cao, với đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thật thà, quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao.

Con người mới là con người có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Con người mới là con người có tình thương yêu sâu sắc đối với nhân dân lao động, biết đoàn kết, hợp tác, giúp đỡ nhau trong lao động, chiến đấu và xây dựng cuộc sống mới.

Con người mới Việt Nam là con người phát triển toàn diện, có cuộc sống tập thể và cuộc sống cá nhân hài hòa, phong phú »[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 28.

Ngày nay, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể có ở những con người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, những người làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân mình. Trình độ và phạm vi làm chủ của những con người càng cao, càng rộng thì lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa của họ càng nồng nàn, mãnh liệt, càng sâu sắc. Tư tưởng làm chủ cá thể trong khi đối lập và phá hoại tư tưởng làm chủ tập thể thì đồng thời cũng làm suy yếu và phá hoại truyền thống yêu nước của nhân dân ta.

Ngày nay, lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể có được ở những người lao động xã hội chủ nghĩa, những người yêu lao động sáng tạo, ghét thói ăn bám và chây lười, những người lao động với tất cả nhiệt tình hăng say của mình, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật với năng suất cao. Một thái độ hoàn toàn mới đối với lao động, đó là một điều kiện không thể thiếu được của lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Ngày nay, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi phải kết hợp làm một lòng yêu nước nồng nàn với một tinh thần quốc tế chủ nghĩa. Không có một nét gợn nào của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản. Không thể là một chiến sĩ yêu nước nếu không đồng thời là một chiến sĩ quốc tế chủ nghĩa, bởi vì bản thân nội dung của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đã tất yếu phải chứa đựng cái tinh thần quốc tế vô sản trong sáng rồi.

Như vậy, nếu như chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa chỉ có thể hình thành và phát triển cùng với sự ra đời của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam thì những quy luật chi phối quá trình ra đời của con người đó cũng là những quy luật chi phối quá trình hình thành và phát triển của chính bản thân chủ nghĩa yêu nước xã

hội chủ nghĩa. Nếu như con người mới xã hội chủ nghĩa vừa là chủ thể vừa là sản phẩm tổng hợp của ba cuộc cách mạng, trực tiếp là của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa thì chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa là một động lực tinh thần mạnh mẽ của nhân dân ta trong cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay đồng thời cũng phát triển và hoàn thiện không ngừng đi theo với tiến trình phát triển của ba cuộc cách mạng nói chung và cách mạng tư tưởng và văn hóa nói riêng.

Chương ba

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TƯ TƯỞNG LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi lòng yêu Tổ quốc phải hòa làm một với lòng yêu chủ nghĩa xã hội. Giờ đây yêu nước là phải chiến đấu cho lý tưởng xã hội chủ nghĩa, yêu nước phải thể hiện ra thành hành động cụ thể hàng ngày phấn đấu không mệt mỏi để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình và bảo vệ thắng lợi Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình.

Ngày nay, một chiến sĩ yêu nước chân chính nhất thiết phải là một chiến sĩ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và một chiến sĩ đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội thì nhất thiết phải là một con người có tinh thần và có năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Một mặt, người đó phải yêu mến chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và đấu tranh không mệt mỏi để xây dựng chế độ đó trên đất nước ta; mặt khác, người đó không những phải có ý thức mà còn phải ngày càng có năng lực làm chủ tập thể để thúc đẩy sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng nhanh chóng và có hiệu quả hơn.

Như vậy, chỉ có « con người có tư tưởng đúng và tình cảm đẹp, có tri thức, có thể lực để làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, làm chủ bản thân »[1] như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta chỉ ra mới có thể là người yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trở thành một phẩm chất không thể tách rời, có quan hệ nhân quả với chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Sự hình thành và phát triển của tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đòi hỏi con người Việt Nam phải thực sự làm một cuộc cách mạng sâu sắc nhất trong tâm hồn mình. Trong các cuộc chiến tranh thần thánh giải phóng dân tộc vừa qua, lòng yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, cái phẩm chất cao đẹp của con người Việt Nam, hy sinh tất cả, kể cả tài sản và tính mệnh mình cho độc lập và tự do của dân tộc đã là cái nổi bật lên của tính cách Việt Nam và đó cũng là biểu hiện của tư tưởng làm chủ tập thể của con người Việt Nam đối với vận mệnh của Tổ quốc. Tuy nhiên, trong sản xuất và đời sống, khi đứng trước những vấn đề của cuộc sống hàng ngày thì cái lối suy nghĩ cũ kỹ vẫn còn đang ít nhiều chi phối tâm hồn mỗi người chúng ta.

Trong hàng bao nhiêu thế kỷ, người ta vẫn quen lấy những lợi ích riêng tư của cá nhân làm điểm xuất phát cho mọi mưu toan và hành động. Thế nhưng, ngày nay, cuộc sống mới đòi hỏi mỗi người phải đảo ngược lại điểm xuất phát đó, mọi suy tính và hành động phải xuất phát từ lợi ích của xã hội, của tập thể, coi lợi ích đó là lợi ích hàng đầu. Lê-nin đã viết : « Chủ nghĩa cộng sản bắt đầu ở chỗ nào mà những *công nhân bình thường* đã tỏ ra biết lo lắng với tinh thần quên mình, trong khi làm tròn

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 28.

được công việc nặng nhọc, để nâng cao năng suất lao động, giữ gìn *từng pút lúa mì, than đá, sắt* và các sản phẩm khác là những thứ không vào tay bản thân những người lao động, không vào tay những bà con thân thuộc của họ, mà vào tay « bà con xa » của họ, tức là vào tay toàn thể xã hội »[1].

Cơ sở kinh tế của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và cũng là cơ sở kinh tế của tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, không thể và không cần phải đợi đến khi có cái cơ sở kinh tế hoàn chỉnh ấy rồi, tư tưởng làm chủ tập thể phù hợp với nó mới có thể ra đời và đóng được vai trò cải tạo xã hội của nó. Do tính chất tương đối độc lập của sự vận động tư tưởng so với tồn tại xã hội, có thể và cần phải thúc đẩy nhanh sự ra đời và phát triển của tư tưởng làm chủ tập thể để nó có thể đóng vai trò chủ động và tích cực trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Tư tưởng làm chủ cá thể ở Việt Nam.

Tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa muốn ra đời nhanh chóng phải chiến đấu một cách kiên quyết, không thỏa hiệp với những truyền thống của chế độ tư hữu. Nó phải thẳng tay phê phán cái đối lập với nó là tư tưởng làm chủ cá thể, cái chủ nghĩa cá nhân đã tồn tại trong hàng nghìn năm cùng với chế độ tư hữu tài sản. Cũng chỉ có như vậy thì chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa mới có thể ngày càng phát triển sâu sắc và rộng rãi trong tâm hồn nhân dân ta được. Ngày nay, một con

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1968, t. 29, tr. 479.

người chỉ loay hoay thu vén cho cuộc sống cá nhân mình không thể có lòng yêu nước nồng nàn được. Ngày nay, chỉ có những con người có tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa cao mới có thể là những chiến sĩ yêu nước nồng nàn và mãnh liệt, kiên quyết trên mọi lĩnh vực đấu tranh xây dựng và bảo vệ đất nước.

Hồ Chủ tịch đã dạy: «Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, phải xây dựng con người xã hội chủ nghĩa, con người cộng sản chủ nghĩa. Muốn có con người xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa. Mà muốn có tư tưởng xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa thì phải gột sạch chủ nghĩa cá nhân, gột sạch tư tưởng tư sản. Chúng ta phải cố gắng giúp nhau làm cho tư tưởng xã hội chủ nghĩa đánh thắng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa»[1].

Chủ nghĩa cá nhân là con đẻ của chế độ tư hữu, của mọi xã hội xây dựng trên cơ sở chế độ sở hữu riêng về tư liệu sản xuất, dù cho những hình thức lịch sử của chế độ sở hữu ấy là như thế nào chăng nữa. Tất cả mọi thứ chủ nghĩa cá nhân đều có cái nét đặc trưng cơ bản giống nhau, như Lê-nin đã từng nêu lên, cái tâm lý «ai lo phận mình, còn thượng đế lo cho tất cả», hoặc như Hồ Chủ tịch cũng đã từng nói rằng chủ nghĩa cá nhân là việc gì cũng chỉ lo cho lợi riêng của mình, không quan tâm đến lợi ích chung của tập thể, «miễn là mình béo, mặc thiên hạ gầy».

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng về mặt biểu hiện cụ thể, về sắc thái và mức độ, không phải mọi chủ nghĩa cá nhân đều giống nhau! Chủ nghĩa cá nhân là sản phẩm của chế độ tư hữu, nhưng ngoài chế độ tư hữu của người sản xuất nhỏ, chúng ta đã chứng kiến nhiều hình thức tư hữu

---

1. *Những lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, t. 5, tr. 159.

đã từng tồn tại trong lịch sử: chế độ tư hữu của chủ nô, của chúa phong kiến và tư sản. Người ta có thể phân biệt được nội dung giai cấp của các chủ nghĩa cá nhân khác nhau phản ánh những quan hệ kinh tế đó. Thành thử khi đi vào phân tích nội dung cụ thể của chủ nghĩa cá nhân, đi vào những biểu hiện lịch sử và màu sắc cụ thể của nó, chúng ta có thể nói đến một chủ nghĩa cá nhân của người sản xuất nhỏ, một chủ nghĩa cá nhân tư sản, hoặc một chủ nghĩa cá nhân phong kiến, v.v.

Ngay cả cái nội dung giai cấp của mỗi một loại chủ nghĩa cá nhân trên đây thực ra trong những điều kiện lịch sử cụ thể từng dân tộc cũng có những sắc thái không hoàn toàn giống nhau. Trước khi xuất hiện chế độ xã hội chủ nghĩa, trước khi các dân tộc trở thành dân tộc xã hội chủ nghĩa, có thể nói rằng tất cả các dân tộc đều có cái nét cá nhân chủ nghĩa trong tâm lý dân tộc của mình. Và tùy theo chủ nghĩa cá nhân ở mỗi dân tộc ấy phản ánh đặc tính của giai cấp nào và được kết hợp như thế nào với những tâm lý giai cấp khác, với những truyền thống dân tộc lâu đời, với những hoàn cảnh sinh hoạt của thời đại mình mà cái nét cá nhân chủ nghĩa ấy trong tâm lý mỗi dân tộc sẽ có những nội dung cụ thể khác nhau. Một dân tộc tư sản như dân tộc Pháp chẳng hạn, chắc chắn rằng sẽ có một chủ nghĩa cá nhân khác với một dân tộc mà những quan hệ tiền tư sản hãy còn thống trị như dân tộc Việt Nam trước đây.

Chủ nghĩa cá nhân của người Việt Nam trước hết không phải là chủ nghĩa cá nhân tư sản, không phải là chủ nghĩa cá nhân ở một dân tộc đã trải qua nhiều thế kỷ phát triển tư bản chủ nghĩa mà chủ yếu là một chủ nghĩa cá nhân của những người tư hữu nhỏ. Ở chủ nghĩa cá nhân của đại đa số người Việt Nam, ta thấy nét đặc trưng nổi lên là sự thu vén, lo toan cho bản thân và cho người thân thuộc, là tính ích kỷ, óc tự tư tự lợi trong

sản xuất và dời sống hàng ngày. Sự thu vén và tính ích kỷ ấy mang tính chất tủn mủn, vụn vặt, nhỏ nhặt, phản ánh những diều kiện sản xuất lạc hậu với mức sống bình quân hết sức thấp của xã hội và chính vì vậy nó có tính chất hết sức phổ biến. Sự thu vén và tính ích kỷ dó nhiều khi có tính chất hết sức thiển cận, có thể dẫn đến những kết quả hết sức tai hại cho lợi ích công cộng. Ai cũng từng nghe câu châm ngôn xử thế quen thuộc xưa kia: « Cháy nhà hàng xóm, bình chân như vại ». Và trong cuộc sống hiện nay, ta đã từng thấy những vụ xâm phạm tài sản công cộng vì những lợi ích thiển cận, lặt vặt của cá nhân, dẫn đến những hậu quả nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn cho lợi ích chung.

Một chủ nghĩa cá nhân như vậy chứa đựng trong bản thân nó tính vô chính phủ, phản ánh những điều kiện của nền sản xuất nhỏ. Tính chất vô tổ chức, vô chính phủ đó là hết sức nguy hiểm cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và rất khó dấu tranh bởi vì nó là tổng cộng của vô số những vụ vi phạm nhỏ nhặt, hàng ngày, của số đông người nên khó lần ra đầu mối và khó khắc phục. Nó làm suy yếu nền chuyên chính vô sản, làm cho các biện pháp của chuyên chính vô sản trở nên vô hiệu, thậm chí tê liệt. Vì vậy, đấu tranh với tính vô chính phủ, sản phẩm của chủ nghĩa cá nhân tự tư tự lợi của người sản xuất nhỏ là một công cuộc đấu tranh nhiều mặt, lâu dài và phức tạp.

Lịch sử Việt Nam không phải chỉ để lại những nét tư tưởng và tâm lý tiêu cực đó trong con người Việt Nam. Lịch sử Việt Nam đề lại những con người có một lòng yêu nước nồng nàn và mãnh liệt. Vì lợi ích của đất nước, người ta có thể sẵn sàng hiến dâng tất cả mọi cái, kể cả tính mệnh và tài sản của mình, có thể xả thân vì nghĩa lớn, có thể bỏ cửa bỏ nhà, tự tay mình đốt gia sản của mình không để lọt vào tay giặc. Mặt khác, trong lòng xã hội

Việt Nam, cái truyền thống công xã vẫn tồn tại dai dẳng, cái tình cảm yêu thương, dùm bọc cưu mang lẫn nhau, tinh thần « chị ngã em nâng », « lá lành dùm lá rách » của những người « hàng xóm tối lửa tắt đèn có nhau » vẫn đóng một vai trò nhất định trong phong cách làm ăn và sinh hoạt của con người Việt Nam. Cái truyền thống đó tạo ra một dáng vẻ nào đấy của một tinh thần tập thể nhỏ hẹp có tính chất làng xã và phường hội trong thực tế quan hệ xã hội hàng ngày. Người Việt Nam xét theo những khía cạnh đó không phải là ích kỷ và thờ ơ với số phận của những người chung quanh mình.

Sự vận động của tư tưởng Việt Nam về mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội xưa kia diễn ra trong sự tác động của hai xu hướng ngược chiều. Một mặt, chế độ tư hữu và nền sản xuất nhỏ dẫn người ta đến một nếp nghĩ và lối sống ích kỷ, ai lo phận nấy, thu vén cho bản thân, « sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi ». Mặt khác, cái chủ nghĩa yêu nước và cái truyền thống công xã còn lại kia lại là một sự chế ngự đối với chủ nghĩa cá nhân, hạn chế bớt tính chất hèn hạ và bỉ ổi của nó trong con người Việt Nam.

Như vậy, hình như mỗi con người Việt Nam trong suy tính và hành động của mình vừa có thể rất vĩ đại, vừa có thể rất nhỏ nhen. Khi Tổ quốc lâm nguy, trước nghĩa lớn đối với vận mệnh dân tộc, trước cảnh nợ nước thù nhà, làng mạc quê hương đất nước bị quân giặc giày xéo, người Việt Nam dám hy sinh tất cả, quyết sống chết với quân thù. Nhưng khi nguy cơ ấy không còn nữa, khi quay trở về với cuộc sống hàng ngày, với công việc làm ăn, sinh sống; nền sản xuất nhỏ và chế độ tư hữu lại lôi người ta quay lại với những suy tính và hành động quen thuộc theo đúng câu châm ngôn: « đèn nhà ai, nhà nấy rạng ».

Chủ nghĩa cá nhân mà xã hội Việt Nam để lại đến ngày nay không bao giờ thuần túy chỉ phản ánh nền sản xuất nhỏ và chế độ tư hữu nhỏ mà thôi. Nó bao giờ cũng pha trộn với tất cả mọi loại chủ nghĩa cá nhân đã từng tồn tại trong lịch sử, chủ nghĩa cá nhân phong kiến thuộc hệ tư tưởng thống trị của xã hội Việt Nam trong nhiều thế kỷ trước đây và chủ nghĩa cá nhân tư sản trong thời kỳ cận đại và hiện đại.

Trong bao nhiêu thế kỷ, Nho giáo, hệ tư tưởng phong kiến tinh vi và chặt chẽ nhất, đã hàng ngày nhồi nhét vào đầu óc nhân dân cái lý tưởng trung quân, cái đạo lý làm người quân tử. Trong bản chất của nó, tư tưởng trung quân là một chủ nghĩa vị ngã cực đoan nhất, nhưng bề ngoài nó lại hình như truyền bá chủ nghĩa vị tha, kêu gọi người ta hãy quên mình, coi cái chết nhẹ tựa lông hồng để biểu thị tấm lòng trung quân, coi đó là biểu hiện cao nhất của điều « nhân », là tiêu chuẩn của người quân tử. Nhưng chính trong khi cổ súy cho cái chủ nghĩa vị tha ấy, Nho giáo đồng thời đã truyền bá một chủ nghĩa vị kỷ phong kiến hết sức phản động. Nó kêu gọi người ta quên mình, nhưng quên mình cho vua, cho chúa, cho bề trên, cho người gia trưởng, nghĩa là cho những cá nhân có địa vị, danh vọng, uy quyền tuyệt đối.

Xã hội phong kiến là một xã hội xây dựng trên một sự phân chia con người theo những ngôi thứ và đẳng cấp rất hủ bại. Vì vậy, trong khi đặt ra những bổn phận của bề dưới đối với bề trên, tư tưởng phong kiến cũng kích thích người ta chạy theo địa vị, danh vọng cá nhân. Nó nuôi dưỡng cái mộng học hành, thi đỗ, làm quan, vinh thân, phì gia, « một người làm quan, cả họ được nhờ », « làm trai phải lập công danh để khỏi hổ thẹn với đời ».

Tư tưởng địa vị và danh vọng phong kiến chứa đựng trong bản thân nó đầu óc đẳng cấp và thói độc đoán gia trưởng. Mỗi một người đều đứng ở một bậc

thang trong hệ thống ngôi thứ xã hội. Ở bậc thang ấy, anh ta phải có nghĩa vụ thần phục và xu phụ bề trên, điều đó được coi là hành động đạo đức; đồng thời ở bậc thang ấy, đối với người dưới, anh ta đòi hỏi họ cũng phải thần phục và xu phụ anh ta như anh ta đã làm đối với bề trên. Và con người một khi đã bước vào hệ thống ngôi thứ ấy, đã chiếm một bậc thang rồi thì nhất thiết phải ngoi tiếp lên bậc thang tiếp theo. Toàn bộ cuộc đời chỉ còn là những mưu toan không ngớt để đạt tới địa vị danh vọng và uy quyền mới.

Tư tưởng cá nhân chủ nghĩa kiểu phong kiến đó dẫn đến chỗ định giá trị con người không phải ở chỗ cống hiến nhiều ít của mỗi người cho xã hội, không phải đánh giá con người theo tài năng thực sự mà theo cái hư danh bên ngoài, theo địa vị ông kia bà nọ. Óc làm quan là hệ quả tất yếu của nó. Vì vậy tư tưởng đó cũng giết chết luôn các tài năng thực sự của con người bởi vì nó giết chết cái không khí xã hội, cái tâm lý xã hội thúc đẩy người ta phát triển trí tuệ và tài năng làm những công việc thực sự có ích cho xã hội. Với tư tưởng phong kiến, các thiên tài thực sự trong nhân dân khó có thể xuất hiện được và không thể không bị thui chột đi.

Chủ nghĩa cá nhân tư sản đi vào đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam muộn hơn và chỉ trở thành một tư tưởng đáng kể trong đời sống tinh thần của nhân dân Việt Nam từ khi đế quốc Pháp đặt xong nền đô hộ của chúng ở Việt Nam. Trong cái chủ nghĩa cá nhân tư sản đó, chúng ta không còn thấy tí bóng dáng nào của những truyền thống nhân đạo tư sản khi chủ nghĩa cá nhân tư sản đang lên tiếng đòi quyền sống cho con người, cho những khát vọng về hạnh phúc cá nhân chống lại sự áp bức và chà đạp đối với cá nhân dưới nền chuyên chế phong kiến. Bọn thống trị thực dân không đả phá hệ tư tưởng phong kiến mà trái lại kết hợp chặt chẽ chủ nghĩa

cá nhân tư sản với hệ tư tưởng đó, đưa vào hệ tư tưởng đó những màu sắc mới.

Cùng với công cuộc khai thác thuộc địa, từ trong lòng xã hội Việt Nam xuất hiện dần một giai cấp tư sản bản xứ nhỏ bé và một tầng lớp trí thức càng nhỏ bé hơn gắn liền với giai cấp ấy. Tầng lớp này có lúc đã muốn giương lên ngọn cờ chủ nghĩa cá nhân tư sản, cũng lên tiếng đòi giải phóng cho con người khỏi sự ràng buộc của lễ giáo phong kiến, cho tự do luyến ái và cho hạnh phúc cá nhân, v.v. Nhưng những tiếng nói ấy quá yếu ớt và chẳng để lại một tiếng vang nào đáng kể. Ở nước ta, không có cái cơ sở kinh tế và xã hội cho một phong trào giải phóng cá nhân tư sản như ở châu Âu trong thời đại cách mạng tư sản. Cái thời kỳ mà giai cấp tư sản đứng lên như một chiến sĩ tiên phong của chủ nghĩa nhân đạo tiến công vào thế giới cũ đã qua từ lâu rồi.

Từ một cơ sở xã hội như giai cấp tư sản Việt Nam không thể nảy sinh ra một chủ nghĩa cá nhân tư sản với tính cách một ý thức lý luận dược. Tuy nhiên, từ cái cơ sở ấy vẫn có thể sản sinh ra một tâm lý giai cấp mới. Nó đưa vào trong tư tưởng cá nhân chủ nghĩa đang tồn tại trong xã hội lúc bấy giờ cái sắc thái của anh tư sản con buôn: tính ích kỷ lợi mình và hại người để ngoi lên, sự bon chen, thói lừa lọc và gian dối, lối sống ăn bám, xa hoa, hưởng lạc và đồi trụy, và bao trùm lên tất cả, cái đầu óc chạy theo mối lợi, làm giàu bằng mọi thủ đoạn tàn nhẫn và trâng tráo, vượt qua tất cả mọi lề thói đạo đức giả vẫn có xưa nay trong xã hội.

Cuộc kháng chiến chống Pháp với thắng lợi của Điện Biên Phủ đã dẫn đến sự cáo chung của chủ nghĩa thực dân cũ trên đất nước ta, nhưng thắng lợi lịch sử đó chưa đủ để hoàn toàn giải phóng cả nước ta. Và trên mảnh đất miền nam đau thương, chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ đã thay thế chủ nghĩa thực dân cũ của Pháp, tiếp tục nô

dịch đồng bào ta với những phương thức mới. Trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, đế quốc Mỹ cũng đưa vào xã hội miền nam hàng loạt hàng hóa « mới » của văn hóa Mỹ, lối sống Mỹ. Chủ nghĩa cá nhân tư sản cũng vẫn là thực chất của nền văn hóa và lối sống đó. Tuy nhiên nó đã có những nội dung và biểu hiện mới gắn liền với chính trị và văn hóa thực dân kiểu mới, với giai đoạn phát triển cực kỳ phản động của hệ tư tưởng tư sản thế giới.

Từ sau đại chiến thế giới lần thứ hai đến nay, cùng với sự trầm trọng của những mâu thuẫn của chủ nghĩa đế quốc, trong cuộc đấu tranh giai cấp giữa tư bản và vô sản trên mặt trận tư tưởng và văn hóa, chủ nghĩa đế quốc đã có những âm mưu và thủ đoạn mới. Trong khi vẫn tiếp tục giương cao ngọn cờ cũ rích về nền dân chủ tư sản, về lý tưởng nhân quyền, giai cấp tư sản vẫn cảm thấy sự bất lực của những vũ khí tinh thần đó trong cuộc đấu tranh tư tưởng với chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa chống cộng quốc tế càng ngày càng có xu hướng tìm một con đường chống cộng không phải bằng cách lấy lý tưởng tư sản để chọi với lý tưởng cộng sản như đã làm từ mấy thế kỷ nay mà bằng cách chống lại lý tưởng cộng sản bằng một trạng thái tư tưởng không có lý tưởng, bằng sự thờ ơ về chính trị của xã hội, nhất là trong tầng lớp thanh niên.

Lợi dụng tâm trạng hoài nghi và bi quan của người tiểu tư sản trước những sự biến động và thay đổi ghê gớm trong cuộc sống của con người mà người ta không hiểu nổi hoặc không muốn hiểu, các nhà tư tưởng của giai cấp tư sản đã khai triển cái tâm lý bi quan, hoang mang và dao động đó thành một hệ thống lý luận xử thế hết sức cực đoan và phản động. Đó là một trạng thái tinh thần không có tinh thần, con người không cần lý tưởng xã hội, không cần tiêu chuẩn đạo đức nào hết mà chỉ quay về với cái tôi của mình, với cái tự do nguyên thủy của

mình. Con người với sự trống rỗng trong tâm hồn, hoài nghi và chán ngấy tất cả, chui vào cái tôi của mình và chỉ hành động theo bản năng tự phát của mình, cái bản năng mà những mặt thú tính, điên loạn được khuếch đại lên.

Ở miền nam nước ta, trong những năm đầu tiên, chủ nghĩa thực dân mới đã tập trung sức xây dựng cho được một lý tưởng quốc gia tư sản để chống lại ảnh hưởng của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên miền bắc. Thực tế phong trào cách mạng miền Nam trong những năm sau đổ đã chứng tỏ tính chất vô hiệu của những lá cờ tư tưởng đó. Và trong những năm tiếp theo, chúng ta thấy bên cạnh việc tiếp tục truyền bá về « chính nghĩa quốc gia » và « đồng tiến xã hội », v.v. chủ nghĩa thực dân mới đã hết sức bật đèn xanh cho những luồng tư tưởng mới của thế giới tự do ào ạt tràn vào miền nàm. Trong những năm đó, mốt văn hóa thịnh hành nhất là « nôn mửa », là « phi lý », là « chán ngấy » và « sống gấp », v.v. Từ trạng thái tinh thần ấy, xã hội thực dân mới miền nam đã đẻ ra cả một đội quân ác ôn, một lũ người không lý tưởng, không hoài bão, quên quá khứ và không cần biết tương lai, mất hết tính người, chỉ biết có đô-la, đập phá, bắn giết, trác táng và dâm loạn.

Việc chủ trương chống lại lý tưởng xã hội chủ nghĩa bằng sự thủ tiêu lý tưởng xã hội trong ý thức con người không chứng tỏ sự mạnh mẽ của hệ tư tưởng tư sản. Trái lại, đó là một sự thất bại nặng nề của tư tưởng tư sản trong cuộc đấu tranh ý thức hệ. Đã xa rời cái thời mà văn hóa tư sản có thể tỏa ánh sáng chói lọi soi rọi cho bước đi lên của nhân loại tiến bộ. Trong cuộc đấu tranh với hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, giai cấp tư sản đã không còn dám chiến đấu một cách công khai, mặt đối mặt nữa, bởi vì nó không còn tin ở sức mạnh của những vũ khí tinh thần của nó.

Tuy nhiên, cái trạng thái bệnh hoạn về tư tưởng, cái chủ nghĩa cá nhân điên loạn và vô chính phủ này, cái công cụ dầu độc dầu óc con người, nhất là đối với các tầng lớp thanh niên không phải là không nguy hiểm. Ngày nay, sau hơn năm năm giải phóng hoàn toàn miền nam, chúng ta càng ngày càng thấy sâu sắc hơn hậu quả sâu xa của văn hóa thực dân mới, nhất là của lối sống của Mỹ đối với xã hội miền nam. Và cũng rõ ràng là những nọc độc tinh thần đó thông qua nhiều con đường vẫn có thể lan ra trên khắp cơ thể Việt Nam, dầu độc những tâm hồn trong trắng của thế hệ thanh thiếu niên sinh ra và lớn lên trên miền bắc xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là trong sự nghiệp xây dựng con người mới Việt Nam mà một phẩm chất nhất thiết phải có là tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, giáo dục lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta phải chiến đấu một cách kiên quyết với chủ nghĩa cá nhân dưới mọi màu sắc của nó. Chủ nghĩa cá nhân tồn tại hiện nay trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam cũng có tính chất đa dạng. Trên cơ sở của một nền sản xuất nhỏ và chế độ tư hữu nhỏ, chủ nghĩa cá nhân của người sản xuất nhỏ đã tồn tại một cách phổ biến trong ý thức xã hội. Tuy nhiên, xoay quanh cái gốc ấy đã bám chằng chịt cả một loạt những nội dung chủ nghĩa cá nhân của các giai cấp bóc lột khác nhau và ngay mỗi loại chủ nghĩa cá nhân ấy cũng biểu hiện ra một cách đa dạng. Và tất cả những sắc thái đó của chủ nghĩa cá nhân đều đồng thời tồn tại trong ý thức xã hội ta hiện nay như những tàn dư của quá khứ.

Cần phải biết nắm chắc cái bản chất chung của chủ nghĩa cá nhân, mặt khác phải biết nắm những nội dung và hình thức biểu hiện muôn vẻ của nó. Tùy nơi, tùy lúc, tùy từng lĩnh vực hoạt động, tùy từng loại con người Việt Nam mà nội dung này hay nội dung kia, màu sắc

giai cấp này hay giai cấp kia, khía cạnh này hay khía cạnh kia sẽ nổi bật lên hàng đầu.

Sự ra đời của tư tưởng làm chủ tập thể ở nước ta và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân.

Tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa có nội dung rất phong phú. Sự hình thành và phát triển của nó đòi hỏi phải có những điều kiện chính trị, kinh tế, xã hội nhất định và phải diễn ra trong một quá trình lịch sử lâu dài. Ở nước ta, cuộc đấu tranh của tư tưởng làm chủ tập thể chống chủ nghĩa cá nhân thực ra đã bắt đầu từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo quá trình cách mạng Việt Nam.

Khi một người Việt Nam giác ngộ về nỗi tủi nhục của người dân mất nước đứng lên tham gia phong trào cứu nước do Đảng ta lãnh đạo, khi người đó giác ngộ về lập trường của giai cấp công nhân và tự nguyện chiến đấu dưới lá cờ của Đảng, đứng trong hàng ngũ của Đảng thì trong tư tưởng và hành động của người đó, tư tưởng làm chủ tập thể của giai cấp công nhân đã xuất hiện. Chủ nghĩa yêu nước trên lập trường giai cấp công nhân ngay từ khi ra đời đã phải chiến đấu không điều hòa với tư tưởng cá nhân chủ nghĩa mới có thể tồn tại và phát triển được. Bước vào con đường đấu tranh giải phóng dân tộc đầy gian khổ và hiểm nguy, người cách mạng muốn tiến lên bao giờ cũng phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích chung của dân tộc, của giai cấp với lợi ích riêng của cá nhân và gia đình. Không có tinh thần xả thân không thể làm cách mạng được. Đúng như đồng chí Lê Duẩn đã nhận xét: «Đảng viên chúng ta từ khi vào Đảng đã sẵn có tư tưởng tập thể, tư tưởng «không cá

nhân », rồi, vì lý tưởng chiến đấu của chúng ta là giải phóng cho cả giai cấp, dân tộc, cho cả xã hội loài người »[1].

Dưới ngọn cờ tư tưởng tập thề của giai cấp công nhân, phong trào cách mạng Việt Nam đã sản sinh ra bao nhiêu anh hùng, liệt sĩ, bao nhiêu tấm gương xả thân quên mình hy sinh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc. Phong trào cách mạng đó chứng tỏ tư tưởng làm chủ tập thề đã thắng tư tưởng cá nhân chủ nghĩa, đã thắng ngay cả trong đầu óc của hàng triệu quần chúng lao động đông đảo của nước ta. Trong những năm cao trào cách mạng mạnh mẽ và chiến tranh cách mạng liên tục như vậy, con người Việt Nam lớn và đẹp hẳn lên dưới ánh sáng của tư tưởng làm chủ tập thề, thoát ra khỏi cái chật hẹp của những lợi ích cá nhân thiển cận và tầm thường.

Tuy nhiên, cần phải thấy rằng tư tưởng làm chủ tập thề ở nước ta chỉ mới thắng dược ở lĩnh vực này mà chưa giành dược thắng lợi cơ bản ở lĩnh vực khác! Nó mới thắng trong lĩnh vực đấu tranh cách mạng đề giải phóng dân tộc mà chưa thắng được một cách cơ bản trong lĩnh vực đấu tranh đề xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy hai lĩnh vực ấy có quan hệ khăng khít với nhau nhưng mỗi lĩnh vực đều có những nội dung và có những quy luật phát triền khác nhau. Một bên là cuộc đấu tranh đề lựa chọn giữa hai con đường: độc lập tự do hay là sống nô lệ, là cuộc đấu tranh tư tưởng trong sự vận động của khởi nghĩa và chiến tranh cách mạng. Còn bên kia lại là một cuộc đấu tranh khác, cuộc đấu tranh giữa con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa, giữa tư tưởng làm chủ tập thề xã hội chủ nghĩa và tư tưởng làm chủ cá thề, làm chủ theo kiều phường hội.

---

1. Lê Duẩn, *Về cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1963, tr. 59.

Ở đó cuộc cách mạng diễn ra với những nội dung và hình thức khác.

Từ sau năm 1954, cách mạng Việt Nam đã bước vào một giai đoạn mới, tiến hành cùng một lúc hai chiến lược cách mạng. Trên miền bắc nước ta, công cuộc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã diễn ra một cách tương đối thuận lợi và giành được những thắng lợi có ý nghĩa quyết định. Một trật tự xã hội và kỷ luật lao động mới bắt đầu hình thành. Cuộc sống mới đang đi lên!

Thế rồi sau đó, cuộc chiến tranh chống Mỹ cứu nước bắt đầu diễn ra trên phạm vi cả nước ta. Đó là những năm hết sức khó khăn, khi mà toàn bộ cuộc sống của dân tộc phải hướng vào việc đánh bại một kẻ thù ghê gớm, đồng thời cũng là những năm phải tiếp tục quá trình thai nghén ra một xã hội Việt Nam mới trên miền bắc. Đó là những năm thử thách gay go đối với sức sống của dân tộc ta, của chế độ ta. Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đã thắng qua những thử thách đó.

Tuy nhiên, trong những năm đó, dường như có một lúc, tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đã buông lỏng vũ khí của mình. Nó đã có phần chủ quan và đơn giản, đánh giá thấp kẻ thù. Nó quên mất rằng tuy chế độ tư hữu về cơ bản đã bị xóa bỏ trên miền bắc, tư tưởng làm chủ cá thể đã bị đánh bại một bước nhưng trận địa của tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa còn chưa thể coi là được củng cố vững chắc. Trong khi đó cuộc chiến tranh lại diễn ra trong cả nước. Do tính chất chính nghĩa và cách mạng của nó, chiến tranh một mặt thúc dậy sự phát triển những nghị lực và tài năng phi thường của nhân dân ta; mặt khác, chiến tranh cũng đã có những tác động tiêu cực đến sản xuất và đời sống, ít nhất nó cũng có thể phá vỡ, làm suy yếu những thể chế và tổ

chức mới dược xây dựng nên trong những năm dầu tiên cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền bắc.

Chúng ta bước vào kháng chiến chống Mỹ không phải như Liên Xô bước vào chiến tranh chống phát xít Đức khi đã qua ba kế hoạch 5 năm, xã hội xã hội chủ nghĩa cơ bản đã ra dời. Chúng ta tuy đã xóa bỏ chế độ tư hữu trên miền bắc, nhưng việc đó mới xảy ra hôm qua thôi. Trong khi đó, nền sản xuất nước ta vẫn là sản xuất nhỏ, hết sức lạc hậu và phân tán. Tuy đã bước vào chế độ công hữu, nhưng nền sản xuất ấy vẫn lôi người ta về với những nếp nghĩ, lề thói, tập quán của chế độ tư hữu nhỏ. Trong diều kiện của chiến tranh với những biến động của nó, trong diều kiện của một dời sống còn thiếu thốn và khó khăn, chủ nghĩa cá nhân có thề phát triền cái tính tự phát và vô chính phủ của nó nếu không đặt vấn đề giáo dục chính trị, đấu tranh tư tưởng đúng mức, đúng lúc và có hiệu lực. Và đúng là trong chiến tranh, cái xu hướng này đã phát triền. Chúng ta thấy cũng vẫn cái tâm lý tư hữu nhỏ quen thuộc đáng nguyền rủa «đèn nhà ai nhà nấy rạng», nhưng bây giờ nó phát triền thành những suy nghĩ và hành động phồ biến: thu vén, xoay xở, xâm phạm đến tài sản công cộng, vi phạm lợi ích công cộng, theo câu châm ngôn cũ: «sống chết mặc bay, tiền thầy bỏ túi!».

Xu hướng tự phát vô chính phủ, xoay xở cho lợi ích cá nhân bất chấp lợi ích xã hội và chính là bằng cách làm hại lợi ích xã hội, là một kẻ thù nguy hiềm của chuyên chính vô sản. Bằng những sự vi phạm và phá hoại nhỏ nhặt, khó thấy của nhiều người trên tất cả mọi lĩnh vực, ở mọi chỗ, mọi nơi nó làm hư hỏng bầu không khí xã hội, làm hư hỏng cả bộ máy nhà nước của chúng ta và có thề làm tan rã cả những cơ chế xã hội chủ nghĩa mà sau bao nhiêu năm dốc nhiều công sức chúng ta mới xây dựng dược.

Cho đến nay, sau hơn năm năm cả nước bước vào một kỷ nguyên mới, nguy cơ đó vẫn tồn tại kéo dài, dai dẳng, ngày càng tinh vi và khó đấu tranh hơn. Ngày nay, đã đến lúc muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta thì phải xây dựng những con người trước hết có tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Mà muốn có những con người như thế thì phải đấu tranh không khoan nhượng với tư tưởng làm chủ cá thể, óc tự tư tự lợi, cục bộ và bản vị và nhất là kiên quyết tuyên chiến với tính tự phát vô chính phủ. Cuộc đấu tranh đó không thể chỉ đơn thuần diễn ra bằng vũ khí tư tưởng và phải kết hợp với tất cả các biện pháp nhằm tổ chức được trong thực tế xã hội nước ta một trật tự mới, trật tự xã hội chủ nghĩa thực sự.

Đồng chí Lê Duẩn viết: « *Sự cần thiết tuyệt đối phải có tổ chức và kỷ luật bắt nguồn từ chính bản chất và mục đích cuộc đấu tranh của chuyên chính vô sản nhằm cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.* Nó là cái *cốt tử* của công cuộc xây dựng xã hội mới... Nhưng khó khăn nhất cho chủ nghĩa xã hội, cho việc xây dựng chủ nghĩa xã hội, cũng chính là trên lĩnh vực tổ chức, trong nhiệm vụ thiết lập kỷ luật lao động mới, kỷ luật xã hội mới. Từ một nền sản xuất nhỏ mà đi lên càng khó khăn không tưởng tượng được. Ở đây, chuyên chính vô sản phải trải qua một thời kỳ đấu tranh rất lâu dài, dai dẳng và gay go giữa tính tổ chức và tính kỷ luật của giai cấp vô sản với thế lực tự phát rất nguy hại của trạng thái vô tổ chức, vô chính phủ tiểu tư sản. Trạng thái này tràn ngập xã hội trong mọi địa hạt: kinh tế, cung cách làm ăn, tư tưởng và tác phong con người, phong tục tập quán, v.v. Cuộc đấu tranh chống trạng thái đó, một trạng thái mâu thuẫn hoàn toàn với chủ nghĩa xã hội, phải được tiếp tục hết sức kiên quyết, hết sức

bền bỉ và kiên trì, nếu không thì không thể nào có thắng lợi của chủ nghĩa xã hội »[1].

Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, xây dựng tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa, phát triển lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa không phải là xóa bỏ lợi ích cá nhân. Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không phủ nhận những lợi ích của cá nhân, không san bằng mà trái lại khuyến khích sự phát triển của những tính cách và năng khiếu cá nhân, sở trường và tài năng cá nhân, càng không phủ nhận vai trò và trách nhiệm cá nhân trong sự nghiệp của tập thể. Chủ nghĩa xã hội đòi hỏi sự phát triển của cá nhân phải trong mối quan hệ khăng khít với sự phát triển của lợi ích tập thể, của lợi ích xã hội. Trên cơ sở bảo đảm ưu tiên cho lợi ích tập thể, chủ nghĩa xã hội tìm mọi cách làm cho sự phát triển lợi ích của xã hội và của cá nhân được cân đối, hài hòa và thúc đẩy lẫn nhau. Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng đã chỉ ra: « *Xây dựng mối quan hệ đúng đắn giữa tập thể và cá nhân* là một nội dung rất quan trọng của việc xây dựng chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Bảo đảm sự nhất trí giữa tập thể và cá nhân. Trên cơ sở những đòi hỏi tất yếu của cuộc sống cộng đồng, của quyền làm chủ tập thể, phải tôn trọng và bảo đảm các quyền của công dân, bảo đảm sự phát triển phong phú của nhân cách bồi dưỡng và phát huy sở trường và năng khiếu cá nhân »[2].

Suốt đời mình, Hồ Chủ tịch đã ra sức bồi dưỡng đạo đức cách mạng cho cán bộ, nhân dân và quân đội ta.

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*, Tác phẩm chọn lọc, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, t. 2, tr. 468 — 469 — 470.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 23 — 24.

Người luôn luôn dặn dò muốn xây dựng được đạo đức cách mạng phải chống chủ nghĩa cá nhân. Hồ Chủ tịch cũng đã căn dặn chúng ta phải giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa lợi ích xã hội và lợi ích cá nhân: «Đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân không phải là «giày xéo lên lợi ích cá nhân». Mỗi người đều có tính cách riêng, sở trường riêng, đời sống riêng của bản thân và của gia đình mình. Nếu những lợi ích cá nhân đó không trái với lợi ích của tập thể, thì không phải là xấu. Nhưng lại phải thấy rằng chỉ ở trong chế độ xã hội chủ nghĩa thì mỗi người mới có điều kiện để cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng và sở trường riêng của mình.

Không có chế độ nào tôn trọng con người, chú ý xem xét những lợi ích cá nhân đúng đắn và bảo đảm cho nó được thỏa mãn bằng chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Trong xã hội có giai cấp bóc lột thống trị, chỉ có lợi ích cá nhân của một số rất ít người thuộc giai cấp thống trị là được thỏa mãn, còn lợi ích cá nhân của quần chúng lao động thì bị giày xéo. Trái lại, trong chế độ xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa là chế độ do nhân dân lao động làm chủ, thì mỗi người là một bộ phận của tập thể, giữ một vị trí nhất định, và đóng góp một phần công lao trong xã hội. Cho nên lợi ích cá nhân là nằm trong lợi ích của tập thể, là một bộ phận của lợi ích tập thể. Lợi ích chung của tập thể được bảo đảm thì lợi ích riêng của cá nhân mới có điều kiện để thỏa mãn»[1].

Như vậy là tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong khi khẳng định nguyên tắc cơ bản lợi ích riêng của cá nhân phải đặt trong lợi ích chung của tập thể, phải phục tùng lợi ích chung, lại yêu cầu tập thể phải tôn

---

1. *Hồ Chủ tịch nói về dân chủ, kỷ luật và đạo đức cách mạng*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1967, tr. 37.

trọng lợi ích cá nhân, dời sống cá nhân và hạnh phúc cá nhân, tôn trọng sự phát triển của tính cách, sở trường, năng khiếu cá nhân. Do dó, cũng có thể nói rằng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa chứa dựng trong bản thân nó nội dung của chủ nghĩa nhân dạo cộng sản chủ nghĩa. Chủ nghĩa xã hội chỉ phản dối chủ nghĩa nhân dạo tư sản, phản dối cái lối dề cập con người một cách chung chung, trừu tượng, siêu giai cấp và lừa bịp. Còn sự phát triển toàn diện của con người, của các cá nhân, dó chính là một trong những mối quan tâm hàng dầu của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa gắn liền với những yêu cầu của chủ nghĩa nhân dạo cộng sản chủ nghĩa là sự dối lập hoàn toàn với chủ nghĩa Mao về thái dộ dối với con người. Là một hệ tư tưởng kết hợp những cái gì phản dộng nhất trong hệ tư tưởng tư sản và phong kiến, chủ nghĩa Mao dối xử với con người một cách cực kỳ lạnh lùng và tàn nhẫn. Quần chúng nhân dân chỉ là một tổng số những con người vô danh, không nhân cách, không có dời sống riêng mà chủ nghĩa Mao sử dụng như một công cụ trong cuộc tranh giành quyền lực của mình. Số phận con người, những nhu cầu vật chất và tinh thần của họ, những tính cách, năng khiếu và sở trường của họ không phải là mối bận tâm của Mao và những người theo Mao. Chủ nghĩa Mao cũng chống chủ nghĩa cá nhân nhưng theo một cách y hệt như chế dộ phong kiến chống chủ nghĩa cá nhân, nó truyền bá chủ nghĩa vị tha phong kiến dòi hỏi mọi người hãy quên mọi nhu cầu và lợi ích của mình di, dù là những nhu cầu và lợi ích chính dáng, dề toàn tâm toàn ý phục vụ cho dấng bề trên mà dấng bề trên hiện nay chính là Mao chủ tịch, là « mặt trời dỏ trong lòng nhân dân ». Những lời lẽ vị tha, giả danh cách mạng lừa bịp quần chúng của chủ nghĩa Mao che dậy

cái thực chất của một thứ chủ nghĩa vị kỷ trắng trợn và đáng phỉ nhổ nhất!

Đối với nước ta, vấn đề chống chủ nghĩa cá nhân đồng thời hết sức chú trọng đến những lợi ích chính đáng của cá nhân có một ý nghĩa quan trọng của nó. Chúng ta càng phải chú trọng thích đáng đến khía cạnh này trong nội dung xây dựng con người làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Ở xã hội ta, trong nhiều thế kỷ trước đây, mỗi cá nhân chưa tách khỏi cái bào thai công xã của mình xa lắm và trong khi cái tình trạng đó vẫn còn tồn tại dai dẳng thì nó lại chịu sự khống chế của một loạt những kiến trúc thượng tầng mà cái xu hướng cơ bản của những kiến trúc này là muốn thủ tiêu trong tâm hồn người lao động bị nô dịch cái ý thức về nhân cách và phẩm giá của mình. Chính vì vậy cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải có nhiệm vụ khơi dậy và phát triển cái ý thức này trong quần chúng lao động, tăng thêm lòng tự trọng và tự hào của mỗi người, tăng thêm sức mạnh và nghị lực sáng tạo của họ. Chính điều đó sẽ thúc đẩy công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội nhanh chóng và mạnh mẽ hơn.

Sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta đòi hỏi phải phát huy sức mạnh của mấy chục triệu con người Việt Nam được tổ chức lại dưới sự lãnh đạo của Đảng thành một sức mạnh tập thể đời non lấp biển. Sức mạnh đó trước hết là sức mạnh của tổ chức. Không có tổ chức, chúng ta sẽ không làm được cái gì cả. Tuy nhiên, trong khi nhấn mạnh vai trò của tổ chức, của sức mạnh tập thể, chúng ta không phủ nhận và coi nhẹ chút nào vai trò của cá nhân, sức mạnh của từng cá nhân trong tổ chức. Quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, quá trình làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên và làm chủ bản thân của con người Việt Nam không thể không cần đến rất nhiều tính chủ động và sáng kiến

cá nhân, rất nhiều nghị lực và tài năng cá nhân. Chúng ta càng có nhiều những cá nhân xuất sắc bao nhiêu thì sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội càng nhanh chóng thắng lợi bấy nhiêu.

Trong các châm ngôn xử thế của người Việt Nam xưa, ta thấy có những câu như: « xấu đều hơn tốt lời » hoặc « khôn độc không bằng ngốc dàn ». Ta thấy trong tâm lý cổ truyền của người Việt Nam cái nét tương đối phổ biến này: đánh giá con người trước hết và chủ yếu ở thái độ cư xử bề ngoài của người đó và định cái tiêu chuẩn giá trị đó cao hơn là khả năng làm việc thực tế. Và đi liền với lối xem xét đó, ta thấy cái khía cạnh tâm lý không ưa cái gì nổi bật lên, một tâm lý ưa cái gì cũng mực thước, ở mức trung bình.

Cái tâm lý ấy bắt nguồn từ đời sống Việt Nam thời xa xưa và vẫn còn tồn tại dai dẳng cho đến ngày nay. Vào những thời gian đó, để sống còn được trước kẻ thù bốn chân và hai chân, người ta phải sống hòa vào trong khối cộng đồng công xã và sau này trong các thiết chế phường hội. Con người chỉ có thể làm việc và sinh tồn được trong các tổ chức ấy. Sự tồn tại của các tổ chức ấy đòi hỏi phải có sự san bằng và bình quân hóa mọi năng lực và nhu cầu, mức lao động và hưởng thụ của mọi thành viên. Mỗi một sự phát triển đột xuất nào đấy của cá nhân đều tạo ra cái nguy cơ đe dọa sự tồn tại của cái khối cộng đồng ấy, phá vỡ các thiết chế bên trong của nó. Trải qua năm tháng, cái nếp nghĩ ấy được củng cố vững chắc thành một định hướng tâm lý có một sức bảo thủ đặc biệt. Ngày nay, trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải phá bỏ cái định hướng tâm lý đó. Tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không có cái gì giống với lề lối làm chủ tập thể kiểu phường hội ấy.

Tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa không bao giờ có thể dung hòa với tinh thần cạnh tranh theo lối của người tư hữu nhỏ hoặc lối tư bản chủ nghĩa: thói giấu nghề, đố kỵ, dìm người khác, dè bẹp đối thủ để ngoi lên. Thế nhưng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa lại rất cần sự thi đua, thi đua theo lối xã hội chủ nghĩa, mà không có phong trào thi đua này thì sự ra đời của xã hội mới chỉ có thể diễn ra một cách ỳ ạch mà thôi.

Với tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, toàn bộ đội ngũ những người xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cùng nhau tiến bước và trong cái nhịp đi chung đó, mỗi cá nhân mang hết khả năng của mình ra cống hiến.

Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của quân đội ta.

Quân đội ta là một bộ phận không thể tách rời của xã hội cho nên cán bộ và chiến sĩ trong lực lượng vũ trang chúng ta trước hết cũng phải có tư tưởng và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa. Đó cũng là phẩm chất cơ bản của mỗi người cán bộ và chiến sĩ, và là biểu hiện không thể thiếu được của nội dung xây dựng bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta trong giai đoạn mới và chỉ có xây dựng được phẩm chất cơ bản đó thì chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa mới có thể phát triển mạnh mẽ làm cho quân đội ta có đủ sức mạnh tinh thần hoàn thành nhiệm vụ cơ bản hàng đầu của mình là bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Thực ra, không phải bước sang giai đoạn cách mạng hiện nay chúng ta mới bắt tay vào xây dựng tư tưởng

làm chủ tập thể. Bản thân việc xây dựng nên trong quân đội ta cái ý chí sắt đá chiến đấu cho độc lập tự do, giải phóng và thống nhất đất nước, đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội, đã là bắt đầu xây dựng ý thức làm chủ tập thể. Xét cho cùng, ý chí chiến đấu cho độc lập tự do chính là thể hiện sự giác ngộ sâu sắc về quyền lợi thiêng liêng của đất nước, ý thức về chủ quyền dân tộc, về quyền làm chủ của mỗi người với đất nước, về trách nhiệm và nghĩa vụ của mỗi người đối với lợi ích của khối cộng đồng dân tộc Việt Nam. Và chính vì có sự giác ngộ đó mới có được tinh thần chiến đấu mãnh liệt đến như vậy, khiến cho kẻ thù vô cùng khiếp sợ và bạn bè khắp thế giới hết sức khâm phục.

Vấn đề đặt ra là bước sang giai đoạn mới, muốn tăng cường bản chất giai cấp công nhân, tăng cường tư tưởng giai cấp công nhân trong quân đội ta thì chỉ với cái cơ sở tư tưởng đã xây dựng được trong giai đoạn đã qua không đủ nữa. Cần phải bổ sung những nội dung mới, làm cho trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa của quân đội ta được nâng cao và hoàn chỉnh hơn. Cần phải bồi dưỡng và nâng cao toàn diện ý thức cũng như năng lực làm chủ tập thể của mỗi người cán bộ và chiến sĩ chúng ta. Từ ý thức làm chủ đất nước, mỗi cán bộ và chiến sĩ phải có ý thức vươn lên làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên nước ta, làm chủ bản thân mình một cách đầy đủ hơn, sâu sắc hơn, làm chủ một cách toàn diện, làm chủ về chính trị, làm chủ về quân sự, làm chủ về kinh tế, làm chủ về văn hóa, xã hội...

Mỗi cán bộ và chiến sĩ chúng ta trong quân đội là người làm chủ tập thể với tính cách người công dân xã hội chủ nghĩa đồng thời với tính cách là người quân nhân, thành viên của một tổ chức đặc biệt, có trách nhiệm bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa bằng phương thức đấu tranh vũ trang.

Là người công dân, là những con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trải qua trường học lớn của đời sống quân đội, một tổ chức mang đầy đủ bản chất của giai cấp công nhân, cán bộ và chiến sĩ ta phải là những công dân tiên tiến, tham gia một cách tích cực và chủ động vào mọi phong trào cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cùng với toàn dân, quân đội phải tiến hành ba cuộc cách mạng, phát huy quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động về chính trị, kinh tế, văn hóa, góp phần thúc đẩy nhanh chóng sự ra đời của chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới trên đất nước ta.

Quân đội không những chỉ tham gia vào mọi phong trào của nhân dân lao động ngoài xã hội, mà còn phải thực hiện mọi nội dung làm chủ đó trong bản thân quân đội, quán triệt vào trong quá trình chấp hành mọi nhiệm vụ chính trị và quân sự của mình. Ngày nay, cùng với việc cả nước đã độc lập, thống nhất và tiến hành một chiến lược cách mạng xã hội chủ nghĩa, cùng xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa thì nội dung của việc xây dựng con người mới, của việc xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội và ngoài xã hội càng thống nhất khăng khít với nhau. Cách mạng xã hội chủ nghĩa càng tiến lên càng đòi hỏi mỗi người quân nhân phải nâng cao trình độ làm chủ, nâng cao ý thức và năng lực làm chủ, nâng cao kiến thức khoa học, nắm vững những quy luật của tự nhiên và xã hội để có thể tham gia một cách xứng đáng vào cuộc đấu tranh xã hội và đấu tranh với tự nhiên, đưa đất nước tiến lên. Mỗi cán bộ và chiến sĩ chúng ta không được lạc hậu so với trình độ chung mà cuộc cách mạng xã hội vĩ đại đang đòi hỏi. Là một người công dân, mỗi cán bộ và chiến sĩ phải có ý thức và trình độ « làm chủ trong phạm

vi cả nước, trong mỗi địa phương, mỗi cơ sở » như Nghị quyết đại hội lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ thị.

Tuy nhiên, với tính cách là những quân nhân, mỗi cán bộ và chiến sĩ còn phải có ý thức và năng lực làm chủ cao nhất trong lĩnh vực hoạt động của mình là lĩnh vực đấu tranh vũ trang để thực hiện những nhiệm vụ quân sự mà Đảng và nhân dân giao phó cho mình. Cần phải biết kết hợp đúng đắn nội dung làm chủ trong phạm vi chung và phạm vi riêng, làm chủ toàn diện với làm chủ chuyên sâu.

Là những quân nhân, mỗi cán bộ và chiến sĩ quân đội ta phải có ý chí và trách nhiệm đầy đủ làm chủ tập thể đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ta, làm chủ lĩnh vực đấu tranh vũ trang. Xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội cần phải đặc biệt xây dựng tinh thần cảnh giác cao độ, ý chí chiến đấu mãnh liệt, sẵn sàng xả thân vì lợi ích của Tổ quốc, đập tan bất cứ hành động xâm lược của bất cứ kẻ thù nào, không cho phép chúng dụng đến được một tấc đất nào của Tổ quốc. Không phải chỉ có ý thức làm chủ như vậy là đã đủ rồi, còn phải có năng lực làm chủ, có kỹ năng chiến đấu, có trình độ thực hiện quyền làm chủ đó. Vì vậy tư tưởng làm chủ tập thể trong quân đội ta, còn phải được biểu hiện ra trong hành động làm chủ tập thể của đông đảo cán bộ và chiến sĩ trong chiến đấu và sẵn sàng chiến đấu, trong thi hành nhiệm vụ trực ban chiến đấu, tuần tra canh gác, trong việc huấn luyện và rèn luyện mọi mặt, nâng cao kiến thức và kỹ năng chiến đấu; trong việc giữ gìn, sử dụng và phát huy cao độ hiệu lực của vũ khí trang bị có trong tay; trong việc tăng cường việc quản lý bộ đội, chấp hành nghiêm túc các chế độ, các điều lệnh, điều lệ, v.v. Ý thức làm chủ và năng lực làm chủ là hai mặt của một phàm chất thống nhất, xây dựng tư tưởng làm chủ tập thể trong quân đội phải thống nhất hữu cơ hai

mặt đó. Chỉ có như vậy chúng ta mới có thể xây dựng quyền làm chủ tập thể của cán bộ và chiến sĩ chúng ta trong hành động thực tế, biểu hiện ra thành hiệu quả, chất lượng hoạt động trong sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, trong xây dựng kinh tế.

Dân chủ và kỷ luật là những nội dung bên trong không thể thiếu của quyền làm chủ tập thể trong quân đội ta. Dân chủ không đồng nhất với làm chủ, nội dung làm chủ rộng rãi hơn và sâu sắc hơn rất nhiều so với nội dung dân chủ. Tuy nhiên, việc thực hiện dân chủ trong nội bộ quân đội là biểu hiện quan trọng, không thể thiếu của quyền làm chủ tập thể của quần chúng cán bộ và chiến sĩ trong quân đội. Mặt khác, quyền làm chủ tập thể trong quân đội ta không phải chỉ biểu hiện ở chỗ thực hiện dân chủ nội bộ mà còn biểu hiện cả ở chỗ có một kỷ luật quân sự hết sức nghiêm minh. Và quyền làm chủ tập thể trong một quân đội mang bản chất giai cấp công nhân chỉ có thể biểu hiện ra trong sự tổng hợp của cả hai mặt đó, mà nếu thiếu đi một mặt nào thì sẽ không có quyền làm chủ chân chính của quần chúng trong một quân đội cách mạng nữa.

Nếu như mỗi một cán bộ và chiến sĩ hiểu biết quyền và nghĩa vụ của mình một cách toàn diện trong phạm vi công việc chung của đất nước, của toàn quân và trong từng đơn vị thì rõ ràng họ sẽ có trách nhiệm, có những suy nghĩ và tỏ thái độ đúng đắn về tất cả những vấn đề liên quan đến vận mệnh của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân. Lĩnh vực mà họ quan tâm càng rộng, chất lượng phục vụ của họ càng tốt thì càng chứng tỏ trình độ làm chủ của họ càng cao, tính tự giác của họ càng nhiều, họ càng thể hiện đầy đủ cái bản chất cách mạng và khoa học của Đảng ta. Và chính điều này thể hiện rõ nét bản chất ưu việt và sức mạnh của một quân đội kiểu mới, quân đội mang bản chất giai cấp công nhân.

Trong những năm qua, chúng ta đã phát huy được tính tích cực và sáng tạo của đông đảo cán bộ và chiến sĩ, tập trung được trí tuệ của mọi người, nâng cao được sức chiến đấu của quân đội ta. Cần phải tổng kết và phát triển những thành tựu đó phù hợp với những yêu cầu của giai đoạn mới. Cần phải xây dựng những thể chế mới về quyền làm chủ của cán bộ và chiến sĩ quân đội, quán triệt vào trong nội dung các điều lệnh, điều lệ.

Bất cứ một quân đội nào đều cũng cần phải có kỷ luật quân sự. Không có kỷ luật quân sự, không có quan hệ chỉ huy và phục tùng, thì không thành tổ chức quân đội. Và bất cứ một kỷ luật nào, kể cả kỷ luật cách mạng, kỷ luật của quân đội cách mạng đều có yếu tố bắt buộc. Không có yếu tố đó thì cũng không thể có kỷ luật. Sự cưỡng chế đối với mọi « ý chí tự do » của cá nhân, bắt buộc mọi ý chí tản mạn và tùy tiện đó phải phục tùng một ý chí chung là một tất yếu đối với mọi tổ chức quân sự cách mạng. Không thể vin cớ làm chủ để đòi cái gì cũng phải bàn bạc, « có thông thì mới làm », đòi hỏi chấp hành có điều kiện, phục tùng có điều kiện, việc lớn thì chấp hành, việc nhỏ thì tùy tiện xuê xoa. Nhưng chính là trong nội dung của kỷ luật mà chế độ làm chủ tập thể trong quân đội ta mới có cái biểu hiện đầy đủ hơn, biểu hiện cao nhất, phản ánh rõ nét hơn đặc điểm làm chủ tập thể trong một tổ chức quân sự.

Giữa kỷ luật của quân đội cách mạng như quân đội ta với kỷ luật của các quân đội phản động, có sự khác nhau về bản chất. Sự khác nhau cơ bản giữa kỷ luật của quân đội cách mạng và quân đội phản động chính là ở mục đích và nội dung của sự bắt buộc đó, ở cơ sở chính trị và giai cấp của sự bắt buộc đó. Sự khác nhau này quy định vấn đề có hay không có yếu tố tự giác trong kỷ luật của hai thứ quân đội. Tính tự giác trong việc chấp hành kỷ luật của quân đội cách mạng bắt nguồn từ nhận thức sâu sắc về sự cần thiết của

kỷ luật sắt trong chiến tranh cách mạng, trong từng hoạt động cụ thể của lực lượng vũ trang, và điều đó dẫn đến sự thoải mái trong chấp hành kỷ luật, sự chế ngự từ bên trong mỗi con người chống lại mọi sự vi phạm kỷ luật dù nhỏ nhặt nhất. Tính tự giác của kỷ luật là một biểu hiện của nội dung làm chủ bản thân mình trong đời sống của lực lượng vũ trang. Chính do tính tự giác đó mà việc chấp hành kỷ luật sắt trong quân đội mới có thể là biểu hiện cao nhất của nội dung làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội ta.

Muốn nâng cao tính tự giác đó, cần phải tăng cường giáo dục chính trị, làm cho quần chúng giác ngộ được bản chất và yêu cầu của việc xây dựng kỷ luật trong quân đội. Tuy nhiên, chỉ riêng việc đó thôi chưa đủ để nâng cao tính tự giác trong việc chấp hành kỷ luật quân đội. Thực tiễn của việc củng cố kỷ luật quân đội ta trong những năm vừa qua làm cho chúng ta càng thấm thía sâu sắc những lời dạy của Lê-nin về vai trò và trách nhiệm của bộ phận dầu não, của những cán bộ cấp trên đối với việc củng cố kỷ luật cách mạng và nâng cao tính tự giác của quần chúng trong việc chấp hành kỷ luật.

Ngày nay, chúng ta thấy rằng cách phân tích lê-nin-nít trong tác phẩm «Bệnh ấu trĩ «tả» khuynh của chủ nghĩa cộng sản» về những nguyên nhân đã đưa đảng bôn-sê-vích đến chỗ có một kỷ luật sắt, hoàn toàn có thể ứng dụng triệt để vào lĩnh vực xây dựng kỷ luật của quân đội chúng ta. Chúng ta cần luôn luôn ghi nhớ ba điều kiện mà Lê-nin đã nêu lên, những điều kiện đó là đảm bảo duy nhất cho kỷ luật được vững chắc và tự giác. Điều kiện thứ nhất là bộ phận lãnh đạo và chỉ huy phải có tinh thần hy sinh quên mình, có tính kiên cường. Điều kiện thứ hai là duy trì được vững chắc mối quan hệ sinh động và hữu cơ giữa bộ phận đó với quần chúng cán bộ và chiến sĩ bên dưới. Và điều kiện thứ ba là phải làm

cho quần chúng bên dưới thông qua thực tiễn kinh nghiệm bản thân thấy được sự đúng đắn của lãnh đạo và chỉ huy.

Nói một cách khác đi, điều đó có nghĩa là, như Hồ Chủ tịch lúc còn sống đã nhiều lần dặn dò các cán bộ chỉ huy, các chính trị viên về vai trò gương mẫu mọi mặt của họ trong việc củng cố sức mạnh chiến đấu của quân đội, tính tự giác chấp hành kỷ luật của quần chúng trong quân đội một phần quyết định lại do tính tự giác của chính bộ phận lãnh đạo và chỉ huy quyết định. Tinh thần làm chủ tập thể, chấp hành kỷ luật một cách hết sức tự giác và nghiêm minh của đông đảo cán bộ và chiến sĩ trong quân đội ta lại có nguyên nhân trực tiếp từ tinh thần làm chủ tập thể hết sức cao của chính những người lãnh đạo và chỉ huy bên trên.

Làm chủ tập thể là một vấn đề rất cơ bản, rất sáng tạo trong đường lối cách mạng của Đảng ta. Quân đội ta phải ra sức quán triệt và thực hiện một cách tích cực và chủ động trên mọi lĩnh vực hoạt động thực tiễn của mình những yêu cầu xây dựng một chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa trong quân đội. Chế độ làm chủ tập thể chỉ có thể được củng cố vững chắc khi nào chúng ta xây dựng được và hoàn thiện từng bước cơ chế làm chủ thật vững mạnh trong các lực lượng vũ trang phù hợp với đặc điểm của tổ chức quân sự chính quy hiện đại trong giai đoạn mới hiện nay.

Việc xây dựng cơ chế làm chủ trong quân đội không thể bỏ qua đặc điểm của tổ chức quân sự. Tuy nhiên, nếu như cơ chế làm chủ tập thể trong xã hội ta đã được thể hiện về cơ bản trong tinh thần và lời văn của Hiến pháp, đạo luật cơ bản của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nhằm thể chế hóa các mối quan hệ giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và nhân dân lao động làm chủ, thì việc xây dựng cơ chế làm chủ trong quân đội ta về thực chất cũng là xây dựng các chế độ cơ bản

về sự lãnh đạo, chỉ huy, quản lý bộ đội thể hiện trong các điều lệnh, điều lệ, các quy chế hướng dẫn của Đảng và Nhà nước xoay quanh việc giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa sự lãnh đạo tuyệt đối trực tiếp về nhiều mặt của Đảng với việc phát huy hiệu lực chỉ huy của thủ trưởng các cấp, cũng như với việc tôn trọng và thực sự phát huy quyền làm chủ tập thể của các cán bộ và chiến sĩ chúng ta.

Một cơ chế làm chủ như vậy không phải làm một lần là xong. Cần phải quan niệm việc xây dựng cơ chế làm chủ trong quân đội như một quá trình chiếm cả một thời kỳ phát triển lịch sử của quân đội ta trong những năm tới đây. Trong quá trình đó cần phải táo bạo và thận trọng, cần phải trên cơ sở nắm vững đường lối chính trị và quân sự của Đảng, nắm khoa học tổ chức quân sự trong điều kiện mới, qua thực tiễn chấp hành các nhiệm vụ của quân đội, để đánh giá, xem xét, khảo nghiệm, sửa đổi, bổ sung làm cho cơ chế đó ngày càng hoàn thiện, tạo ra cho quân đội ta một cái nền tảng vật chất và tinh thần vững chắc mà từ cái nền đó, các thế hệ cán bộ và chiến sĩ sau này của quân đội ta có thể vững bước tiến lên, bảo đảm cho quân đội không ngừng trưởng thành và vững mạnh, hoàn thành một cách xuất sắc những nhiệm vụ ngày càng nặng nề hơn mà Đảng và nhân dân rồi đây sẽ giao phó cho chúng ta.

Tóm lại, việc nâng cao tinh thần và năng lực làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa của đông đảo cán bộ và chiến sĩ trong quân đội ta, việc xây dựng và hoàn thiện không ngừng cơ chế làm chủ tập thể của quân đội ngày càng vững chắc là những công việc tất yếu phải làm không thể thiếu được để phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong lực lượng vũ trang, đảm bảo cho quân đội ta hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ thiêng liêng của mình: bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương bốn

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÔNG CUỘC LAO ĐỘNG SÁNG TẠO NÊN MỘT XÃ HỘI MỚI

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất giữa lòng yêu Tổ quốc với lòng yêu chủ nghĩa xã hội. Lòng yêu chủ nghĩa xã hội không phải chỉ là một nhận thức lý luận và tình cảm chung, mà phải biểu hiện ra thành hành động hàng ngày đấu tranh không mệt mỏi để xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho đất nước ngày càng phồn vinh, nhân dân lao động ngày càng có đời sống vật chất và tinh thần không ngừng nâng cao. Một lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa như vậy chứa đựng trong bản thân nội dung của nó một thái độ mới đối với lao động.

Ngày nay, muốn là người yêu nước thì phải là «con người lao động với tinh thần tự giác cao, với đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thật thà, quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao»[1]. Chỉ có những con người như vậy mới có thể là những người xây dựng chủ nghĩa

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 28.

xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, đáp ứng những yêu cầu của giai đoạn cách mạng hiện nay.

Một chủ nghĩa yêu nước trong công cuộc xây dựng đất nước.

Sự thống nhất giữa Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội đòi hỏi mỗi người Việt Nam chúng ta ngày nay phải nhận thức rằng muốn đưa đất nước và dân tộc tiến lên không có con đường nào khác ngoài con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội. Sự thống nhất đó cũng là một nội dung khách quan cho phép chủ nghĩa yêu nước không những chỉ đóng vai trò động lực tinh thần trong lĩnh vực chiến đấu chống ngoại xâm mà cả trong lĩnh vực lao động xây dựng đất nước. Đó là điều mà chủ nghĩa yêu nước trước đây không bao giờ có thể có được.

Trong lịch sử xưa kia, dù cho dân tộc ta có sự cố kết đến đâu đi nữa thì bản thân nó cũng chỉ là một cộng đồng người có đối kháng giai cấp tương đối gay gắt giữa hai giai cấp cơ bản trong xã hội thời đó. Vì vậy, cái xu hướng đoàn kết và thống nhất lực lượng của cả dân tộc để chống kẻ thù chung chỉ nổi lên mạnh mẽ khi đất nước bị xâm lược, bị nô dịch. Khi không còn mối họa đó, hoặc khi nguy cơ đó yếu đi thì những mâu thuẫn trong nội bộ dân tộc lại ngày càng nổi lên. Sự vận động của đời sống dân tộc lại trở lại với những lợi ích và xung đột giai cấp vốn có trong lòng nó từ xưa đến nay.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa trong quá trình phát triển của nó sẽ khắc phục được cái trạng thái vận động có tính chất quy luật đó của đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam xưa kia. Chủ nghĩa xã hội là sự phủ định đối với chế độ tư hữu và mọi hình thức người bóc lột người và do đó cũng thủ tiêu cả những đối kháng giai cấp đã từng là đặc trưng cho những xã hội trước đây. Cùng với quá

trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ngày càng diễn ra một cách sâu rộng trên cả nước ta, cùng với việc hình thành một cơ cấu kinh tế và giai cấp mới và sự phát triển của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa ở nước ta thì sự thống nhất về chính trị và tinh thần trong xã hội ta ngày càng dược củng cố vững chắc hơn. Tất cả những cái đó làm cho dân tộc chúng ta không có những nhân tố chia rẽ trong quá trình xây dựng đất nước mà trái lại chính trong quá trình xây dựng đó sự cố kết dân tộc lại tăng lên hết sức mạnh mẽ.

Đối với người Việt Nam chúng ta hiện nay, nền độc lập của Tổ quốc, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ vẫn là những yêu cầu thiết tha trong tâm hồn mỗi người. Và ngày nay, sau khi đất nước đã được giải phóng thì muốn củng cố nền độc lập tự do đó, nước phải giàu, dân phải mạnh. Kinh tế có phát triển thì quốc phòng mới vững mạnh. Kinh tế có phát triển, đời sống nhân dân có được cải thiện không ngừng thì chính trị mới càng vững vàng.

Lịch sử đang đặt ra trước mắt những người yêu nước Việt Nam vấn đề: hoặc là mở hết tốc lực tiến về phía trước, trở thành một nước Việt Nam phát triển mạnh mẽ về kinh tế, quốc phòng và văn hóa, hay là dẫm chân tại chỗ để rồi sẽ bị các thế lực phản động đè bẹp. Bằng tất cả kinh nghiệm xương máu của bao nhiêu thế kỷ, chúng ta tự hào về những truyền thống anh hùng chống xâm lược của dân tộc ta bao nhiêu thì chúng ta càng đau khổ với tình trạng nghèo nàn và lạc hậu về kinh tế hiện nay.

Sự lạc hậu về kinh tế đang là một trở ngại lớn nhất trên con đường tiến lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta, đồng thời đó cũng là một mối đe dọa không thể coi thường đối với nền độc lập của dân tộc ta. Sự lạc hậu về kinh tế chủ yếu nói lên trình độ phát triển thấp kém của lực lượng sản xuất ở nước ta, tuy nhiên sự lạc hậu đó về khách quan là đồng minh của các thế lực phản động quốc

tế đang muốn kìm hãm và bóp nghẹt chúng ta. Chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu, đó sẽ là thắng lợi của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội đồng thời cũng là thắng lợi của sự nghiệp giải phóng dân tộc ta một cách triệt để và vĩnh viễn.

Trong quá trình lịch sử lâu dài của dân tộc, đất nước ta đã từng chịu bao nhiêu đau khổ vì các cuộc xâm lăng. Các cuộc xâm lăng đã bị đánh bại và các anh hùng hào kiệt thì thời nào cũng có, như Nguyễn Trãi đã từng tổng kết. Nhưng các cuộc xâm lăng vẫn cứ tiếp tục xảy ra. Ngày nay cũng vậy, chúng ta đã đánh bại tên đế quốc đầu sỏ thế giới và tưởng là có thể lao động hòa bình trong một thời gian tương đối dài. Thế nhưng lại đã có kẻ muốn xâm phạm đến nền độc lập và chủ quyền dân tộc của chúng ta. Có nhiều nguyên nhân phức tạp cắt nghĩa quy luật phát triển đó của dân tộc ta nhưng có một nguyên nhân là đất nước ta về kinh tế còn nghèo nàn và lạc hậu quá và sự yếu ớt tương đối đó bao giờ cũng kích thích đầu óc phiêu lưu của bọn đế quốc và bọn bành trướng, bá quyền. Vì vậy, chúng ta phải làm cho đất nước ta nhanh chóng vươn mình trở thành một sức mạnh có thể làm chùn tay, nản chí mọi kẻ xâm lược.

Chính vì vậy, Đại hội lần thứ tư của Đảng đã kêu gọi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân chúng ta « Vì Tổ quốc, vì chủ nghĩa xã hội » mà hăng hái tiến lên, hãy « lao động sáng tạo xây dựng Tổ quốc ». Cái hình ảnh về một nước Việt Nam tương lai « dàng hoàng hơn, to đẹp hơn », một nước Việt Nam giàu mạnh có một sức mạnh động viên và cổ vũ rất lớn đối với mỗi người Việt Nam chúng ta. Ở đây là một lý tưởng về sự phồn vinh của dân tộc như là điều kiện để giải phóng triệt để dân tộc đồng thời cũng là một lý tưởng xã hội chủ nghĩa. Nó chứa đựng trong bản thân mình cái nội dung xã hội chủ nghĩa, cái tinh thần quốc tế vô sản trong sáng. Nó kêu gọi đấu tranh cho sự

phồn vinh của Tổ quốc bằng lao động, lao động kiên trì, dũng cảm, thông minh và sáng tạo của con em mình để khai thác tài nguyên phong phú của đất nước mình.

Ngay từ những năm đầu thế kỷ, Hồ Chủ tịch đã phát hiện ra quy luật của cách mạng Việt Nam, tìm ra sự thống nhất của con đường giải phóng dân tộc với con đường của cách mạng vô sản ở một nước thuộc địa và phụ thuộc. Điều đó có nghĩa là nếu như đối với giai cấp công nhân của một dân tộc thuộc địa và phụ thuộc, con đường giành lấy chuyên chính vô sản phải đi qua con đường giành lấy độc lập tự do thì đối với bản thân dân tộc đó mà giai cấp công nhân là một bộ phận, con đường giành lấy độc lập tự do hoàn toàn và triệt để sau khi thoát khỏi ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc cũng không thể có con đường nào khác ngoài con đường xã hội chủ nghĩa. Và nếu như nói rằng trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, đấu tranh giai cấp không phải là chấm dứt mà là tiếp tục dưới những hình thức mới thì cũng có thể nói rằng đối với một nước như nước ta, trên một ý nghĩa nào đấy, đấu tranh giải phóng dân tộc cũng chưa hoàn toàn chấm dứt một khi kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh giải phóng mà là tiếp tục dưới những hình thức mới, trên những mặt trận mới, mặt trận lao động xây dựng đất nước và bảo vệ đất nước.

Như vậy là, khác với chủ nghĩa yêu nước truyền thống trước đây, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa ngày nay là một sức mạnh tinh thần đáng kể, có tác động mạnh mẽ đến hàng triệu con người Việt Nam trong hành động lao động sản xuất, xây dựng cuộc sống mới.

Mặt khác công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong giai đoạn cách mạng hiện nay đòi hỏi phải có một bước chuyển biến căn bản nữa trong tinh thần của xã hội ta, cần phải xây dựng được trong nhân dân ta một thái độ mới đối với lao động.

Việc xây dựng một thái độ lao động mới trong xã hội nước ta là một công việc lâu dài và gian khổ, chiếm cả một thời đại lịch sử. Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa không trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, chúng ta dỡ gặp những khó khăn do chế độ lao động làm thuê tư bản chủ nghĩa tạo nên, nhưng chúng ta lại gặp những khó khăn về mặt khác, những khó khăn do nền sản xuất nhỏ lâu đời tạo nên. Quá khứ lịch sử đề lại cho chúng ta biết bao nhiêu truyền thống tốt đẹp và quý giá, nhưng quá khứ đó cũng đề lại nhiều vấn đề mà cuộc sống mới hiện nay phải giải quyết.

Thái độ mới của con người Việt Nam đối với lao động.

Trải qua hàng nghìn năm lịch sử, cuộc chiến đấu của người Việt Nam đề chinh phục thiên nhiên, xây đắp nên một đất nước có thề nuôi sống cả dân tộc ta là một sự nghiệp hết sức vĩ đại và anh hùng!

Trong những thời kỳ tiền sử của dân tộc, do sự thôi thúc bản năng, người Việt đã lao vào khai phá thiên nhiên, thiên nhiên đã làm họ sợ hãi, ngạc nhiên và kinh phục. Trong những thần thoại cồ nhất về thần đất, thần biền, thần núi, thần sông, thần mưa, thần gió... ta thấy trong con mắt người Việt cồ đại, thiên nhiên hiện ra hùng vĩ và đáng sợ xiết bao đối với con người! Thế rồi cùng với việc con người ngày càng chinh phục thiên nhiên được nhiều hơn, trong hệ thống thần thoại Việt Nam, những con người có thần tính, những ông, những bà khồng lồ dội đá vá trời, cào đất thành ruộng, vun đá thành gò, xẻ cát thành sông đã dần dần thay thế cho những ông thần tự nhiên kề trên.

Dưới hình thức những thần thoại đó xuất hiện xu hướng đầu tiên của người Việt Nam ca ngợi thắng lợi của

lao động con người đối với thiên nhiên. Thiên nhiên lúc đầu làm cho con người Việt Nam sợ hãi và kinh phục bao nhiêu thì những thắng lợi đầu tiên đối với thiên nhiên, càng làm cho họ tự hào và phấn khởi bấy nhiêu. Thiên tài của nhân dân là ở chỗ trong trí tưởng tượng và bằng trí tưởng tượng, qua hình tượng những người khổng lồ, tức là những anh hùng lao động của mình, nhân dân đã thể hiện những mong ước của mình đối với cuộc sống hiện thực và đã tiên cảm một cách đúng đắn xiết bao khả năng vô tận của lao động con người trong những thời đại sau này.

Cùng với bước chuyển sang xã hội có giai cấp, tâm hồn nhân dân Việt Nam đã chuyển nhanh từ những anh hùng ca lao động sang anh hùng ca lịch sử, ca ngợi những người anh hùng giết giặc cứu nước, và cũng từ đó trở đi, cái chủ nghĩa anh hùng thô sơ và mộc mạc trong cuộc đấu tranh với thiên nhiên đã không còn có thể gợi nên những sự rung động hào hùng trong tâm hồn con người Việt Nam như xưa kia nữa.

Từ hàng chục thế kỷ nay, nền kinh tế nước ta cơ bản vẫn là một nền kinh tế nông nghiệp, một nền nông nghiệp nhỏ, phân tán và phát triển hết sức chậm chạp. Thiên nhiên Việt Nam là cái nôi đã nuôi sống dân tộc ta từ bao đời. Đó là một thiên nhiên phong phú đồng thời cũng là một thiên nhiên hết sức khắc nghiệt. Thêm vào đó, ách áp bức xã hội và nạn ngoại xâm cũng là cái xiềng trói chặt lực lượng sản xuất lại và trong những thời kỳ nào đấy thậm chí đẩy lực lượng sản xuất lùi lại hàng thế kỷ.

Trong thời quốc gia phong kiến độc lập, vào những lúc triều đại trị vì đang lên và do nhu cầu củng cố đất nước sau những thắng lợi chống ngoại xâm, nhà nước phong kiến dân tộc đã có những chính sách tiến bộ, khoan sức cho dân, khuyến khích sản xuất. Nhưng rồi mỗi vương

triều, theo bản chất của nó, đều đi đến thoái hóa, ách áp bức bóc lột lại đè nặng lên cuộc sống người dân. Sự lục dục trong nội bộ tập đoàn phong kiến, chiến tranh phe phái và nạn cát cứ lại nối tiếp các cuộc chiến tranh xâm lược và tiếp tục công việc phá hoại lực lượng sản xuất xã hội. Ruộng đồng lại bỏ hoang, đê điều không ai tu sửa, nạn lụt liên tiếp xảy ra, người dân lao động lại tha phương cầu thực.

Có thấy được cái bối cảnh ấy của cuộc sống Việt Nam, sự đè nén của thiên nhiên cộng với sự kìm hãm của xã hội và sự phá hoại của ngoại bang mới hiểu được hết cái lớn lao của tinh thần Việt Nam trong công cuộc lao động xây dựng đất nước, mới hiểu được vì sao con người Việt Nam trong hành động lao động sản xuất của mình lại thể hiện được tính kiên trì và lòng dũng cảm, sự cần cù bền bỉ và óc thông minh đến một trình độ như vậy. Tuy nhiên, trong tâm hồn của nhân dân lao động thời đó, vẫn không có chỗ cho những bài ca về chủ nghĩa anh hùng trong lao động. Chúng ta chỉ có thể thấy ở đó những quan điểm thực tiễn và lạc quan trong lao động mà thôi.

Trong hàng bao nhiêu thế kỷ, trong ý thức người lao động Việt Nam, lao động được nhận thức như một việc tuy cực nhọc nhưng cần thiết, một nhu cầu để sống; «Tay làm hàm nhai, tay quai miệng rỗi». Đối lập lại với những quan điểm của giai cấp phong kiến, mọi nghề đều thấp hèn, chỉ có việc đọc sách là sang («Vạn ban giai hạ phẩm, duy hữu độc thư cao»); tinh thần thực tiễn và hài hước của nhân dân đã đập lại: «nhất sĩ nhì nông, hết gạo chạy rông, nhất nông nhì sĩ». Hơn nữa, tuy cuộc sống của những người lao động là một chuỗi ngày lầm than, nhưng quá trình lao động bên cạnh nỗi cực nhọc vẫn đem lại cho người lao động ít nhiều niềm vui. Ở đây ta vẫn còn thấy cái âm hưởng vui tươi của lao động tự do thuở trước. Không phải ngẫu nhiên mà ta thấy những

câu ca dầm thắm nhất của tình yêu nam nữ đều gắn bó với quá trình lao động.

Sống dưới chế độ phong kiến, người lao động không thể không ít nhiều tiếp nhận hệ tư tưởng phong kiến. Và trong hàng bao nhiêu đời, giai cấp phong kiến truyền bá rộng rãi trong nhân dân cái tư tưởng coi khinh lao động của nó, nhất là lao động chân tay, khinh bỉ bọn « dân ngu khu đen », bọn « khố rách áo ôm », v.v. đề cao cái lý tưởng sống trên đời phải vươn lên thoát khỏi cuộc sống của kẻ thất phu, phải học hành, đỗ đạt để ra làm quan, vinh hiển một đời. Giai cấp phong kiến quí tộc trong khi quàng cái ách áp bức bóc lột lên đầu lên cổ nhân dân thì đồng thời cũng giết chết luôn trong những người lao động lòng tự hào và niềm hứng khởi lao động mà con người đã từng có trong thời thơ ấu của mình. Lao động cưỡng bức đã thay thế cho lao động tự do !

Cái định hướng tâm lý thâm căn cố đế khinh lao động mà xã hội cũ để lại đó chỉ bắt đầu bị phê phán và đả kích từ khi cuộc cách mạng Việt Nam được tiến hành dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, chính Đảng của giai cấp công nhân. Trong thời kỳ cách mạng dân tộc - dân chủ, trong khi Đảng ta giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì về thực chất Đảng ta cũng đã giương cao ngọn cờ giải phóng lao động. Tư tưởng khinh lao động và lười lao động tuy chưa bị phê phán một cách có hệ thống và triệt để, nhưng với việc quán triệt đường lối vận động cách mạng của Đảng, lần đầu tiên những người lao động bị áp bức bóc lột được đặt vào vị trí trung tâm của cuộc đấu tranh giải phóng. Đồng thời trong thời kỳ đó, ý thức của xã hội Việt Nam ít nhiều đã phải phân biệt ranh giới giữa lao động và bóc lột ăn bám.

Tuy nhiên, cuộc tiến công của tư tưởng xã hội chủ nghĩa vào tâm lý trên đây trong giai đoạn đó mới chỉ có thể đạt đến mức làm cho xã hội ít nhiều phải thừa nhận

vai trò của người lao động trong đấu tranh cách mạng, trong sản xuất. Cuộc tiến công đó chưa có thể đưa bản thân hành động lao động vào cái vị trí hết sức vinh quang trong đời sống tinh thần của dân tộc, làm cho cả xã hội thực sự yêu mến lao động, coi lao động là một hành động anh hùng và dũng cảm. Yêu cầu đó chỉ có thể đặt ra và được thực hiện trong giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Từ khi miền bắc được giải phóng và bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội được đặt ra trên nửa nước thì vấn đề thái độ đối với lao động cũng được đặt ra một cách trực tiếp trong đời sống tinh thần của xã hội. Người ta nhận thấy rằng chiến thắng được những ý thức lạc hậu trong vấn đề lao động không phải là dễ dàng. Những quan niệm và những tâm lý cũ kỹ vẫn tồn tại khá sâu và khá dai dẳng trong đầu óc con người, không phải chỉ ở những người đã từng sống trong chế độ cũ mà cả ở những tầng lớp thanh niên lớn lên cùng với cách mạng.

Trong những năm đầu tiên xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền bắc, quan điểm và thái độ lao động mới đã giành được những thắng lợi bước đầu, cái định hướng tâm lý truyền thống của xã hội Việt Nam cũ cũng lần đầu tiên bị một cuộc tiến công toàn diện. Một không khí lao động mới xuất hiện. Một thái độ lao động mới, chưa sâu sắc lắm và còn nặng về cảm tính nhưng lại hết sức sôi động và trẻ trung, đã thực sự xuất hiện trong giai cấp công nhân mới phát triển và trong giai cấp nông dân mới bước vào con đường tập thể. Và cùng với thái độ lao động đó, một kỷ luật lao động mới đã bắt đầu hình thành và đóng vai trò tổ chức của nó đối với sản xuất và đời sống.

Giữa lúc đó thì cả nước lại bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền bắc không thể tiếp tục như cũ được mà

phải chuyển hướng cho phù hợp với yêu cầu của chiến tranh. Địch đánh phá ác liệt, hoàn cảnh sơ tán, quá trình tái sản xuất không còn ổn định như trước, v.v. tất cả những cái đó ít nhiều làm đảo lộn những trật tự và lề thói lao động mà những năm xây dựng hòa bình trên miền bắc đã tạo nên được.

Bước vào giai đoạn cả nước độc lập, thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, vấn đề xây dựng một quan điểm và thái độ lao động đúng đắn là một nội dung hết sức cơ bản và hết sức cấp bách của việc xây dựng tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong nhân dân ta. Thái độ lao động mới là một đặc trưng nổi bật của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam, như Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra và là một phẩm chất gắn liền với lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh hàng ngày để xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Thái độ đầu tiên, có ý nghĩa cơ bản nhất và là cơ sở cho mọi thái độ lao động khác, chính là lòng yêu lao động, lao động một cách tự giác, với một nhiệt tình lao động không biết mỏi mệt. Thái độ đó kiên quyết lên án tư tưởng coi khinh lao động, nhất là coi khinh lao động chân tay, lên án thói lười biếng, khắc phục hai cái sợ: sợ khó và sợ khổ, như Bác Hồ đã nói.

Chúng ta đang ở trong thời kỳ quá độ từ một nền sản xuất nhỏ tiến thẳng lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, không qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Nguyên tắc lao động đang chi phối trong sản xuất và đời sống hiện nay phải là nguyên tắc xã hội chủ nghĩa. Chủ nghĩa cộng sản, giai đoạn cao, phát triển hơn của chủ nghĩa xã hội hãy còn là một tương lai xa xôi, nhất là đối với nước ta. Tuy nhiên, ngay cả trong những bước đi đầu tiên đó, yêu cầu về một thái độ lao động mới của con người Việt

Nam chúng ta đã ít nhiều phải có những yếu tố mầm mống của thái độ lao động cộng sản chủ nghĩa rồi.

Lê-nin đã từng định nghĩa về lao động cộng sản chủ nghĩa: «Lao động cộng sản chủ nghĩa, nếu hiểu theo nghĩa hẹp nhất và chặt chẽ nhất của từ đó, là lao động không công cho xã hội, một thứ lao động không phải làm như một nghĩa vụ nhất định nào đó, cũng không phải làm để có quyền hưởng một số sản phẩm nào đó, cũng không phải làm theo những tiêu chuẩn do luật lệ đã định trước, mà là một thứ lao động tự nguyện làm ngoài tiêu chuẩn, không trông chờ một món thù lao nào, không đặt điều kiện đòi hỏi một món thưởng nào, một thứ lao động do thói quen lao động cho tập thể mà làm, và do ý thức (đã trở thành thói quen) tự giác thấy cần phải làm vì lợi ích công cộng — một thứ lao động đã trở thành nhu cầu của một cơ thể lành mạnh»[1].

Như vậy, lao động cộng sản chủ nghĩa là lao động không cần trả công. Đó là một thứ lao động cho xã hội hết sức tự giác, một thói quen thấy cần phải làm vì lợi ích công cộng. Đó còn là một thứ lao động đã trở thành nhu cầu tự nhiên của một cơ thể lành mạnh, tức là một thứ lao động tự do do nhu cầu sáng tạo của con người muốn luôn vươn tới chinh phục các lực lượng tự nhiên. Và một thái độ lao động như vậy rõ ràng là chưa thể xuất hiện phổ biến ngay hiện nay, khi chúng ta mới chuyển sang công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Sự hình thành và phát triển của một thái độ lao động như vậy ở nước ta đòi hỏi một quá trình phát triển lâu dài của tư tưởng và tâm lý xã hội đi theo với quá trình phát triển của đất nước ta từ chủ nghĩa xã hội lên chủ nghĩa cộng sản. Chúng ta không thể có ảo tưởng về vấn

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1971, t. 30, tr. 661.

đề này. Tuy nhiên, lại cũng rõ ràng là không phải đợi đến khi có đầy đủ những tiền đề vật chất khách quan rồi thì thái độ lao động đó mới xuất hiện. Một số mầm mống, một số nhân tố nào đấy của thái độ đó đã xuất hiện ngay hiện nay trong bộ phận những con người lao động Việt Nam tiên tiến rồi. Còn lâu toàn xã hội mới có thái độ lao động cộng sản chủ nghĩa, nhưng ngay khi bắt đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội, khi người lao động còn đòi hỏi phải được trả công thích đáng và xã hội còn phải tuân thủ nguyên tắc phổ biến trả công theo số lượng và chất lượng lao động thì cái tinh thần lao động không cần trả công đã có thể ra đời. Điều đó có thể xảy ra, thực tế đã xảy ra, đồng thời cũng cần thiết phải xảy ra.

Điều đó cần phải xảy ra vì sự xuất hiện của nó sẽ là một trong những động lực tinh thần hết sức quan trọng để thúc đẩy tiến trình phát triển của xã hội tiến lên mạnh mẽ hơn. Điều đó có thể xảy ra vì cũng giống như tư tưởng làm chủ tập thể đã có thể xuất hiện rất sớm trong bộ phận tiên phong của xã hội, ngay khi cơ sở kinh tế của tư tưởng đó là chế độ công hữu về tư liệu sản xuất chưa ra đời.

Tuy nhiên, bước vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện nay, trước mắt chúng ta vẫn là những con người Việt Nam, sản phẩm của một sự phát triển lịch sử lâu dài. Những con người đó với những phẩm chất tinh thần cao đẹp là cái vốn quý để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta. Tuy nhiên, so với mẫu người tương lai mà xã hội mới cần phải có thì, về một số phương diện, những con người ấy cũng hãy còn là một «đống vật liệu con người hư hỏng» như Lê-nin đã nói, vì đã trải qua hàng ngàn năm dưới chế độ bóc lột và lề thói làm ăn nhỏ lẻ, phân tán. Chúng ta phải xây dựng chủ nghĩa xã hội bằng những con người đó và có thể làm cho những «vật liệu con người» đó trở thành sức mạnh lay trời chuyển đất.

Nhưng muốn như thế, chúng ta phải xuất phát từ những nguyên tắc lao động cho phép có thể lôi cuốn tối đại đa số những con người ấy lên mặt trận lao động và qua lao động kiên trì làm chủ xã hội, làm chủ thiên nhiên, chiến thắng nghèo nàn và lạc hậu mà làm chủ bản thân mình. Những nguyên tắc đó là sự quá độ nối liền giữa thời kỳ lao động dưới sự thống trị của tư hữu và bóc lột, thời kỳ đó đã qua rồi, với thời kỳ lao động cộng sản chủ nghĩa, thời kỳ đó còn là một tương lai xa xôi chưa tới.

Lao động dưới chủ nghĩa xã hội là lao động đã thoát khỏi bóc lột, tính chất của nó đã biến đổi. Lao động trở thành một vinh dự và một hành động anh hùng. Tuy nhiên, lao động dưới chủ nghĩa xã hội, nhất là trong điều kiện nước ta hiện nay, còn đòi hỏi ở con người rất nhiều hy sinh và gian khổ. Do đó, lao động còn là một nghĩa vụ bắt buộc đối với mọi công dân đến tuổi lao động và có khả năng lao động và xã hội chúng ta còn phải thực hiện một cách nghiêm túc cái khẩu hiệu: « Làm theo năng lực, hưởng theo lao động; có sức lao động mà không làm thì không hưởng »[1]. Cái khẩu hiệu đó thật là vô sản, vì nó thể hiện tính chất bình đẳng trong lao động và hưởng thụ so với lao động dưới chế độ bóc lột cũ. Dĩ nhiên, khẩu hiệu đó cũng chứa đựng những sự hạn chế mà trong giai đoạn hiện nay, sự phát triển của lực lượng sản xuất xã hội chưa cho phép xóa bỏ được.

Từ bao nhiêu đời nay, đã hình thành nên trong những người lao động Việt Nam, bên cạnh những đức tính cần cù lao động, cái tư tưởng coi khinh lao động, nhất là lao động chân tay. Tư tưởng đó đã hình thành và ngày càng ăn sâu trong đầu óc người ta và cho đến tận ngày nay nó

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 23.

vẫn còn là một dinh lũy tương đối vững chắc, ít bị sứt mẻ nhất. Trong tình hình như vậy, trước mắt Đảng ta và nhà nước chuyên chính vô sản có một nhiệm vụ công tác tư tưởng hết sức nặng nề là phải cổ vũ và làm thức tỉnh trong quần chúng cái ý thức cho rằng chỉ có lao động trung thực, bền bỉ và dũng cảm mới mở được cho đất nước, dân tộc, cho bản thân một con đường thênh thang dẫn đến một cuộc sống tốt đẹp hơn về mọi mặt. Từ một nhận thức sâu sắc như vậy sẽ khơi động lên trong lòng quần chúng cái nhiệt tình lao động vĩ đại, lòng yêu lao động, ghét bỏ bóc lột ăn bám, ghét thói lười biếng gian dối, làm cho tâm hồn con người dần dần giũ sạch khỏi những vết nhơ của xã hội cũ, có thể tiếp thụ được những âm hưởng mới của bài ca lao động.

Bài ca lao động xã hội chủ nghĩa không phải chỉ có những giai điệu đẹp đẽ, trữ tình và hào hùng mà còn có và nhất thiết phải có những nét nhạc nghiêm trang và khắc khổ. Không nên thi vị hóa một chiều lao động! Cần phải làm cho mọi người thấy rõ điều này: lao động dưới chủ nghĩa xã hội còn là một việc khó nhọc, đòi hỏi ở con người sự cống hiến nhiều sức lực, mồ hôi và trí óc của mình và muốn có được những điều kiện lao động xứng đáng hơn với con người văn minh thì phải bắt đầu từ những công việc lao động có khi còn giản đơn và nặng nhọc.

Lao động dưới chủ nghĩa xã hội không những chỉ là một vinh dự mà còn là một nghĩa vụ. Nó chứa đựng trong bản thân tính chất cưỡng chế của xã hội đối với các cá nhân, đòi hỏi họ nếu có sức lao động thì phải lao động. Sự cưỡng chế này là của khối liên hiệp tự nguyện những người lao động được giải phóng để phát triển công cuộc lao động xây dựng đất nước chống lại những phần tử chây lười, thoái hóa mà xã hội cũ để lại.

Ta thấy sự ra đời của những tư tưởng và tình cảm lao động mới trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta không phải là không dữ dội trong tâm hồn con người. Về thực chất, xây dựng quan điểm và thái độ lao động mới cho người lao động chính là nâng cao ý chí chiến đấu của con người lao động trên một mặt trận mới. Việc tiếp nhận quan điểm và thái độ lao động đó đòi hỏi một nghị lực và ý chí của con người trong suy nghĩ và hành động của mình, kiên quyết đấu tranh để xóa bỏ những nếp nghĩ và thói quen lao động cũ, không một chút lơi lỏng và khoan nhượng với các thói hư tật xấu mà xã hội cũ để lại.

Lòng yêu lao động và lao động nhiệt tình trung thực là yêu cầu đầu tiên trong thái độ mới đối với lao động. Tuy nhiên, như vậy chưa đủ. Còn cần phải có một kỷ luật mới trong lao động nữa! Điều đó là sự cần thiết khách quan của mọi nước khi tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đối với nước ta, điều đó lại càng có một ý nghĩa cấp bách hàng đầu.

Trong nền sản xuất của nước ta hiện nay, tình trạng năng suất lao động không cao là do nhiều nguyên nhân, nhưng một trong những nguyên nhân đó, thậm chí là nguyên nhân chủ yếu chính là do kỷ luật lao động còn lỏng lẻo. Vì vậy, xây dựng một kỷ luật lao động mới, làm cho mỗi người lao động đều lao động một cách có kỷ luật là một yêu cầu bức thiết nhất hiện nay đối với chúng ta. Không làm chuyển biến được tình trạng kỷ luật lao động lỏng lẻo hiện nay, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta khó có thể tiến lên mạnh mẽ được.

Mỗi phương thức sản xuất đều có một kỷ luật lao động riêng biệt, phản ánh bản chất của nó, đồng thời phục vụ một cách đắc lực cho nó. Xã hội Việt Nam cũ đã từng biết đến kỷ luật lao động của chế độ phong kiến và kỷ luật lao động của chế độ tư bản chủ nghĩa và sự hỗn

hợp cả hai loại kỷ luật đó. Sau khi cách mạng Việt Nam đã lật đổ sự thống trị của chế độ thực dân phong kiến và nước Việt Nam bước vào con đường cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội thì tất cả những kỷ luật đó bị thủ tiêu hoàn toàn. Một kỷ luật lao động khác bắt đầu ra đời và thay thế cho hệ thống kỷ luật cũ, đó là kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa. Cái khó của chúng ta chính là ở chỗ kỷ luật cũ đã bị dập tan nhưng kỷ luật mới lại vẫn còn đang trong quá trình hình thành và chưa đủ mạnh để đóng được vai trò tổ chức lực lượng sản xuất của xã hội ta. Và chúng ta thấy càng thấm thía với cách đặt vấn đề của Lê-nin: «Sáng tạo ra một kỷ luật lao động mới, ra những hình thức mới về quan hệ xã hội giữa người với người, ra những hình thức và phương pháp mới về việc tham gia lao động, đấy là một sự nghiệp đòi hỏi phải mất nhiều năm, hằng mấy chục năm.

Đó là một trong những sự nghiệp cao quý nhất, phong phú nhất»[1].

Điều đó càng đúng với trường hợp nước ta, một nước từ sản xuất nhỏ đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Khi bước vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, một nước mà thế lực tiểu tư sản càng lớn thì việc thiết lập kỷ luật lao động xã hội chủ nghĩa càng là một sự nghiệp lâu dài và hết sức khó khăn gian khổ.

Bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước mắt chúng ta là cả một cái biển bao la những người sản xuất nhỏ với bản chất phân tán, tản mạn, vô chính phủ. Yếu tố tổ chức, kỷ luật, tập trung và thống nhất của giai cấp công nhân tuy đã xuất hiện nhưng hãy còn hết sức yếu ớt và chưa được dựa chắc trên một cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền sản xuất lớn. Bản thân giai cấp công

---

1. V.I. Lê-nin, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, q. 2, ph. 2, tr. 313 — 314.

nhân, người đại biểu cho kỷ luật lao động mới cũng đang trong quá trình phát triển. Nó liên tục mở rộng đội ngũ của mình, nhanh chóng hấp thụ vào trong lòng mình cả một khối người đông đảo mới hôm qua đây hãy còn chưa biết gì đến tổ chức và kỷ luật của nền sản xuất lớn.

Đồng chí Lê Duẩn đã viết: «Với bản chất phân tán, rời rạc, tự do tản mạn, tùy tiện, vô chính phủ, nền sản xuất nhỏ không để lại cho ta cái gì hay về mặt tổ chức, mà chỉ để lại những tập quán, những lề thói xấu về cách làm ăn trái ngược hẳn với yêu cầu tổ chức của một nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, từ sản xuất nhỏ tiến lên, trước mắt chúng ta không những có hai đường lối phát triển kinh tế — tư bản chủ nghĩa hay xã hội chủ nghĩa — mà còn có hai phương pháp tổ chức: thủ công nghiệp hay đại công nghiệp. Sai lầm về đường lối sẽ làm trệch phương hướng phát triển của cách mạng đi đến thủ tiêu nền chuyên chính vô sản. Nhưng nếu phạm sai lầm về tổ chức quản lý, nếu đưa những quan niệm và phương pháp của người sản xuất nhỏ vốn quen thuộc đối với chúng ta qua bao đời nay vào hoạt động tổ chức quản lý thì cũng không thể có chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa xã hội thật sự với một nền sản xuất lớn cơ giới hóa»[1].

Hiện nay, trong nền kinh tế nước ta, lề thói của sản xuất nhỏ và phương pháp tổ chức thủ công nghiệp in đậm dấu vết của chúng lên mọi mặt của quá trình lao động sản xuất và các quá trình quản lý của chúng ta, làm suy yếu kỷ luật lao động, kể cả lao động sản xuất trực tiếp cũng như lao động trong các cơ quan quản lý ở tất cả các cấp từ cơ sở cho đến toàn quốc.

Xây dựng được một kỷ luật như vậy ở nước ta không phải là một công việc dễ dàng. Đúng như Lê-nin đã từng

---

1. Lê Duẩn, *Cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam*. Tác phẩm chọn lọc, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1976, t.2, tr. 89 — 90.

nói «sức mạnh của thói quen ở hàng triệu người là sức mạnh ghê gớm nhất». So với những nước đã có một trình độ phát triển tư bản chủ nghĩa trước khi bước vào quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa, chúng ta gặp những khó khăn gấp đôi. Ở những nước đó, việc chuyển sang một kỷ luật lao động mới chủ yếu là việc xóa bỏ bản chất tư sản của kỷ luật lao động, trong khi chủ nghĩa xã hội có thể kế thừa cái cơ cấu tổ chức và kỷ luật lao động mà chủ nghĩa tư bản để lại như một tất yếu kỹ thuật của sản xuất lớn nói chung. Ở nước ta, vấn đề đặt ra có khác! Vấn đề đặt ra đối với chúng ta là hầu như phải xây dựng hoàn toàn từ đầu một kỷ luật lao động mới. Chúng ta không phải chỉ xây dựng nội dung xã hội chủ nghĩa của kỷ luật lao động mà còn phải xây dựng một kỷ luật lao động của sản xuất lớn đồng thời là xã hội chủ nghĩa. Khó khăn chủ yếu cũng chính là ở đấy!

Xây dựng chủ nghĩa xã hội trên một đất nước như nước ta, đất nước của một nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp là chủ yếu, lạc hậu, phân tán, lại trải qua một thời kỳ chiến tranh ác liệt và kéo dài đến như vậy thì chúng ta phải nhìn vấn đề xây dựng kỷ luật lao động mới một cách hoàn toàn khác với ở một nước đã có sự phát triển tư bản chủ nghĩa. Thực tiễn nước ta chứng tỏ rằng trong lĩnh vực đấu tranh để tăng cường kỷ luật lao động mới đang diễn ra một cuộc chiến đấu hết sức gay gắt giữa chủ nghĩa xã hội chống lại những thế lực tự phát tiểu tư sản, chống lại lề thói làm chủ cá thể, óc con buôn, hành động vô chính phủ, vô tổ chức, vô kỷ luật, v.v. Tương lai của chủ nghĩa xã hội và thắng lợi của chuyên chính vô sản ở nước ta, một phần quan trọng phụ thuộc vào kết quả cuộc đấu tranh trên mặt trận này. Chúng ta càng thấm thía khi đọc lại những lời dạy của Lê-nin: «Người ta chỉ còn biết có một việc là la lối lên, một khi người ta đã đi đến chỗ phát biểu rằng việc áp dụng kỷ luật lao

động là một bước thụt lùi. Tôi phải nói rằng tôi coi dây là một điều phản động chưa từng thấy, là một mối đe dọa hết sức lớn cho cách mạng... Dây là tầng lớp tri thức tiểu tư sản mất tinh giai cấp đã không hiểu rằng đối với chủ nghĩa xã hội thì khó khăn chủ yếu là ở chỗ đảm bảo kỷ luật lao động. Về vấn đề này, các nhà xã hội chủ nghĩa đã viết từ lâu..., họ hiểu rằng đối với cách mạng xã hội chủ nghĩa thì những khó khăn thực sự bắt đầu nảy sinh ra ở vấn đề ấy »[1].

Thái độ mới đối với khoa học và kỹ thuật.

Sự ra đời của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta nhanh hay chậm, mức độ hoàn thiện của nó nhiều hay ít phụ thuộc vào hiệu quả và chất lượng lao động của con người Việt Nam chúng ta. Trong bản chất của nó, cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi lao động phải ngày càng có kỹ thuật cao và đem lại năng suất lớn hơn, đồng thời cũng tạo ra những điều kiện thực tế cho việc mở rộng đôi cánh của lao động tự do và sáng tạo của con người.

Từ sản xuất nhỏ tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, mục tiêu của chúng ta trong vòng hai mươi năm tới là tiến từ lao động thủ công lên lao động bằng máy móc. Quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa sẽ dẫn tới sự biến đổi của quan hệ cơ cấu lao động theo hướng lao động kỹ thuật ngày càng tăng lên, còn lao động giản đơn ngày càng giảm đi một cách tương đối và tuyệt đối. Và chính sự biến đổi đó lại là nguyên nhân và là điều kiện không thể thiếu để nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa có thể

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1971, t. 27, tr. 377.

ra dời, bởi vì sản xuất lớn nhất thiết phải là một nền sản xuất có kỹ thuật hiện đại.

Sự phát triển của lao động có kỹ thuật, với năng suất caò tự nó đặt ra vấn đề phải dây mạnh việc xây dựng một nền khoa học Việt Nam tiên tiến và nhanh chóng dưa nền khoa học vào trong tầm tay của mọi người lao động phổ thông. Khoa học là một tiền đề không thể thiếu của kỹ thuật. Và trong thời đại cách mạng khoa học - kỹ thuật ngày nay, tiền đề đó ngày càng nổi lên hàng đầu so với các thế kỷ trước dây. Ở nước ta, muốn xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, muốn trang bị những phương tiện kỹ thuật mới cho lao động thì phải dầy mạnh sự phát triển của khoa học.

Xây dựng một thái độ mới đối với khoa học và kỹ thuật ở nước ta, một nước từ sản xuất nhỏ đi lên là một công việc không kém phần gian khổ so với việc xây dựng kỷ luật lao động mới. Nền sản xuất nhỏ, tình trạng lạc hậu về kinh tế và nhất là những di sản nặng nề của quá khứ trong đầu óc con người đang là những trở ngại cho sự phát triển của bản thân khoa học và kỹ thuật.

Công cuộc lao động để chinh phục tự nhiên đòi hỏi con người phải tìm hiểu bản thân giới tự nhiên. Từ ngàn xưa, ông cha chúng ta đã lao động trên mảnh đất này, đã để lại cho chúng ta những truyền thống tốt đẹp về lao động thì dĩ nhiên cũng phải để lại cho chúng ta những tri thức về tự nhiên và một nền kỹ thuật sản xuất phong phú và độc đáo. Tuy nhiên, phải nhận rằng những tri thức về tự nhiên mà ông cha ta để lại về đại thể còn dừng lại ở trình độ kinh nghiệm cảm tính.

Ở nước Việt Nam xưa kia đã có một số yếu tố lẽ ra có thể thúc dầy sự phát triển của khoa học và kỹ thuật. Thiên nhiên Việt Nam có những tính chất đáng nhẽ kích thích con người phát triển óc tìm tòi và sáng tạo. Như Mác nói : « Một thiên nhiên quá hào phóng thì nó « dắt

tay người ta đi như đất tay cho trẻ con tập đi »; nó ngăn cản con người phát triển bằng cách không làm cho sự phát triển của con người trở thành một tất yếu tự nhiên »[1]. Thiên nhiên nước ta không phải một thiên nhiên dễ dàng. Sự giàu có của nó không phải có sẵn mà đòi hỏi con người phải lao động và có kỹ thuật mới khai thác được sự giàu có đó. Vị trí địa lý của nước ta cũng rất thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế và văn hóa với nước ngoài. Nhiều thành tựu khoa học và kỹ thuật của các nước quanh ta đã có thể đến được nước ta một cách không khó lắm. Bản thân con người Việt Nam cũng không phải là kém thông minh và tài khéo léo.

Thế nhưng, mặc dù tất cả những điều kiện thuận lợi đó, trong nước Việt Nam cũ, khoa học tự nhiên và khoa học kỹ thuật chưa được phát triển đầy đủ. Điều đó do nhiều nguyên nhân nhưng chủ yếu là do sự kìm hãm của một chế độ xã hội cực kỳ lạc hậu, cái mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin gọi là phương thức sản xuất châu Á, của kiến trúc thượng tầng hết sức phản động, đặc biệt là của hệ tư tưởng Nho giáo. Chính những điều kiện này đã làm cho Việt Nam nói riêng và châu Á nói chung, về mặt phát triển của khoa học và kỹ thuật đã lạc hậu hẳn so với châu Âu. Trong phạm vi vấn đề đang nghiên cứu, chúng ta cần đi sâu vào tác động kìm hãm của Nho giáo đối với sự phát triển của khoa học và kỹ thuật của Việt Nam. Phân tích vấn đề này cũng là cần thiết để bàn về việc xây dựng quan điểm đối với lao động, đối với khoa học và kỹ thuật trong xã hội ta hiện nay vì chính những tàn dư tư tưởng đó vẫn đang còn gây trở ngại cho sự phát triển của khoa học và kỹ thuật ở nước ta hiện nay.

---

1. C.Mác, *Tư bản*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, q.1, t.2, tr. 267.

Từ nhiều thế kỷ, đặc biệt là từ thế kỷ XV trở đi, giai cấp phong kiến nước ta đã lấy Nho giáo làm vũ khí tinh thần để thực hiện sự thống trị giai cấp của mình. Đó là cái đạo thánh hiền để «tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ». Nhưng cái đạo thánh hiền ấy bàn đến cái gì và nó đã biến những kẻ sĩ, tức là tầng lớp trí thức trong xã hội thành những người như thế nào? Cái đạo ấy, do chỗ coi khinh công việc lao động sản xuất của con người nên cũng chẳng bận tâm gì đến việc tìm hiểu giới tự nhiên, nó chỉ quay vào tìm hiểu bản thân mình để rồi tùy tiện và chủ quan ước định ra một số khuôn phép xử sự gọi là đạo lý làm người. Nó chẳng bao giờ đề cập đến vấn đề tìm hiểu và nhận thức tự nhiên bằng thực nghiệm, thậm chí nó cũng không hề nghĩ rằng có thể có một con đường học tập và nghiên cứu như vậy nữa.

Đối với lĩnh vực trí tuệ con người, Nho giáo quy định một phương hướng tư duy duy nhất, ngoài phương hướng đó ra, mọi phương hướng khác đều là tà đạo. Về cơ bản, Nho giáo là hẹp hòi, bè phái. Vì vậy, trong tầng lớp trí thức mà Nho giáo quan niệm không có chỗ cho các nhà khoa học tự nhiên. Thỉnh thoảng có nhà nho nào do gần gũi với thực tế sản xuất và đời sống quần chúng mà đề cập đến những kiến thức về tự nhiên qua quan sát, ghi chép, tích lũy các sự kiện và hiện tượng thì điều đó chỉ được coi như là việc làm ngẫu nhiên, thứ yếu, không có ý nghĩa đối với những người trí giả.

Với một tính chất cực kỳ thủ cựu và ngu dân, Nho giáo chống lại mọi suy nghĩ mới mẻ, ngay cả khi suy nghĩ ấy vẫn nằm trong hệ tư tưởng chính thống. Nó nhồi vào óc người trí thức cái tâm lý tự ti cực đoan, cho rằng những giáo điều của các bậc đại thánh là những tột đỉnh của trí tuệ, là những chân lý cuối cùng không những không thể bác bỏ mà còn không thể thêm bớt gì nữa. Người ta chỉ có thể ra sức khổ công đọc sách, thuộc lòng

làu chữ nghĩa của thánh hiền, tụng niệm lại các giáo điều ở mọi nơi và vào mọi lúc mà thôi. Như vậy, Nho giáo đã quy định một cách hết sức nghiệt ngã và giả tạo cái giới hạn mà tư duy con người không thể vượt qua.

Về cơ bản, phương pháp luận Nho giáo là một phương pháp luận duy tâm và chủ quan, hoàn toàn ngược lại với yêu cầu của tư duy khoa học. Khổng tử đã vận dụng một cách chiết trung hai khái niệm: « mệnh trời » và « điều nhân ». Người quân tử phải làm hết bổn phận của mình và thuận theo mệnh trời. Các môn đồ Nho giáo chỉ chăm lo đến việc tu thân, rồi mang những giáo điều và công thức có sẵn ra áp đặt vào xã hội và con người. Họ tưởng rằng chỉ với những mong muốn tốt lành và việc truyền bá những nguyên tắc đạo đức muôn thuở thì xã hội và con người sẽ tốt đẹp lên. Họ chẳng bao giờ nghĩ đến việc tìm hiểu những quy luật phát triển khách quan của xã hội, tìm hiểu những nguyên động lực chân chính của lịch sử. Mỗi khi gặp thất bại và thường là thất bại, họ không hề tổng kết xem vì sao lại thất bại để rút ra những kết luận mới mẻ. Mỗi lần thất bại họ đổ cho mệnh trời. Và như vậy là hết, không phải suy nghĩ băn khoăn gì nữa. Người quân tử đã làm hết mình, nhưng trời không cho thành công thôi! « Không thành công cũng thành nhân »! Tư duy Nho giáo là một tư duy cực kỳ chủ quan và đã phát triển sự chủ quan đến mức gàn dở và ngu dại.

Phong cách tư duy Nho giáo mang nặng tính chất hời hợt và hình thức chủ nghĩa. Đứng trước sự vật và hiện tượng, người ta không bận tâm tìm hiểu xem bản chất nó là cái gì và vì sao lại như vậy mà chỉ tìm những chữ hay, lời đẹp để diễn đạt những cảm giác và ấn tượng chủ quan của con người đối với sự vật và hiện tượng. Chẳng phải là qua biết bao nhiêu thế hệ nhà nho, sự tài giỏi và uyên thâm của người trí thức được đánh giá ở tài thơ phú, ngâm vịnh, ở chỗ nhớ nhiều điển tích sử sách, ở câu thơ

bóng bẩy cầu kỳ, ở sự đối xứng của các câu chữ, ở tài ứng tác xuất khẩu thành chương, v.v. Quả thật những cái đó cũng là một tài năng, nhưng tri thức con người Việt Nam làm sao có thể tiến lên được chỉ với những tài năng đó!

Nho giáo không chỉ nhào nặn đầu óc của tầng lớp nho sĩ mà thôi, nó cũng xâm nhập vào đời sống tinh thần của xã hội và đã bắt gặp cái dòng tiêu cực trong truyền thống đó và tăng cường tính chất lạc hậu và bảo thủ của nó lên. Từ hàng ngàn năm, nền sản xuất nhỏ kéo dài cuộc sống phẳng lặng đơn điệu của nó sau các lũy tre làng với những kinh nghiệm và lề thói làm ăn ít đổi thay. Phương thức sản xuất thì trì trệ còn những phong tục tập quán thì bên cạnh những thuần phong mỹ tục cũng lại còn có không ít những cái bảo thủ. Chẳng phải là ngẫu nhiên mà các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác — Lê-nin đã nhiều lần nói đến những giấc ngủ hàng ngàn năm của các dân tộc phương Đông!

Nền sản xuất nhỏ, mặt tiêu cực của truyền thống công xã đã tạo ra trong người Việt Nam chúng ta trước đây một tâm lý cổ truyền thích cái gì yên ổn, chắc chắn, quen thuộc, ngại cái gì mới mẻ, đổi thay. Tất cả những cái mới mẻ thường bị coi là phiêu lưu và không nên làm. Cái tâm lý thích cái gì thiết thực, ghét những cái viển vông cao xa vốn là một cái hay nhưng nhiều khi lại có mặt trái của nó, có thể dẫn đến một thái độ thiển cận và hẹp hòi. Trong cái trạng thái tâm lý đó, tư duy của con người có thể rất thông minh và sắc sảo trong việc giải quyết những việc cấp thiết trước mắt lại thường bất lực trong tầm nhìn xa trông rộng, trong việc dự tính giải quyết những công việc lâu dài và rộng lớn. Rụt rè, bảo thủ, thiếu táo bạo trong suy nghĩ và hành động, đó là một nhược điểm quan trọng của họ.

Nền sản xuất nhỏ, sự trì trệ của phương thức sản xuất và sinh hoạt cùng với những ảnh hưởng của phương pháp tư tưởng Nho giáo cũng dề lại trong con người lao động những nhược diềm trong phong cách tư duy. Tư duy của con người ở dây một mặt thiếu sự trừu tượng hóa lý luận cần thiết dề có thề nhận thức sâu hơn bản chất sự vật, dề hành dộng chính xác hơn, mặt khác lại thiếu những thói quen cụ thề, chính xác của phương pháp thực nghiệm khoa học mà nền sản xuất hiện dại dòi hỏi người lao dộng phải có.

Tư duy con người không được phát triền theo hướng duy lý, khoa học, mà thường chỉ dừng lại ở những biều hiện cảm tính, mang nặng tính chất kinh nghiệm chủ nghĩa. Trong kho tàng trí tuệ dân gian, ta dã thấy ông cha ta muốn đi đến tìm những quan hệ nhân quả giữa các sự vật và hiện tượng, nhưng những quan hệ dó vẫn chỉ là những quan hệ bên ngoài. Một đám mây như thế nào thì nhất định sẽ có mưa to, sẽ có bão lớn, nhưng mưa, bão là thế nào và vì sao nó lại xảy ra thì người xưa không thề trả lời được, thậm chí vấn dề dó cũng không dược đặt ra nữa. Việc có những người Việt Nam xưa dã đặt ra những vấn dề băn khoăn như vậy là rất hiếm hoi và dồng thời rất dũng cảm. Ta hãy nghe Ngô Thì Nhậm suy luận : « Người đời chỉ căn cứ vào núi mà xem núi thì chỉ biết núi cao không với được, mà không biết trở lại tìm ra cái cớ sở dĩ núi làm sao mà cao. Người dời chỉ căn cứ vào nước mà xem nước thì chỉ biết nước sâu không thề lường được, mà không biết trở lại tìm ra cái cớ sở dĩ nước làm sao mà sâu. Đó là cái thói quen ký tụng từ chương, thật là một cái bệnh lớn của kẻ học giả vậy »[1].

---

1. *Ngô Thì Nhậm, con người và sự nghiệp*, Ty Văn hóa thông tin Hà Tay, 1974, tr. 183.

Trí tuệ Việt Nam xưa, trong khi phản ánh cái thực tại đời sống của mình, thường nặng về sử dụng những hình ảnh có tính chất ước lệ và tượng trưng mà rất nhẹ về mặt ghi chép, mô tả lại cụ thể, chính xác các sự vật và hiện tượng, sự biến dổi của chúng trong không gian và thời gian. Trái lại, ở những nước công nghiệp và thương nghiệp mà thói quen làm việc một cách khoa học đã phát triển, người ta ghi chép lại công việc và những điều quan sát một cách tỉ mỉ, chính xác. Đó cũng lại là một nhược điểm của phong cách tư duy Việt Nam và nhược điểm đó còn tồn tại đến tận ngày nay.

Như vậy là Nho giáo, trong khi đi vào quần chúng để trở thành hệ tư tưởng thống trị của xã hội Việt Nam xưa đã bắt gặp cái xu hướng tiêu cực bảo thủ, kinh nghiệm chủ nghĩa của nền sản xuất nhỏ và đã tạo nên một sức ỳ. Sức ỳ đó đã đóng vai trò kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất xưa kia và đến ngày nay, trong quá trình tiến lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, phải chăng đó vẫn là một trong những trở ngại quan trọng mà cách mạng tư tưởng và văn hóa xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải vượt qua?

Con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải là một con người có quan điểm và thái độ lao động mới mà một nội dung không thể thiếu dược của quan điểm và thái độ lao động đó là lòng yêu khoa học, ý chí chiến đấu tiến công vào lĩnh vực khoa học và kỹ thuật và làm chủ lĩnh vực đó phục vụ cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội của mình. Trong bản chất của nó, lao động và khoa học phải gắn chặt với nhau như anh em sinh đôi vậy. Do có chế độ người bóc lột người chúng mới bị tách rời ra một cách giả tạo. Lao động chân tay tách khỏi lao động trí óc, khoa học trở nên một lĩnh vực hoạt động riêng biệt của một số người đặc biệt gắn bó với những giai cấp có của, còn quần chúng lao động thì bị làm cho ngu muội tối tăm đi.

Chủ nghĩa xã hội đã xóa bỏ sự tách rời và đối kháng giữa lao động và khoa học, trả lại cho chúng mối quan hệ tự nhiên vốn có của chúng.

Lòng yêu khoa học, tinh thần ham mê vươn tới tri tuệ, giành lấy kiến thức khoa học và văn hóa vì nhu cầu phát triển tinh thần của người lao động đồng thời vì nhu cầu nâng cao năng suất lao động trong công cuộc xây dựng xã hội mới, đó là một biểu hiện hết sức mới mẻ của sự giác ngộ lập trường giai cấp công nhân trong giai đoạn mới, là nội dung không thể thiếu của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Mới mẻ bởi vì lần đầu tiên trong cuộc đấu tranh để triệt để giải phóng xã hội, lợi ích cơ bản của giai cấp công nhân đòi hỏi giai cấp đó phải gắn liền với khoa học như một tất yếu tự bản thân. Ngày nay, sự dốt nát, trình độ kém cỏi về kiến thức và văn hóa, thái độ nghi kỵ và những định kiến sai lầm đối với kiến thức và văn hóa không còn là những cái có thể để tồn tại được nữa.

Muốn làm cho lao động ở nước ta ngày càng có kỹ thuật, có năng suất cao hơn, muốn làm cho khoa học ngày càng xâm nhập mạnh mẽ vào quần chúng và trở thành một lực lượng to lớn trong tay quần chúng thì cần phải tạo ra ở nước ta một môi trường xã hội thích hợp cho nó phát triển. Cũng giống như con chim muốn bay cao thì phải cần đến không khí để nâng đôi cánh nó lên, khoa học, kỹ thuật và năng suất lao động muốn phát triển, muốn bay bổng, bay nhanh để phục vụ đắc lực cho việc thực hiện những mục tiêu vĩ đại của chủ nghĩa xã hội cũng cần phải có một không khí xã hội thích hợp. Không khí đó trước hết phải là một không khí của sự sáng tạo và đổi mới không ngừng.

Về bản chất, khoa học là cách mạng, nó không thể dung hợp với sự ngừng trệ. Thế nhưng trong thực tế cuộc sống hiện nay, chúng ta thấy không khí trì trệ và thủ cựu

dang còn khá phổ biến và dang có một tác dụng khá tiêu cực, kìm hãm không ít sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và kỹ thuật, của năng suất lao động trên đất nước ta. « Trong cuộc sống của một tập thể không thể nào để cho có sự dình trệ được... Khoa biện chứng tuyệt diệu và hấp dẫn biết bao! Một tập thể cần lao tự do lập ra không phải là để cứ giẫm chân tại chỗ... Những hình thức tồn tại của cái tập thể tự do của loài người là sự chuyển động, hình thức tiêu diệt nó là sự dình trệ »[1].

Dân tộc chúng ta ngày nay là một dân tộc tiên tiến trên thế giới, một dân tộc đi đầu trong cuộc đấu tranh cho độc lập tự do, cho tiến bộ xã hội và phẩm giá con người. Tuy nhiên, về một phương diện nào đấy, chúng ta vẫn còn tiếp tục cuộc sống nông nghiệp lạc hậu, từ từ và chậm rãi xưa kia của mình.

Nền sản xuất công - nông nghiệp lớn và hiện đại trên đất nước ta đòi hỏi dân tộc ta phải trở thành một dân tộc có những tâm lý mới: khẩn trương, hoạt bát, đầu óc luôn luôn tìm tòi cái mới và cải tiến không ngừng, tinh thần lãng mạn cách mạng phải gắn chặt với đầu óc thực tiễn và khoa học. Táo bạo trong suy nghĩ và tỉnh táo, thực tế trong hành động, nắm vững khoa học và kỹ thuật, đó là những phẩm chất lao động cần thiết cho người Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Một quân đội của những người lao động xã hội chủ nghĩa.

Quân đội nhân dân chúng ta bao giờ cũng là con em của nhân dân lao động Việt Nam dưới sự lãnh đạo và giáo dục của Đảng, mang bản chất của giai cấp công nhân.

---

1. Ma-ca-ren-cô, *Bài ca sư phạm*, Nhà xuất bản Văn hóa, Hà Nội, 1962, t. 2, tr. 240.

Tuy nhiên, trải qua quá trình phát triển của cách mạng và sự biến đổi xã hội sâu sắc trên đất nước ta, nội dung lịch sử xã hội của một quân đội con em của nhân dân lao động cũng phát triển và biến đổi theo, ngày càng cao hơn. Cùng với sự phát triển và ngày càng hoàn thiện của chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta, cùng với sự ra đời ngày càng đông đảo đội ngũ những người lao động Việt Nam kiểu mới, thì trong thành phần xã hội của quân đội ta cũng ngày càng xuất hiện đông đảo hơn những cán bộ và chiến sĩ con em của những người lao động kiểu mới đó.

Quân đội nhân dân chúng ta sẽ ngày càng trở thành một quân đội con em của những người lao động kiểu mới và điều đó có một ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc xây dựng quân đội ta về chính trị.

Bản chất quân đội ta là bản chất giai cấp công nhân và nội dung cụ thể của bản chất đó trong giai đoạn cách mạng hiện nay phải phát triển cao hơn giai đoạn cách mạng trước. Ngày nay, quân đội ta phải trở thành một quân đội của chế độ xã hội chủ nghĩa, tiêu biểu cho một nhà nước xã hội chủ nghĩa. Việc quân đội ta ngày càng là quân đội con em của những người lao động mới xã hội chủ nghĩa sẽ là một yếu tố rất mới và rất thuận lợi góp vào việc phát triển và nâng cao không ngừng bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta.

Nhiệm vụ chủ yếu của quân đội ta là nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, là sẵn sàng chiến đấu cao độ, là chiến đấu kiên cường, dũng cảm trong chiến tranh khi quân thù dụng đến bờ cõi. Việc quân đội ta trở thành một quân đội xã hội chủ nghĩa, có những cán bộ và chiến sĩ con em của những người lao động xã hội chủ nghĩa, lại sống trong một môi trường xã hội mà thái độ mới đối với lao động đã hình thành phổ biến sẽ là những điều kiện khách quan rất thuận lợi cho việc hoàn thành thắng lợi những nhiệm vụ trên đây.

Để thực hiện những nhiệm vụ nặng nề mà Đảng và nhân dân giao cho, quân đội ta phải rất coi trọng việc giáo dục chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa một cách sâu sắc và có hệ thống cho mọi cán bộ và chiến sĩ. Tuy nhiên đi song song với giáo dục về chủ nghĩa yêu nước, rất cần phải giáo dục về lao động xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa trong quân đội. Hai nội dung giáo dục đó không đối lập với nhau mà gắn bó khăng khít với nhau và bổ sung cho nhau. Nâng cao quan điểm và thái độ lao động mới cho cán bộ và chiến sĩ là nội dung không thể thiếu được để nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa nói chung và trình độ yêu nước nói riêng của họ trong giai đoạn cách mạng hiện nay. Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, tình yêu lao động thống nhất làm một với tình yêu Tổ quốc.

Lòng yêu lao động chân chính và đẹp đẽ sẽ dẫn đến ý thức quý trọng và giữ gìn thành quả lao động chung của xã hội, nghĩa là giữ gìn những thành tựu văn hóa vật chất và tinh thần của đất nước. Chính cái tình cảm này sẽ trực tiếp dẫn đến ý thức bảo vệ Tổ quốc một cách sâu sắc, bởi vì trong khái niệm Tổ quốc đã có sức nặng của những giá trị vật chất và tinh thần mà lao động của hàng triệu con người tạo nên. Chính cái tình cảm đó cũng sẽ dẫn đến lòng căm thù cao độ bọn xâm lược, bất kể là bọn xâm lược nào, nếu chúng xâm phạm đến đất nước ta.

Trong chiến tranh, lòng căm thù là một sức mạnh tinh thần to lớn, là một động lực trực tiếp của ý chí chiến đấu. Lòng căm thù chân chính trong sự phát triển biện chứng của nó lại bắt nguồn từ cái đối lập với nó, từ tình yêu cuộc sống, từ tình yêu sự nghiệp lao động của xã hội mới. Tình yêu ấy càng rộng lớn và sâu sắc chừng nào thì lòng căm thù càng cao chừng ấy. Đó là hai tình cảm phát triển tỷ lệ thuận với nhau.

Sự xuất hiện của những người lao động kiểu mới không những chỉ tạo ra những điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng bản chất giai cấp công nhân của quân đội ta, nâng cao lòng yêu nước, ý chí chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, nó còn làm cho quá trình chính quy hóa và hiện đại hóa quân đội ta trở nên thuận lợi hơn.

Bước vào giai đoạn cách mạng mới, chúng ta phải dầy mạnh quá trình chính quy hóa quân đội ta, đặc biệt là xây dựng một kỷ luật chính quy. Về một phương diện nào đấy, nền sản xuất lớn cũng là một nền sản xuất chính quy. Tính tất yếu kỹ thuật bên trong của nó đòi hỏi nó phải được tổ chức và quản lý một cách tập trung thống nhất, đòi hỏi những người lao động cũng phải có kỷ luật lao động hết sức cao, phải có một tác phong lao động khẩn trương, chính xác, tỉ mỉ và cụ thể. Nền sản xuất lớn không thể dung dưỡng thói tùy tiện, lề mề, chậm chạp, qua loa, đại khái. Chính đặc điểm này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc chính quy hóa quân đội ta, làm cho cán bộ và chiến sĩ quân đội ta rèn luyện kỷ luật chính quy một cách thuận lợi hơn.

Một quân đội hiện đại đòi hỏi các cán bộ và chiến sĩ phải có một trình độ văn hóa và kiến thức khoa học, kỹ thuật phát triển tương đối cao. Cùng với sự phát triển của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, của phân công lao động xã hội, chuyên môn hóa và hợp tác hóa, của cơ sở vật chất-kỹ thuật hiện đại, lao động có kỹ thuật cao trong xã hội sẽ ngày càng tăng lên so với lao động giản đơn và có kỹ thuật thấp. Điều đó sẽ tạo ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc xây dựng một quân đội hiện đại gồm nhiều binh chủng kỹ thuật phức tạp. Xã hội sẽ cung cấp cho quân đội những quân nhân có những kiến thức và khả năng kỹ thuật cao hơn và về đại thể phù hợp với yêu cầu của ngành nghề kỹ thuật quân sự.

Như vậy là trong quá trình phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta, sự xuất hiện con người xã hội chủ nghĩa Việt Nam với những quan điểm, thái độ và kỹ năng lao động mới mẻ sẽ tác động một cách toàn diện đến quá trình xây dựng quân đội ta, cả về mặt xây dựng chính trị, xây dựng bản chất giai cấp, xây dựng tinh thần xả thân chiến đấu bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa cũng như xây dựng sức mạnh của tổ chức và trang bị, xây dựng chiến thuật và kỹ thuật chiến đấu của quân đội.

Quân đội ta không chỉ tiếp nhận ảnh hưởng tốt đẹp của một môi trường xã hội chủ nghĩa mà còn tác động trở lại môi trường đó. Bằng hoạt động của bản thân mình với tính chất một tổ chức quân sự của nhà nước xã hội chủ nghĩa, quân đội góp phần thúc đẩy sự ra đời nhanh chóng của những con người lao động Việt Nam mới với những quan điểm và thái độ hoàn toàn mới đối với lao động, đối với khoa học và kỹ thuật.

Đảng ta đã khẳng định quân đội ta là một trường học lớn của thanh niên. Quân đội ta phải là một trường học về nhiều mặt, kể cả trường học về lao động kiểu mới cho thanh niên. Hiện nay, bên cạnh nhiệm vụ chiến đấu, sẵn sàng chiến đấu là nhiệm vụ chủ yếu và hàng đầu, quân đội ta còn có nhiệm vụ xây dựng kinh tế. Lao động sản xuất ra của cải xã hội là một trong những hoạt động không thể coi nhẹ của quân đội ta. Do đặc điểm và một số ưu thế của tổ chức quân sự, hoạt động lao động của quân đội ta là một trường học rất tốt cho thanh niên về thái độ yêu mến và hăng say lao động, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật với năng suất cao.

Hơn nữa, không phải chỉ hoạt động lao động sản xuất mới là trường học lao động đối với thanh niên. Ngay cả trong những hoạt động mà chúng ta gọi là « thuần túy quân sự », chuẩn bị sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu, huấn

luyện, v.v. người chiến sĩ cũng vẫn tiếp nhận được những tư tưởng, tình cảm và thói quen thúc dầy quá trình hình thành những phẩm chất tốt đẹp của người lao động kiểu mới sau này. Những hoạt động đó tuy không sản xuất ra của cải vật chất cho xã hội nhưng vẫn là một hình thức của lao động xã hội chủ nghĩa, một loại lao động cần thiết cho xã hội. Trong xây dựng và chiến đấu, người quân nhân phải bỏ ra biết bao nhiêu công sức, đổ nhiều mồ hôi và cả xương máu để đạt tới cái kết quả là nâng cao sức mạnh chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Những hoạt động đó không cho phép con người lười biếng, cẩu thả, vô trách nhiệm và đòi hỏi người quân nhân phải rèn luyện ý thức và thói quen kỷ luật sắt, cũng như nâng cao kiến thức và khả năng vận dụng tổ chức, vận dụng kỹ thuật của mình.

Như vậy là cùng với chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, thái độ mới đối với lao động: lao động tự giác cao, và đầy đủ nhiệt tình cách mạng, trung thực, thật thà quý trọng và bảo vệ của công, lao động có kỷ luật, có kỹ thuật, có sáng tạo và đạt năng suất cao là những phẩm chất tinh thần không thể thiếu được của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Thoạt nhìn qua, người ta dễ có cảm tưởng là hai phẩm chất đó đóng vai trò động lực tinh thần trên hai lĩnh vực khác nhau: chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực chiến đấu bảo vệ Tổ quốc, còn quan điểm lao động xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực sản xuất, xây dựng. Nhưng nhìn kỹ hơn, đi sâu vào thực chất nội dung, chúng ta thấy cả hai phẩm chất đó cùng với tinh thần làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa đều bổ sung và làm điều kiện cho nhau để trở thành một động lực tinh thần chung của con người Việt Nam ngày nay trên cả mặt trận xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chương năm

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa không những chỉ là sự thống nhất giữa lòng yêu nước với lòng yêu chế độ xã hội chủ nghĩa mà còn là sự thống nhất giữa lòng yêu Tổ quốc xã hội chủ nghĩa với tinh thần quốc tế vô sản, tình đoàn kết quốc tế và sự giúp đỡ đầy tình anh em giữa những người đồng chí cùng giai cấp để giải phóng toàn bộ nhân loại cần lao khỏi ách áp bức bóc lột của chủ nghĩa tư bản, xây dựng một xã hội mới văn minh, hạnh phúc, không có người bóc lột người. Tinh thần quốc tế vô sản trở thành một yêu cầu có tính chất bắt buộc, một nội dung không thể thiếu được của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tính tất yếu đó bắt nguồn từ bản chất giai cấp của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, từ bản chất của cái chế độ kinh tế - xã hội đã làm nảy sinh ra chủ nghĩa yêu nước đó.

Chủ nghĩa yêu nước gắn liền làm một với chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa và chủ nghĩa quốc tế vô sản tuy là hai phạm trù khác nhau nhưng chỉ

là hai mặt của cùng một vấn đề, vấn đề lập trường của giai cấp công nhân giác ngộ, tức lập trường của chủ nghĩa Mác – Lê-nin trong việc giải quyết những mối quan hệ giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế trong quá trình cuộc cách mạng vô sản diễn ra trong phạm vi từng quốc gia dân tộc cũng như trên phạm vi toàn thế giới. Trên thực tế, người ta không thể đề cập đến chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa mà lại không đề cập đến nội dung của chủ nghĩa quốc tế vô sản cũng như không thể đề cập đến chủ nghĩa quốc tế vô sản mà lại không xét đến những nguyên tắc của chủ nghĩa đó trong việc giải quyết những vấn đề của cuộc đấu tranh yêu nước, của cuộc đấu tranh để giải phóng hoàn toàn các dân tộc, của mối quan hệ giữa các quốc gia dân tộc.

Không phải đợi đến khi xuất hiện chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa, nghĩa là khi công cuộc xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa đã thực sự được đặt ra trong chương trình nghị sự của cách mạng thì tinh thần quốc tế vô sản mới trở thành một nội dung tất yếu của chủ nghĩa yêu nước đó. Ngay từ khi giai cấp công nhân thông qua chính đảng Mác — Lê-nin của mình lãnh đạo phong trào dân tộc, đấu tranh cho sự nghiệp giải phóng dân tộc thì chủ nghĩa yêu nước trong phong trào đó đã trở thành một chủ nghĩa yêu nước chân chính, một chủ nghĩa yêu nước tách khỏi hệ tư tưởng dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản, một chủ nghĩa yêu nước kết hợp nhuần nhuyễn với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Vấn đề là ở chỗ trong hai giai đoạn cách mạng khác nhau, khi giai cấp công nhân chưa giành được chính quyền và khi đã giành được chính quyền, nội dung cụ thể của sự kết hợp chủ nghĩa yêu nước với chủ nghĩa quốc tế có sự phát triển và biểu hiện khác nhau mà thôi.

Giai cấp công nhân là một lực lượng quốc tế và phong trào công nhân là một phong trào có tính chất quốc tế.

Đó là một đặc trưng mà chỉ riêng phong trào công nhân mới có và chủ nghĩa quốc tế chỉ có thể là sản phẩm của riêng thời đại cách mạng vô sản mà thôi. Tuy nhiên, phong trào công nhân trước hết lại diễn ra trong từng quốc gia dân tộc và lợi ích của giai cấp công nhân lại cũng gắn bó với lợi ích của những người lao động trong dân tộc mình. Do đó, giai cấp công nhân không thể thờ ơ với vận mệnh dân tộc mình, không thể thờ ơ với phong trào dân tộc. Vả chăng cuộc cách mạng của giai cấp công nhân tuy có tính chất thế giới nhưng thắng lợi của cuộc cách mạng đó lại diễn ra trải qua thắng lợi của cuộc cách mạng của giai cấp công nhân trong từng quốc gia dân tộc. Ngay từ giữa thế kỷ XIX, Mác và Ăng-ghen đã viết: « Vì giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy sự thống trị chính trị, phải vươn lên địa vị một giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc, cho nên do đấy họ vẫn còn có tính chất dân tộc, tuy hoàn toàn không phải hiểu theo cái nghĩa như giai cấp tư sản hiểu »[1].

Bước sang thế kỷ XX, trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, khi ách áp bức của giai cấp tư sản đối với vô sản đồng thời là ách áp bức của dân tộc này đối với dân tộc khác thì vấn đề dân tộc trở thành một vấn đề cực kỳ quan trọng trong cuộc cách mạng vô sản thế giới. Thời đại mới đòi hỏi giai cấp vô sản phải giương cao ngọn cờ dân tộc và trở thành lực lượng lãnh đạo trong phong trào giải phóng dân tộc.

Trong thời đại mới, cuộc đấu tranh để giải phóng giai cấp công nhân trong phạm vi từng dân tộc cũng như trên phạm vi toàn thế giới không thể không bao gồm trong nội dung của nó cuộc đấu tranh để giải phóng dân tộc. Sự thống nhất giữa yêu cầu giải phóng giai cấp và giải

---

1. C. Mác và Ph. Ăng-ghen, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, t. 1, tr. 48.

phóng dân tộc là hết sức cấp bách không những đối với những người cộng sản ở những dân tộc bị áp bức, dân tộc thuộc địa, mà còn đối với những người cộng sản ở các dân tộc đi áp bức, dân tộc chính quốc và họ phải giải quyết sự thống nhất của các lợi ích giai cấp và dân tộc trên một lập trường chung, lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản, dĩ nhiên với những yêu cầu cụ thể khác nhau.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi những người cộng sản ở các dân tộc đi áp bức phải ủng hộ kiên quyết và mạnh mẽ các phong trào giải phóng dân tộc thuộc địa, phải dứt khoát thừa nhận quyền dân tộc tự quyết của các dân tộc bị áp bức, kể cả quyền tự do ly khai khỏi chính quốc, nếu không thì sự tuyên bố về quyền bình đẳng giữa các dân tộc, về sự đoàn kết quốc tế của giai cấp vô sản trong thực tế chỉ là lời nói suông. Mặt khác, chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi những người cộng sản ở các dân tộc bị áp bức phải biết phân rõ bạn thù, phải thực hiện được sự liên minh giữa giai cấp vô sản và nhân dân lao động nước mình với giai cấp vô sản và nhân dân lao động chính quốc để chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản, một mặt, đấu tranh chống việc phủ nhận mối quan hệ khăng khít giữa cách mạng giải phóng dân tộc và cách mạng vô sản, chống xu hướng đánh giá thấp cách mạng ở thuộc địa đối với cách mạng ở chính quốc, chống những thành kiến chủng tộc và tư tưởng sô-vanh trong những người vô sản chính quốc; mặt khác nó cũng đấu tranh khắc phục những định kiến dân tộc hẹp hòi, đầu óc bài ngoại, sự căm thù mù quáng mất phương hướng trong những người vô sản và nhân dân lao động ở các nước thuộc địa.

Sau khi giai cấp vô sản giành được chính quyền, bước vào quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và nhất là khi đã xuất hiện một hệ thống những quốc gia xã hội chủ

nghĩa, những yêu cầu của một lập trường quốc tế vô sản nghiêm chỉnh trong những người cộng sản và trong nhân dân lao động đông đảo lúc này, càng trở nên cấp bách hơn và bản thân nội dung yêu cầu cụ thể của lập trường đó cũng có sự phát triển mới, phong phú hơn. Mặt khác, cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản sẽ trở nên gay gắt, quyết liệt hơn. Trào lưu tư tưởng thù địch đó lúc này cũng diễn biến phức tạp và trở nên nguy hiểm hơn, nhất là khi nó đã được giai cấp tư sản quốc tế ra sức sử dụng như một vũ khí tư tưởng lợi hại để chống lại chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Sau khi đã giành được chính quyền, giai cấp công nhân phải cùng với toàn thể nhân dận lao động ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình và bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mình. Mặt khác, giai cấp công nhân ở nước cách mạng đã thắng lợi phải ra sức giúp đỡ cách mạng của các dân tộc khác, phải thúc dầy sự phát triển của cách mạng thế giới. Cả hai đòi hỏi đó đều khách quan và cấp bách đối với một cuộc cách mạng vô sản thắng lợi. Giải quyết một cách đúng đắn, đáp ứng được cả hai yêu cầu đó thì cách mạng sẽ tiến lên, cách mạng trong phạm vi từng nước cũng như trên phạm vi toàn thế giới.

Một khi giành được chính quyền, giai cấp vô sản ở nước đó đã bắt đầu có một tổ quốc thực sự của mình, một tổ quốc với nội dung hoàn chỉnh, một tổ quốc xã hội chủ nghĩa và đó là một bước tiến cách mạng. Với sự xuất hiện của một tổ quốc xã hội chủ nghĩa, quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền biểu hiện ra như một quá trình xây dựng trên quy mô rộng lớn một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa và giai cấp vô sản cầm quyền càng có trách nhiệm nặng nề hơn đối với vận mệnh của quốc gia

dân tộc, đối với cuộc sống của mọi tầng lớp nhân dân trong dân tộc mình.

Do nội dung xã hội chủ nghĩa của nó, quá trình xây dựng trên đây bao giờ cũng vừa có ý nghĩa quốc gia đồng thời lại có ý nghĩa quốc tế. Bản thân việc ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội của giai cấp công nhân trên đất nước đã được giải phóng của mình bao giờ cũng có nghĩa là một sự tăng cường lực lượng của phong trào cách mạng vô sản thế giới. Bản thân việc đó đã là một sự giúp đỡ quốc tế đối với sự nghiệp giải phóng của giai cấp công nhân chống ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc. Chính điều này đặt ra một yêu cầu có tính chất nguyên tắc về thái độ của các đảng cộng sản chưa giành được chính quyền đối với các đảng cộng sản đã giành được chính quyền. Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi giai cấp vô sản chưa giành được chính quyền ở tất cả các nước phải có ý thức ủng hộ bằng mọi cách công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, ra sức bảo vệ về mọi mặt các nước xã hội chủ nghĩa, tham gia đập tan có hiệu quả mọi cuộc phản kích điên cuồng của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động thế giới vào các nước xã hội chủ nghĩa. Mọi suy nghĩ và hành động trái với yêu cầu trên đây đều là trái với lập trường quốc tế vô sản và đều có hại cho phong trào chung.

Đó là một mặt của vấn đề. Tuy nhiên, chủ nghĩa quốc tế vô sản lại đặt ra yêu cầu khác đối với giai cấp vô sản ở những nước mà cách mạng đã thắng lợi. Giai cấp vô sản cầm quyền không thể vin vào ý nghĩa và tác dụng quốc tế của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình để bào chữa cho hành động chỉ biết thu vén một cách ích kỷ cho lợi ích của dân tộc mình. Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi những người cộng sản cầm quyền trong khi chăm lo công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước mình phải đồng thời chăm lo đến

lợi ích chung của phong trào, phải thực sự giúp đỡ các dân tộc khác, phải biết kết hợp chặt chẽ lợi ích quốc gia và quốc tế. Lê-nin đã từng chỉ ra: «Chủ nghĩa dân tộc tiểu tư sản bó hẹp chủ nghĩa quốc tế vào chỗ chỉ thừa nhận quyền bình đẳng giữa các dân tộc mà thôi (đây là chưa nói sự thừa nhận ấy chỉ có tính chất thuần túy nói suông), và để y nguyên không đả động gì đến tinh thần ích kỷ dân tộc, còn chủ nghĩa quốc tế vô sản thì đòi: 1) Lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong một nước phải phục tùng lợi ích đấu tranh của giai cấp vô sản trong phạm vi quốc tế; 2) Các dân tộc đang chiến thắng giai cấp tư sản, phải có khả năng và tự nguyện chịu đựng những hy sinh rất lớn của dân tộc mình để lật đổ tư bản quốc tế»[1].

Sau khi giai cấp vô sản đã giành được chính quyền trong một nước thì ngay lập tức thắng lợi đó đã trở thành thắng lợi chung của toàn bộ phong trào cách mạng vô sản thế giới, trở thành tiền đề vật chất và tinh thần mới cho sự phát triển của cách mạng ở các nước khác.

Trong bản chất của nó, phong trào giải phóng giai cấp công nhân là có tính quốc tế và mỗi phong trào công nhân ở từng nước chỉ là một phân đội trong đạo quân thế giới của giai cấp công nhân. Vì vậy, phong trào công nhân của bất cứ nước nào đều có nghĩa vụ quốc tế của mình, đều có trách nhiệm thực hiện một nhiệm vụ chung theo một sự phân công quốc tế, nghĩa vụ đó càng nặng nề đối với một phong trào đã thắng lợi, đã giành được chính quyền. Tùy theo tầm quan trọng và vị trí chiến lược của từng nước mà tác động ảnh hưởng, sự đóng góp của nước này hay nước khác sau khi giành được chính quyền đối với cách mạng thế giới có thể lớn nhỏ khác

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, t. 31, tr. 180.

nhau, nhưng ở tất cả các nước đó, không trừ một nước nào, đều xuất hiện những nghĩa vụ quốc tế nhất định. Chấp hành một cách nghiêm túc và tự giác những nghĩa vụ quốc tế đó là một yêu cầu hết sức mới mẻ về chủ nghĩa quốc tế vô sản đối với đảng cộng sản cầm quyền cũng như nhân dân lao động làm chủ của nước đó.

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải coi trọng và kết hợp làm một cả hai nghĩa vụ đối với dân tộc và nghĩa vụ đối với quốc tế. Lê-nin viết: «Chỉ có một chủ nghĩa quốc tế thực sự, duy nhất và độc nhất là: làm việc quên mình cho sự phát triển của phong trào cách mạng và của cuộc đấu tranh cách mạng ở trong nước mình, ủng hộ bằng sự tuyên truyền, bằng sự đồng tình, bằng một sự giúp đỡ vật chất cũng cuộc đấu tranh ấy, cũng đường lối ấy, và chỉ đường lối ấy mà thôi, trong tất cả các nước không trừ một nước nào»[1].

Chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi những nước mà cách mạng đã thắng lợi phải làm hết sức mình để giúp đỡ thúc đẩy cách mạng ở các nước khác, còn hình thức, quy mô của sự giúp đỡ đó, giúp đỡ về tinh thần hay giúp đỡ về của cải vật chất hay giúp đỡ cả bằng xương máu của con em mình, điều đó là tùy ở những điều kiện lịch sử cụ thể, ở bối cảnh cách mạng của các nước, tùy ở khả năng của nước mà cách mạng đã thắng lợi cũng như tùy ở những nhu cầu phát triển bên trong của cách mạng các nước được giúp đỡ, tùy ở khả năng tiếp nhận sự giúp đỡ của các nước đó. Chủ nghĩa quốc tế vô sản hoàn toàn xa lạ với thuyết «xuất khẩu cách mạng», với chủ nghĩa phiêu lưu tả khuynh, tuy nhiên, chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải thực hiện một cách triệt để yêu cầu sau đây của Lê-nin: «Làm hết cả những cái có thể thực hiện được trong một

---

1. V.I. Lê-nin, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1959, q. 2, ph. 1, tr. 36.

nước duy nhất để phát triển, ủng hộ, thức tỉnh cách mạng *trong tất cả các nước*»[1] «bằng cách lôi cuốn những giai cấp bị áp bức ở các nước khác theo mình, bằng cách thúc đẩy họ nổi dậy chống bọn tư bản, bằng cách sử dụng khi cần, ngay cả lực lượng quân sự, để chống lại các giai cấp bóc lột và Nhà nước của chúng»[2].

Sự giúp đỡ quốc tế đó xét về một phương diện là những sự hy sinh của giai cấp vô sản những nước đã giành được chính quyền để phục vụ lợi ích của phong trào quốc tế, nhưng xét về một phương diện khác lại cũng không thể nói được rằng đó là một sự hy sinh. Trong khi giúp đỡ cho phong trào cách mạng các nước khác, mở rộng cách mạng ra các nước khác, giai cấp vô sản của nước đã có chính quyền đồng thời cũng tăng cường sự vững chắc của thắng lợi cách mạng ở nước mình. Sự giúp đỡ bạn bè đó đồng thời cũng là làm cho bản thân mình. Điều đó cũng từ một phía khác chứng minh sự thống nhất giữa lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc, giữa lợi ích quốc gia và quốc tế của phong trào vô sản. Nếu như sau thắng lợi của một phong trào cách mạng vô sản ở một nước, việc củng cố thắng lợi đó, tiếp tục xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở nước đó là vừa có ý nghĩa dân tộc, vừa có ý nghĩa quốc tế thì việc nước đó giành một phần năng lực cách mạng của mình để giúp đỡ cách mạng các nước khác cũng là vừa có ý nghĩa quốc tế vừa có ý nghĩa dân tộc.

Trong mối quan hệ giữa nước mà cách mạng đã thắng lợi với nước chưa thắng lợi, nghĩa vụ quốc tế xuất hiện cả từ hai phía đối với nhau. Không phải chỉ nước đã có chính quyền mới có những nghĩa vụ quốc tế đối với các

---

1. V.I. Lê-nin, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1960, q. 2, ph. 2, tr. 92.

2. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1963, t. 21, tr. 399.

nước khác mà bản thân các nước mà cách mạng chưa thành công cũng luôn luôn có nghĩa vụ quốc tế, giúp đỡ và ủng hộ bằng mọi cách để củng cố và phát triển thắng lợi của cách mạng ở những nước mà giai cấp vô sản đã giành được chính quyền. Chính trên ý nghĩa này mà hiện nay người ta đã thường lấy thái độ của các đảng, các phong trào đối với Liên Xô, đối với các nước xã hội chủ nghĩa, đối với Việt Nam, Cu Ba, v.v. trước cuộc tiến công của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế vào các nước đó, làm hòn đá thử vàng cho lập trường quốc tế vô sản của một đảng, một phong trào.

Trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không phải chỉ có mối quan hệ đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau giữa các đảng cộng sản, giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng giải phóng dân tộc ở các nước thuộc địa, giữa các nước mà cách mạng đã thắng lợi, giành được chính quyền với các nước mà cách mạng chưa thắng lợi. Với sự xuất hiện của một loạt các nước xã hội chủ nghĩa, với sự ra đời của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, sản phẩm và thành tựu vĩ đại của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, mối quan hệ đoàn kết quốc tế vô sản bắt đầu có những yêu cầu và biểu hiện mới.

Ngày nay, trong quan hệ giữa các nước xã hội chủ nghĩa với nhau, chủ nghĩa quốc tế vô sản đòi hỏi phải giải quyết những mối quan hệ giữa các nhà nước và các dân tộc theo những nguyên tắc hoàn toàn mới chưa từng có trong lịch sử quan hệ quốc tế. Đó là những nguyên tắc của chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa, là sự phát triển của những nguyên tắc chung của chủ nghĩa quốc tế vô sản vào việc giải quyết những quan hệ giữa các nhà nước và các dân tộc xã hội chủ nghĩa với nhau, những nhà nước và dân tộc có cùng một cơ sở kinh tế và giai cấp thống nhất. Với sự ra đời của hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa, sẽ không còn tồn tại trong quan hệ giữa các

nước xã hội chủ nghĩa, tình trạng áp bức, sự bất bình đẳng, thói ích kỷ và nghi kỵ dân tộc là những cái đặc trưng cho những quan hệ quốc tế kiểu cũ. Một trang sử mới trong lịch sử quan hệ quốc tế sẽ bắt đầu với những dấu hiệu đặc trưng cho một thế giới mới: tinh thần đoàn kết và hữu nghị, sự bình đẳng và lòng tin cậy học hỏi lẫn nhau, sự giúp đỡ vô tư và khảng khái, sự hợp tác toàn diện cùng phấn đấu cho những mục tiêu chung.

Chủ nghĩa quốc tế xã hội chủ nghĩa là những nguyên tắc giải quyết mối quan hệ đối ngoại giữa các quốc gia xã hội chủ nghĩa với nhau nhưng nó đồng thời lại là một nội dung không thể thiếu được của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Cả hai mặt yêu nước xã hội chủ nghĩa và quốc tế xã hội chủ nghĩa đều nói lên tính quy luật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội như là quá trình thống nhất của việc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong từng nước cũng như xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn bộ khối cộng đồng các nước xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong từng nước không thể tách rời thắng lợi của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trong toàn hệ thống và ngược lại.

Trước đây, Lê-nin đã từng nêu luận điểm về khả năng thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong một số nước, thậm chí trong một nước riêng rẽ, điều đó nói lên khả năng có thể xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở một nước như Liên Xô trong vòng vây của chủ nghĩa tư bản. Ngày nay, chúng ta đã có một hệ thống các nước xã hội chủ nghĩa đang cùng tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Lẽ đương nhiên, trong hoàn cảnh đó, quy luật của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vừa có mặt phát sinh trong từng nước xã hội chủ nghĩa vừa có mặt phát sinh trong toàn hệ thống. Trong điều kiện đó

nếu nhấn mạnh đến tính chất riêng rẽ của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước mình, tự tách biệt ra khỏi những lợi ích chung của khối cộng đồng xã hội chủ nghĩa là không phù hợp với thực tế khách quan, là dã sa vào xu hướng dân tộc chủ nghĩa, một xu hướng hết sức nguy hiểm hiện nay trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

Trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, những người cộng sản phải giương cao ngọn cờ yêu nước xã hội chủ nghĩa, coi nó như một trong những động lực tinh thần quan trọng trong giai đoạn cách mạng này. Việc giương cao ngọn cờ yêu nước xã hội chủ nghĩa cũng có nghĩa là giương cao đồng thời ngọn cờ quốc tế vô sản vì hai nội dung đó thực ra không bao giờ có thể tách rời nhau được. Việc giương cao ngọn cờ yêu nước đó cũng có nghĩa là phải kiên quyết đấu tranh với mọi khuynh hướng của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, khuynh hướng này có lúc trở thành nội dung chủ yếu của những trào lưu cơ hội chủ nghĩa, trở thành nguy cơ chủ yếu đe dọa sự thống nhất và sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa.

Nếu như trước đây vào cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, các trào lưu cơ hội chủ nghĩa trong phong trào công nhân biểu hiện ra như là ảnh hưởng của hệ tư tưởng tư sản, chủ yếu là của chủ nghĩa cải lương tư sản, sự sùng bái chế độ đại nghị và chủ nghĩa kinh tế thì ngày nay bên cạnh những trào lưu đó còn xuất hiện những trào lưu cơ hội chủ nghĩa khác mà nội dung chủ yếu của nó không phải cái gì khác hơn là chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản. Cuộc đấu tranh giữa chủ nghĩa quốc tế vô sản với chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản phản ánh một cách khách quan sự phát triển ngày càng sâu rộng của phong trào cộng sản và công nhân chuyển từ khẩu hiệu « Vô sản

toàn thế giới đoàn kết lại!» sang khẩu hiệu « Vô sản và các dân tộc bị áp bức toàn thế giới đoàn kết lại!». Mặt khác, sự xuất hiện của những trào lưu dân tộc chủ nghĩa biểu hiện sách lược mới của giai cấp tư sản quốc tế, biểu hiện cuộc phản kích mới của hệ tư tưởng tư sản vào trong phong trào cộng sản, biểu hiện ý định thâm độc của giai cấp tư sản sử dụng chủ nghĩa dân tộc như một vũ khí tư tưởng lợi hại để phá phong trào cộng sản và công nhân từ bên trong.

Thực tiễn tình hình phong trào cách mạng ngày nay chứng tỏ tính chất hết sức nguy hiểm của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản. Cái nọc độc đó trong tư tưởng và chính trị của một đảng, một giai cấp, một dân tộc nếu không được tẩy trừ kịp thời thì nhất định sẽ làm suy yếu, thậm chí làm thối rữa đảng đó, giai cấp đó và dân tộc đó. Con đường của một đảng bị chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản chi phối tất yếu là con đường đi tới sự phản bội nhục nhã, phản bội giai cấp mình, phản bội bầu bạn đồng chí mình và phản bội cả bản thân dân tộc mình. Sự phản bội của Mao Trạch Đông và tập đoàn cầm quyền Bắc Kinh theo Mao hiện nay là một sự chứng minh cho tính chất cực kỳ nguy hiểm của chủ nghĩa dân tộc, chứng minh rằng chủ nghĩa dân tộc phản động có thể làm biến chất một đảng, một nhà nước, một quân đội và trở thành kẻ thù đáng nguyền rủa, tệ hại nhất của phong trào cộng sản và công nhân.

Ngày nay, trong cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, tất cả các đảng cộng sản, không trừ một đảng nào, nhất là những đảng đang cầm quyền lại càng phải cảnh giác, càng phải bảo vệ sự trong sáng của chủ nghĩa Mác — Lê-nin, giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, thẳng tay gạt bỏ mọi biểu hiện dù nhỏ nhất của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Tinh thần quốc tế vô sản — một truyền thống quý báu và một sức mạnh tinh thần của nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Ngay từ khi Đảng ta ra đời lãnh đạo cuộc cách mạng Việt Nam và giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội thì lòng yêu nước Việt Nam đã luôn luôn kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng.

Tổng kết bài học kinh nghiệm thắng lợi cơ bản của Đảng ta trong dịp kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng, đồng chí Lê Duẩn đã viết : « Suốt 50 năm hoạt động, Đảng ta luôn luôn là một Đảng theo *chủ nghĩa quốc tế* chân chính. Từ lúc mới ra đời, Đảng đã đặt sự nghiệp cách mạng Việt Nam trong sự nghiệp cách mạng chung của nhân dân ba nước trên bán đảo Đông Dương... Đảng ta đã gắn liền sự nghiệp cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân Việt Nam với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa của Liên Xô và các nước anh em, với phong trào cách mạng rộng lớn của giai cấp công nhân và nhân dân các nước đấu tranh cho độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, coi đó là một tất yếu lịch sử, một nhân tố thắng lợi của cách mạng nước ta »[1].

Lòng yêu nước Việt Nam theo lập trường chính trị của giai cấp công nhân là sự thừa kế trực tiếp truyền thống yêu nước bốn nghìn năm của dân tộc và ngay trong truyền thống yêu nước lâu đời đó đã chứa dựng những yếu tố nhân nghĩa và nhân ái, làm cho cái tư tưởng và tình cảm quốc tế chủ nghĩa có thể ăn sâu bám rễ nhanh chóng trên mảnh đất Việt Nam.

---

1. Lê Duẩn, *Tiến bước dưới ngọn cờ của Đảng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 23.

Từ ngàn xưa, trong tâm hồn người Việt Nam đã từng tồn tại và phát triển một tình cảm cao quý bắt nguồn từ bản chất nhân đạo của nhân dân lao động. Đó là lòng thương người, thương và cưu mang dùm bọc những người đồng loại, đồng cảnh ngộ. « Thương người như thể thương thân », tình nghĩa trong gia đình, trong họ hàng thân thích, tình nghĩa làng xóm láng giềng sớm hôm tối lửa tắt đèn có nhau, tình nghĩa bạn nghèo cưu mang nhau trong cơn hoạn nạn, « lá lành dùm lá rách », tình dân tộc, nghĩa đồng bào, v.v. Cái phạm vi và đối tượng của tình thương cứ mở rộng mãi ra cho đến mức vượt qua cả ranh giới quốc gia dân tộc mình, cưu mang cả những người hoạn nạn khác dân tộc với mình. Xã hội phong kiến là một xã hội đóng cửa thu mình và trong điều kiện có sự áp bức dân tộc nặng nề như vậy, lịch sử Việt Nam vẫn có rất nhiều những sự việc nhân dân ta đã chu cấp, giúp đỡ, phối hợp hoạt động với các đư đảng của các cuộc khởi nghĩa nông dân miền nam Trung Quốc chống lại triều đình phong kiến của họ.

Cũng chính cái tình thương này đã góp phần không nhỏ dẫn Hồ Chủ tịch thuở thanh niên đi tìm đường cứu nước, nhanh chóng tìm thấy chủ nghĩa Mác — Lê-nin, nhanh chóng bắt gặp chủ nghĩa quốc tế vô sản để thực hiện có hiệu quả lý tưởng giải phóng dân tộc mình. Trong tấm lòng yêu nước của Hồ Chủ tịch có sự căm thù cao độ bọn áp bức bóc lột dân tộc và tình thương mênh mông đối với những người cùng khổ trong xã hội. Trong cuộc bôn ba để tìm đường cứu nước, qua nhiều xứ sở của các đế quốc rộng lớn, ở đâu Hồ Chủ tịch cũng vẫn thấy những người khốn khổ giống như đồng bào mình. Ở châu Phi, ở Nam Mỹ xa xôi cũng như ở ngay các thành thị tráng lệ và văn minh của châu Âu, Bắc Mỹ, đâu đâu cũng bày ra cảnh tượng người ăn thịt người. Như vậy là không phải chỉ có dân nô lệ « An Nam », không phải chỉ có nô lệ da

vàng mà còn có cả nô lệ da đen và da trắng. Những người nô lệ này có cùng một kẻ thù chung và có thể liên hiệp lại với nhau để chống kẻ thù chung ấy. Truyền thống yêu nước và nhân ái bốn nghìn năm của dân tộc có dọng trong tâm hồn Hồ Chủ tịch đã dẫn Người đến thẳng chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Trong thế kỷ XIX, phong trào công nhân quốc tế diễn ra chủ yếu ở châu Âu. Khẩu hiệu trung tâm lúc đó đề ra trong « Tuyên ngôn cộng sản » là « Vô sản toàn thế giới, đoàn kết lại! ». Bước sang thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản từ tự do cạnh tranh đã chuyển sang chủ nghĩa tư bản lũng đoạn, Lê-nin đã phát triển một cách sáng tạo chủ nghĩa Mác, đã đặt rất rõ vị trí chiến lược của phong trào giải phóng dân tộc trong cuộc cách mạng vô sản thế giới. Khẩu hiệu mới của chủ nghĩa quốc tế vô sản là: « Vô sản toàn thế giới và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại! ».

Là người học trò xuất sắc của Mác và Lê-nin, Hồ Chủ tịch đã đưa ra cái hình ảnh hết sức sinh động, ví chủ nghĩa đế quốc như một con đỉa có hai vòi, một vòi ở chính quốc, một vòi ở thuộc địa, để nói về sự cần thiết của cách mạng vô sản phải cùng một lúc chặt đứt hai cái vòi ấy. Đó là sự phát triển rất quan trọng về mặt lý luận chứng minh quan hệ khăng khít và hữu cơ giữa cách mạng vô sản ở chính quốc và cách mạng ở thuộc địa. Lý luận đó cũng đặt rõ nội dung phương hướng phát triển của tinh thần yêu nước của nhân dân ta phải ngay từ đầu kết hợp nhuần nhuyễn với tinh thần quốc tế vô sản, phải biết phân biệt thù và bạn một cách hết sức rõ rệt trên lập trường của chủ nghĩa quốc tế vô sản.

Từ khi ra đời đến nay, Đảng ta trước sau như một đã giáo dục cho nhân dân và quân đội ta một chủ nghĩa yêu nước hết sức nồng nàn và mãnh liệt kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản hết sức trong sáng. Nhân dân và quân đội ta trong hành động cách mạng của mình, trải qua các

giai đoạn của cuộc đấu tranh cách mạng, đã thể hiện được một cách đúng đắn và triệt để sự kết hợp nhuần nhuyễn của hai tư tưởng và tình cảm đó. Đó là một sức mạnh chính trị và tinh thần to lớn của nhân dân ta, đã góp phần tạo nên những thắng lợi lịch sử của nhân dân ta trong những năm qua.

Trong cách mạng dân tộc - dân chủ cũng như trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong thời kỳ cách mạng phát triển hòa bình cũng như trong thời kỳ chiến tranh cách mạng, khi chưa có chính quyền cũng như lúc đã có chính quyền, bao giờ và ở đâu nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng cũng thể hiện cái tư tưởng và tình cảm quốc tế trong sáng đó. Chúng ta đã biết luôn luôn kết hợp mục tiêu dân tộc với nghĩa vụ quốc tế và chiến đấu cho cả hai lợi ích đó.

Ngay trong thời kỳ đen tối, dưới chế độ cai trị thực dân, không ít đảng viên và quần chúng lao động Việt Nam đã hy sinh trong cuộc đấu tranh để bảo vệ Liên bang Xô-viết, bảo vệ căn cứ địa của cách mạng thế giới. Trong những năm chiến tranh giải phóng chống Pháp cũng như chống Mỹ, khi lợi ích cách mạng các nước bạn trên dải đất Đông Dương đòi hỏi, nhân dân ta đã phái những con em ưu tú của mình sang chiến đấu trên đất bạn chống kẻ thù chung, đã không tiếc xương máu để chi viện cho cách mạng nước bạn. Các chiến sĩ tình nguyện đã chiến đấu một cách bền bỉ, dẻo dai trong những điều kiện hết sức gian khổ, đã coi sự nghiệp cách mạng của nhân dân bạn như sự nghiệp của chính mình, gắn bó với nhân dân bạn như nhân dân mình.

Chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong những năm kháng chiến vừa qua là đỉnh cao của tinh thần yêu nước Việt Nam từ xưa đến nay, đồng thời cũng là đỉnh cao của chủ nghĩa quốc tế vô sản. Trong tinh thần yêu nước đó không có chỗ cho tính cuồng nhiệt dân tộc cực đoan tiểu tư sản,

do đó cũng hoàn toàn vắng bóng óc bài ngoại mù quáng. Đó là điều mà người trung thực trên thế giới đã từng tiếp xúc với nhân dân ta trong những năm vừa qua đã thừa nhận và tỏ ý hết sức khâm phục.

Nhìn lại kinh nghiệm của phong trào cộng sản quốc tế và qua kinh nghiệm của bản thân, chúng ta thấy rằng giữ vững lập trường quốc tế vô sản trong giai đoạn chưa có chính quyền đã là khó, nhưng giữ vững và phát triển lập trường đó trong giai đoạn đã có chính quyền và triển khai công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội còn khó khăn hơn nhiều. Đó là một thử thách gay go đối với mỗi đảng, đối với nhân dân mỗi nước..

Từ sau cuộc kháng chiến chống Pháp, một nửa nước ta đã được giải phóng và bước vào quá trình cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong khi tiếp tục giương cao hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, Đảng ta đã phải giải quyết những vấn đề hết sức mới mẻ của mối quan hệ giữa lợi ích của dân tộc ta và lợi ích của cách mạng thế giới. Nhìn lại những năm qua, trong những điều kiện và hoàn cảnh hết sức phức tạp của cuộc đấu tranh để xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền bắc và giải phóng hoàn toàn miền nam, thống nhất Tổ quốc cũng như của cuộc đấu tranh cách mạng trên thế giới, chúng ta có thể khẳng định một cách tự hào rằng nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng ta, của Hồ Chủ tịch kính yêu, đã giữ vững và phát huy lên một trình độ mới cái truyền thống yêu nước nồng nàn, kết hợp nhuần nhuyễn với một tinh thần quốc tế vô sản hết sức trong sáng vốn đã hình thành một cách vững chắc trong giai đoạn trước đây.

Truyền thống đoàn kết quốc tế là một truyền thống hết sức quý giá của Đảng ta và nhân dân ta, là một vũ khí và sức mạnh tinh thần của chúng ta. Truyền thống đó sở dĩ có được trước hết là do công ơn giáo dục của

Bác Hồ, nhà yêu nước vĩ đại và người cộng sản vĩ đại, đã đào luyện nên những thế hệ cách mạng Việt Nam thấm đượm tinh thần yêu nước nồng nàn và tình cảm quốc tế trong sáng, đã giáo dục và rèn luyện Đảng ta, nhân dân và quân đội ta cái tư tưởng và tình cảm vĩ đại đó.

Tinh thần quốc tế của người Việt Nam trước khi là một nhận thức lý luận, một lý trí khoa học thì đã là một tình cảm cách mạng chân thật, trong sáng. Đó là một tình cảm vô giá, không phải dễ gì có được. Tình cảm đó đã phải trải qua một quá trình lịch sử lâu dài, trong nửa thế kỷ đấu tranh dầy sóng gió của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của một chính đảng Mác — Lê-nin chân chính và dày dạn mới có thể có được. Trước khi đi xa, Hồ Chủ tịch đề lại cho Đảng ta, nhân dân ta và cho cả nhân dân thế giới một di chúc chính trị cực kỳ quan trọng. Người căn dặn chúng ta cần phải đoàn kết quốc tế, cần phải « có lý, có tình ». Chính cái lý và cái tình ấy chứ không phải là cái gì khác đã là vũ khí giúp chúng ta đánh bại được các cuộc tiến công của mọi trào lưu cơ hội chủ nghĩa và dân tộc chủ nghĩa trong những năm vừa qua.

Từ mùa xuân 1975, đất nước ta đã hoàn toàn độc lập thống nhất và bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Trong hoàn cảnh lịch sử mới, Đảng ta phải tiếp tục giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa quốc tế vô sản, phát huy truyền thống đoàn kết quốc tế vốn đã là một sức mạnh lớn lao của chúng ta trong giai đoạn trước đây lên một trình độ mới cao hơn. Chúng ta không thể chủ quan đối với những thành tích đã qua. Ngày nay, cuộc cách mạng Việt Nam trong những hoàn cảnh mới đòi hỏi những con người Việt Nam phải có một tinh thần quốc tế vô sản sâu sắc hơn, triệt để hơn... Chúng ta phải cảnh giác cao độ đối với sự tiến công hết sức nguy hiểm của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã khẳng định rằng, ngày nay ở nước ta Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội là một. Chưa bao giờ mà nội dung dân tộc và nội dung giai cấp, nhiệm vụ dân tộc và nhiệm vụ quốc tế, lợi ích dân tộc và lợi ích quốc tế của cuộc cách mạng nước ta lại gắn bó khăng khít với nhau đến mức như vậy. Chính vì vậy mà công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên cả nước Việt Nam thống nhất với hơn năm mươi triệu con người cũng như công cuộc bảo vệ đất nước ta, đánh bại mọi âm mưu xâm lược của bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc Kinh vừa là sự tiếp tục quá trình giải phóng dân tộc ta, vừa là một bộ phận của quá trình giải phóng giai cấp công nhân và nhân loại cần lao trên toàn thế giới.

Từ năm mươi năm nay, cuộc cách mạng nước ta luôn luôn đoàn kết gắn bó với phong trào cách mạng thế giới với sự giúp đỡ của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác và điều đó đã trở thành một trong những nguyên nhân cơ bản thắng lợi của cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, hơn bao giờ hết, chúng ta càng phải nêu cao hơn nữa tinh thần đoàn kết quốc tế xã hội chủ nghĩa vĩ đại, nêu cao tinh thần hữu nghị và hợp tác chặt chẽ về mọi mặt giữa nhân dân ta với nhân dân Liên Xô và nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em trong công cuộc xây dựng cũng như bảo vệ đất nước ta. Muốn xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, thực hiện trọn vẹn mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội ở nước ta đồng thời tăng cường lực lượng của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, chúng ta phải hòa nhịp bước cùng với cộng đồng xã hội chủ nghĩa, phải tham gia một cách thực sự vào sự phân công và hợp tác quốc tế xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, hiểu độc lập tự chủ theo kiểu biệt lập, đóng cửa thu mình; xu hướng tự túc tự mãn, quá nhấn mạnh

đặc điểm dân tộc trên đường tiến lên chủ nghĩa xã hội của nước mình, coi thường những quy luật chung và những bài học kinh nghiệm của các nước anh em; trong quan hệ hợp tác xã hội chủ nghĩa chỉ biết đến lợi ích của dân tộc mình không biết chiếu cố đến lợi ích và điều kiện thực tế của các nước anh em... đều ít nhiều biểu hiện một xu hướng dân tộc hẹp hòi và ích kỷ đi ngược lại yêu cầu của lập trường quốc tế vô sản trong giai đoạn mới.

Đoàn kết với Liên Xô, với các nước xã hội chủ nghĩa là một nguyên tắc, phản ánh một quy luật khách quan chung của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa và hơn bao giờ hết là một vấn đề có ý nghĩa chiến lược đối với thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Chính vì vậy, điểm đầu tiên trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta được đề ra trong Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng là: «Ra sức tăng cường tình đoàn kết chiến đấu và quan hệ hợp tác giữa nước ta với tất cả các nước xã hội chủ nghĩa anh em»[1].

Trong bài diễn văn kỷ niệm lần thứ 50 ngày thành lập Đảng ta, đồng chí Lê Duẩn cũng khẳng định: «Chính sách cơ bản có tính nguyên tắc của Đảng và Nhà nước ta là đoàn kết và hợp tác toàn diện với Liên Xô và cộng đồng xã hội chủ nghĩa»[2].

Chủ nghĩa quốc tế vô sản chân chính cũng bác bỏ xu hướng tự ti dân tộc, tinh thần ỷ lại vào sự giúp đỡ của bên ngoài. Xu hướng đó muốn nhanh chóng vượt khỏi những khó khăn của nền kinh tế nước mình bằng con đường trông đợi vào sự giúp đỡ của bên ngoài. Đó là một xu hướng không đúng. Không có tinh thần độc lập, tự

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 80.
2. Lê Duẩn, *Tiến bước dưới ngọn cờ của Đảng*, Nhà xuất bản Quân đội nhân dân, Hà Nội, 1980, tr. 55.

chủ, ý thức tự lực tự cường thì không thể xây dựng được chủ nghĩa xã hội ở nước ta, không thể thoát ra khỏi những mâu thuẫn và khó khăn trong nền kinh tế nước ta hiện nay. Xu hướng ỷ lại không có một chút gì giống với chủ nghĩa quốc tế vô sản. Đó chẳng qua chỉ là những quan điểm tiểu tư sản ấu trĩ về chủ nghĩa quốc tế và về thực chất vẫn chỉ là biểu hiện của tính ích kỷ dân tộc hẹp hòi mà thôi. Chủ nghĩa quốc tế vô sản không đối lập với tinh thần độc lập tự chủ; trái lại, chính nó phải bao hàm cái ý thức trách nhiệm của mỗi dân tộc vươn lên, tự lực tự cường, phấn đấu hết sức mình để giải quyết những nhiệm vụ của dân tộc, bằng những sức mạnh có tổ chức của mình và bằng cách đó làm cho cách mạng nước mình cũng như cách mạng thế giới đồng thời tiến lên.

Ngày nay, cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta diễn ra trong điều kiện bên cạnh mặt xây dựng chủ nghĩa xã hội còn có mặt sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu để bảo vệ công cuộc xây dựng đó. Bọn phản động trong giới cầm quyền Bắc Kinh, tiếp sau thất bại cay đắng ở Cam-pu-chia, đã phát động cuộc chiến tranh xâm lược bằng chính quân đội Trung Quốc vào đất nước ta. Có thể khẳng định rằng chừng nào tập đoàn cầm quyền phản động Bắc Kinh còn tồn tại thì chúng ta còn đứng trước nguy cơ có chiến tranh xâm lược dưới hình thức này hay hình thức khác đe dọa. Đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một sự nghiệp có ý nghĩa dân tộc thiêng liêng để bảo vệ chủ quyền dân tộc và sự toàn vẹn lãnh thổ của mình đồng thời đó cũng là một sự nghiệp có ý nghĩa quốc tế, ý nghĩa thời đại sâu sắc.

Lịch sử lại một lần nữa trao cho dân tộc ta nhiệm vụ đứng ở tuyến đầu của cuộc đấu tranh cách mạng trực tiếp chống lại thế lực phản động quốc tế nguy hiểm đang làm tên lính xung kích của chủ nghĩa đế quốc. Trong cuộc đấu tranh đó chúng ta không lẻ loi. Chúng ta sẽ được sự

giúp đỡ của toàn bộ sức mạnh của ba dòng thác cách mạng trong thời đại ngày nay. Chúng ta rất có ý thức tranh thủ sự đồng tình và giúp đỡ về mọi mặt của tất cả các lực lượng có thể tranh thủ được trên thế giới, để tạo thành một sức mạnh tổng hợp to lớn đè bẹp quân thù. Mặt khác, tinh thần quốc tế vô sản đòi hỏi chúng ta phải thấy rõ trách nhiệm và nghĩa vụ quốc tế sâu sắc của mình, không ngại hy sinh gian khổ, ra sức chiến đấu đưa cách mạng nước ta tiến lên đồng thời góp phần đưa cách mạng thế giới, kể cả bản thân cách mạng Trung Quốc tiến lên.

Do ý nghĩa quốc tế của cuộc cách mạng nước ta, cho nên trong khi đấu tranh để xây dựng và bảo vệ một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa thì thực ra chúng ta đã đóng góp vào sự phát triển của cách mạng thế giới rồi. Tuy nhiên, lập trường quốc tế chủ nghĩa đòi hỏi mỗi người Việt Nam chúng ta còn phải quan tâm đến cuộc đấu tranh hàng ngày của giai cấp vô sản và nhân dân lao động toàn thế giới chống lại chủ nghĩa đế quốc và mọi thế lực phản động. Lập trường đó đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta, nhân dân ta và quân đội ta phải bằng mọi cách, bằng những nội dung và hình thức thích hợp ra sức giúp đỡ cho cách mạng của các nước khác phát triển thuận lợi. Đó là một nghĩa vụ quốc tế thiêng liêng mà bất cứ giai cấp vô sản một nước nào đều phải tự đặt ra cho mình sau khi đã giành được chính quyền. Chỉ chăm lo đến lợi ích của đất nước mình, nhân dân mình, thờ ơ với số phận của các dân tộc khác, thậm chí từ chối sự giúp đỡ khi các dân tộc anh em yêu cầu là những biểu hiện điển hình và tệ hại của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, của thói ích kỷ dân tộc.

Đảng ta và nhân dân ta đã xác định nghĩa vụ quốc tế của mình trong việc ủng hộ sự nghiệp đấu tranh chính nghĩa của nhân dân các nước châu Á, châu Phi, châu Mỹ

la-tinh, giai cấp công nhân và nhân dân lao động các nước tư bản chủ nghĩa trong cuộc đấu tranh cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Đặc biệt chúng ta có nghĩa vụ và có khả năng ủng hộ toàn diện và trực tiếp hơn cho cách mạng Lào và Cam-pu-chia. Chính vì vậy điểm 2 trong chính sách đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta là: «Ra sức bảo vệ và phát triển mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và nhân dân Cam-pu-chia, tăng cường tình đoàn kết chiến đấu, lòng tin cậy, sự hợp tác lâu dài và giúp đỡ lẫn nhau về mọi mặt giữa nước ta với hai nước anh em trên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tôn trọng độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nhau, tôn trọng lợi ích chính đáng của nhau; làm cho ba nước vốn đã gắn bó với nhau trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc sẽ mãi mãi gắn bó với nhau trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ đất nước, vì độc lập và phồn vinh của mỗi nước»[1].

Sự đoàn kết chặt chẽ, mối quan hệ đặc biệt giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Lào và Cam-pu-chia là một đòi hỏi khách quan hết sức cần thiết đối với sự phát triển của cách mạng mỗi nước. Lịch sử cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc của nhân dân ba nước trong mấy chục năm qua đã chứng tỏ rằng chính sự gắn bó mật thiết với nhau, tôn trọng và giúp đỡ nhau một cách chí tình là một nguyên nhân hết sức quan trọng của thắng lợi lịch sử vĩ đại mà nhân dân mỗi nước đã giành được. Điều đó đã trở thành một quy luật có tính chất khách quan chi phối quá trình vận động cách mạng của mỗi nước trong giai đoạn cách mạng đã qua và sẽ tiếp tục phát huy tác dụng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 81.

trong giai đoạn mới hiện nay. Chính bọn đế quốc và phản động quốc tế đã nhận thức được điều này nên chúng luôn luôn phá hoại mối quan hệ này để dễ dàng đánh bại cách mạng từng nước.

Việc tập đoàn phản động Pôn Pốt — Ieng Xa-ry thực hiện âm mưu thâm độc của bọn bành trướng và bá quyền nước lớn Trung Quốc, trở mặt, phá hoại mối quan hệ đoàn kết Việt Nam — Cam-pu-chia, gây ra cuộc chiến tranh xâm lược ở biên giới tây-nam nước ta là một thí dụ điển hình về vấn đề trên. Thắng lợi của cách mạng Cam-pu-chia dập tan tập đoàn Pôn Pốt — Ieng Xa-ry tay sai của Bắc Kinh chứng tỏ rằng xu hướng đoàn kết giữa các dân tộc trên bán đảo Đông Dương mạnh hơn rất nhiều xu hướng chia rẽ và phá hoại sự đoàn kết đó. Sự sụp đổ nhanh chóng của tập đoàn phản động Pôn Pốt — Ieng Xa-ry, việc Cam-pu-chia trở lại con đường cách mạng chân chính trong thời đại ngày nay chứng tỏ tính chất khách quan, đanh thép của quy luật trên đây. Kẻ nào đi ngược lại quy luật đó, thì sớm hay muộn không tránh khỏi bị thất bại thảm hại.

Quân đội ta có trách nhiệm nặng nề nêu cao ngọn cờ quốc tế vô sản của Đảng ta.

Là một tổ chức quân sự có chức năng chủ yếu chiến đấu trên mặt trận đấu tranh vũ trang, quân đội ta phải có lòng yêu nước nồng nàn và chí căm thù địch sâu sắc thì mới có thể có sức mạnh tinh thần mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh sống mái với quân thù. Tuy nhiên, lòng yêu nước và chí căm thù đó hoàn toàn xa lạ với óc bài ngoại và tâm lý dân tộc chủ nghĩa cực đoan. Trong những năm chiến đấu với các đế quốc trước đây, quân và dân ta được Đảng giáo dục, đã phân biệt rất rõ bọn đế quốc Pháp và Mỹ với nhân dân lao động các nước đó. Trong khi chiến đấu rất quyết liệt để tiêu diệt các quân đội xâm lược trên chiến trường, quân đội ta vẫn chấp

hành nghiêm chỉnh chính sách nhân đạo đối với tù, hàng binh địch, ra sức làm công tác vận động binh lính địch và mở rộng công tác tuyên truyền vận động nhân dân các nước đó, góp phần vào việc hình thành một mặt trận thống nhất chống kẻ thù chung. Ngày nay, trong sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc, chiến đấu chống bọn cầm quyền phản động Trung Quốc câu kết với chủ nghĩa đế quốc đang âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta, quân đội ta lại càng phải phát huy truyền thống quý báu đó, phải ra sức vận động tranh thủ nhân dân và binh lính Trung Quốc, vạch trần bộ mặt của tập đoàn phản bội trong giới cầm quyền Bắc Kinh, làm cho chúng ngày càng bị cô lập.

Trải qua ba mươi lăm năm chiến đấu, quân đội ta đã xây dựng nên một truyền thống đoàn kết quốc tế thể hiện một cách sâu sắc trong những năm tháng đã qua, cùng nhân dân và quân đội cách mạng hai nước láng giềng Lào và Cam-pu-chia đồng cam cộng khổ, kề vai sát cánh, sống chết bên nhau trong sự nghiệp giải phóng chống kẻ thù chung là chủ nghĩa đế quốc Pháp và Mỹ. Trong giai đoạn hiện nay, quân đội ta vẫn tiếp tục có nhiệm vụ quốc tế hết sức nặng nề, với những yêu cầu nội dung mới cao hơn và tiến hành trong những hoàn cảnh và điều kiện không giống trước. Tình hình và nhiệm vụ đó đòi hỏi quân đội ta phải phát huy lên một trình độ mới truyền thống đoàn kết quốc tế đã có, hoàn thành xuất sắc những nhiệm vụ quốc tế mà Đảng và Nhà nước trao cho.

Trong những năm trước đây, chiến đấu trên đất nước bạn, cán bộ và chiến sĩ ta đã triệt để thấm nhuần lời dạy của Bác Hồ, của Đảng, coi mọi sự giúp đỡ quốc tế đều là giúp đỡ lẫn nhau, giúp bạn cũng là giúp mình, tôn trọng đường lối độc lập tự chủ của Đảng bạn, tôn trọng độc lập và chủ quyền của nước bạn, tôn trọng phong tục tập quán

của nhân dân bạn, v.v. không bao giờ kể công, ban ơn, luôn luôn khiêm tốn đoàn kết và học hỏi nhân dân và quân đội bạn, đã thể hiện một cách sâu sắc trong hành động của mình tình cảm quốc tế đằm thắm, chân thành, vô tư, trong sáng, thủy chung. Ngày nay, trong những điều kiện mới, quân đội ta lại càng phải bằng hành động nhiều mặt của mình thể hiện một cách đầy đủ hơn, triệt để hơn, sâu sắc hơn các tư tưởng và tình cảm quốc tế chủ nghĩa đã trở thành truyền thống đó.

Trong nhiều trường hợp, nhân dân bạn tiếp xúc và hiểu về cách mạng Việt Nam, về Đảng và dân tộc ta qua quân đội ta. Vì vậy, vai trò của quân đội ta trong việc tăng cường sự đoàn kết chiến đấu của ba dân tộc anh em trở nên đặc biệt quan trọng. Chúng ta phải có ý thức hết sức sâu sắc về trách nhiệm chính trị đó, về vinh dự đó để nâng cao không ngừng lập trường và quan điểm quốc tế vô sản, hết sức tự giác và nghiêm túc trong mọi lời nói, cử chỉ, hành động của mình, không tùy tiện, vô ý thức, vô trách nhiệm, vô kỷ luật trong khi chấp hành các nhiệm vụ quốc tế của mình, trong khi chiến đấu và công tác giúp bạn.

Bước sang giai đoạn cách mạng mới, nhiệm vụ chính trị và quân sự của quân đội ta ngày càng hết sức nặng nề. Để làm tròn nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa và cùng toàn dân xây dựng chủ nghĩa xã hội, quân đội ta phải tiến lên thành một quân đội nhân dân cách mạng, hùng mạnh mang đầy đủ bản chất cách mạng của giai cấp công nhân, một quân đội ngày càng chính quy và hiện đại. Trong bước đường trưởng thành của mình, trên cơ sở tổng kết sâu sắc những bài học của ba mươi lăm năm qua và phát triển theo những yêu cầu nhiệm vụ của giai đoạn mới, quân đội ta phải coi trọng những kinh nghiệm xây dựng và chiến đấu của quân đội các nước xã hội chủ nghĩa anh em, nhất là của quân đội Liên Xô,

hết sức khiêm tốn và ra sức học tập một cách sáng tạo các kinh nghiệm đó để đưa việc xây dựng quân đội ta tiến lên với một tốc độ nhanh hơn, đồng thời cũng đóng góp những kinh nghiệm của mình vào quá trình xây dựng của quân đội các nước anh em. Đó cũng là một biểu hiện của chủ nghĩa quốc tế vô sản của quân đội ta trong giai đoạn mới, biểu hiện sự đoàn kết quốc tế và liên minh chiến đấu giữa các quân đội kiểu mới xã hội chủ nghĩa.

Như vậy là nhân dân ta đã có một truyền thống tinh thần quốc tế vô sản hết sức quý báu. Truyền thống đó đã được thử thách với thời gian, trải qua nhiều thời kỳ cách mạng ở nước ta và cách mạng thế giới ngày càng trở nên trong sáng cao đẹp. Chúng ta tin tưởng rằng trong giai đoạn mới, truyền thống đó sẽ càng được phát huy lên một trình độ mới xứng đáng với ý nghĩa quốc tế của cuộc cách mạng nước ta. Tuy nhiên, chúng ta không nên chủ quan giản đơn và thiếu cảnh giác trong cuộc đấu tranh với những biểu hiện tinh vi và phức tạp của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản. Là một nước từ nền sản xuất nhỏ, lạc hậu tiến lên, chúng ta phải ghi nhớ lời dặn dò của Lê-nin: « Một nước càng lạc hậu thì nền tiểu sản xuất nông nghiệp, phương thức sống gia trưởng và sự nghèo nàn về tư tưởng ở đó lại càng mạnh mẽ, tình trạng đó không thể không làm cho những thành kiến tiểu tư sản thâm căn cố đế nhất như tinh thần ích kỷ dân tộc, hẹp hòi dân tộc, có một sức mạnh đề kháng lớn »[1].

Để xây dựng con người mới xã hội chủ nghĩa có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa nồng nàn kết hợp với tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, chúng ta phải chiến đấu trên mặt trận tư tưởng với mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc và trong điều kiện nước ta, chúng ta phải vừa

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1969, t. 31, tr. 182.

đề phòng chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi lấn chủ nghĩa sô-vanh nước lớn. Là một dân tộc mà trong những mối quan hệ và nghĩa vụ quốc tế này chúng ta là một dân tộc nhỏ, trái lại trong những quan hệ và nghĩa vụ quốc tế khác chúng ta lại là một dân tộc lớn thì chúng ta phải chiến đấu chống những trào lưu dân tộc chủ nghĩa tư sản và tiểu tư sản trên cả hai mặt trận. Và chính cái hoàn cảnh khách quan trong đó chúng ta vừa là dân tộc lớn vừa là dân tộc nhỏ, vừa nhận sự giúp đỡ quốc tế vừa đi giúp đỡ quốc tế, cho phép chúng ta có điều kiện thuận lợi hơn để chiến đấu với hai xu hướng, với cả đầu óc nước lớn, thói áp đặt chủ quan ý muốn của mình cho người khác lẫn tinh thần hẹp hòi và ích kỷ dân tộc.

Toàn quân chúng ta cần ra sức chấp hành Nghị quyết Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng: «Trung thành với chủ nghĩa Mác — Lê-nin, Đảng ta không ngừng giáo dục đảng viên và nhân dân ta thấm nhuần những tình cảm cách mạng trong sáng của Hồ Chủ tịch, tiếp tục giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, kết hợp nhuần nhuyễn chủ nghĩa yêu nước chân chính với chủ nghĩa quốc tế vô sản, chống mọi khuynh hướng cơ hội chủ nghĩa và mọi biểu hiện của chủ nghĩa dân tộc tư sản và tiểu tư sản, giữ vững độc lập, tự chủ, ra sức làm tròn nhiệm vụ đối với dân tộc và làm tốt nghĩa vụ quốc tế đối với nhân dân các nước»[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 83.

Chương sáu

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa gắn liền làm một trong nội dung của nó lòng yêu Tổ quốc nồng nàn và mãnh liệt với lòng yêu chế độ xã hội chủ nghĩa. Với tính cách là một đặc trưng cơ bản gắn liền hữu cơ, nhân quả với những đặc trưng cơ bản khác của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam, chủ nghĩa yêu nước đó là một trong những động lực tinh thần to lớn của cuộc cách mạng Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa phát huy tác dụng động lực tinh thần trong toàn bộ tiến trình cách mạng, trên tất cả các lĩnh vực, các mặt trận của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, chủ nghĩa yêu nước đó có vai trò đặc biệt quan trọng đối với công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới, là động lực tinh thần trực tiếp của những hành động anh hùng của hàng chục triệu người trong sự nghiệp quốc phòng toàn dân và chiến tranh nhân dân trên đất nước ta.

Quân đội ta ngày nay đã trở thành một quân đội của một nhà nước xã hội chủ nghĩa, đang cùng toàn dân,

dưới sự lãnh đạo của Đảng ra sức xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, xây dựng chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới như Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra. Để làm tròn nhiệm vụ có ý nghĩa lịch sử trọng đại đó, quân đội ta cần phải được nâng cao hơn nữa bản chất giai cấp công nhân của mình và trong giai đoạn hiện nay muốn nâng cao bản chất giai cấp công nhân thì phải nâng cao trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa, của cán bộ và chiến sĩ quân đội ta một cách toàn diện và sâu sắc, nâng cao trình độ giác ngộ về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, thế giới quan khoa học và niềm tin cộng sản chủ nghĩa, bồi dưỡng những phẩm chất toàn diện của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tuy nhiên, với tính cách là một công cụ bạo lực sắc bén của nhà nước chuyên chính vô sản, có trách nhiệm nặng nề bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, có nhiệm vụ chủ yếu là sẵn sàng chiến đấu cao độ và chiến đấu thắng lợi chống mọi âm mưu và hành động xâm lược và lật đổ của kẻ thù, quân đội ta phải đặc biệt coi trọng việc giáo dục một cách sâu rộng chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa cho mọi cán bộ và chiến sĩ, coi đó là cơ sở lý luận và động lực tinh thần trực tiếp, của mọi hoạt động xây dựng, sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu của quân đội ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Tổ quốc là một khái niệm đã từng ra đời rất sớm trong đời sống tinh thần của nhiều cộng đồng người trong quá trình phát triển lịch sử của mình.

Từ những thời xa xưa, ngay cả khi dân tộc chưa ra đời, ý niệm về Tổ quốc đã xuất hiện trong các cộng đồng

bộ tộc. Với chủ nghĩa tư bản và sự ra đời của các dân tộc tư sản cũng như của chủ nghĩa dân tộc tư sản, ý niệm về Tổ quốc lại càng được giai cấp tư sản truyền bá một cách rộng rãi và sử dụng một cách mạnh mẽ để phục vụ cho những lợi ích giai cấp của nó. Ngày nay, trong đời sống tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa, ý niệm về Tổ quốc không phải đã tiêu vong, trái lại, ý niệm đó vẫn phản ánh một thực tại khách quan của xã hội và vẫn đóng một vai trò tổ chức và động viên lớn lao đối với sự phát triển của xã hội xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, Tổ quốc không phải là một phạm trù trừu tượng, vĩnh viễn mà là một phạm trù lịch sử với những nội dung kinh tế, chính trị, văn hóa, địa lý, v.v. đa dạng, phức tạp và biến động không ngừng theo sự phát triển của các cộng đồng người trong quá trình lịch sử của mình.

Lê-nin viết: « Tổ quốc, nghĩa là hoàn cảnh chính trị, văn hóa và xã hội, là một nhân tố cực kỳ mạnh mẽ trong cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp vô sản »[1]. Nếu như Tổ quốc với tính cách là chế độ xã hội hiện tồn thì rõ ràng là trong điều kiện của xã hội tư sản, trong điều kiện có những đối kháng giai cấp gay gắt giữa tư sản và vô sản và nhà nước tư sản chỉ là công cụ thống trị của tư bản đối với vô sản thì không thể có một Tổ quốc chung cho cả giai cấp tư sản và giai cấp vô sản. Chính trên ý nghĩa ấy mà Mác và Ăng-ghen đã tuyên bố một cách dứt khoát trong « Tuyên ngôn cộng sản » khi bác bỏ những luận điệu xuyên tạc của giai cấp tư sản đối với phong trào cộng sản: « Người ta còn buộc tội những người cộng sản là muốn xóa bỏ Tổ quốc, xóa bỏ dân tộc.

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1972, t. 15, tr. 271.

Công nhân không có Tổ quốc. Người ta không thể cướp đoạt của họ cái mà họ không có »[1].

Tuy nhiên, Tổ quốc không phải chỉ là nhà nước và xã hội hiện tồn. Tổ quốc còn là lịch sử của khối cộng đồng người; là lịch sử nền văn hóa vật chất và tinh thần, là tiếng nói mẹ đẻ, là phong tục tập quán lâu đời, là những quan hệ xã hội, những sự ràng buộc và những kỷ niệm sâu sắc của con người từ mái nhà và thôn xóm, nơi chôn nhau cắt rốn đến khối cộng đồng rộng lớn hơn, đến cái môi trường xã hội trong đó con người sinh ra và lớn lên. Vả chăng, con người không chỉ sinh ra trong lòng cộng đồng xã hội mà còn sinh ra trong lòng thiên nhiên mà nó cũng là một bộ phận. Vì vậy, Tổ quốc còn chính là thiên nhiên, nơi con người sinh sống, với đất đai, sông núi, khí hậu, muông thú, cỏ cây. Đó cũng là một cái nôi đã nuôi dưỡng con người sinh ra và lớn lên. Tất cả những yếu tố đó dĩ nhiên phải được chứa đựng trong ý niệm về Tổ quốc và do đó ngay trong điều kiện xã hội có áp bức bóc lột giai cấp, giai cấp công nhân và nhân dân lao động cũng vẫn có Tổ quốc của mình.

Lê-nin chỉ ra rằng giai cấp vô sản khi chưa giành được chính quyền vẫn có Tổ quốc của mình, dĩ nhiên ý niệm về Tổ quốc của giai cấp vô sản hoàn toàn khác với ý niệm của giai cấp tư sản về Tổ quốc: «Đối với chúng ta, những người vô sản Đại Nga giác ngộ, lòng tự hào dân tộc có phải là xa lạ không? Lẽ cố nhiên là không! Chúng ta yêu mến ngôn ngữ và Tổ quốc chúng ta; điều mà chúng ta cố gắng hơn hết để thực hiện là nâng quần chúng lao động *của Tổ quốc ta* (nghĩa là chín phần mười dân số *của Tổ quốc ta*) lên trình độ sinh hoạt giác ngộ của những người dân chủ và những người xã hội chủ

---

1. C. Mác — Ph.Ăng-ghen, *Tuyển tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, t. 1, tr. 48.

nghĩa. Điều đau lòng nhất đối với chúng ta là nhìn thấy và cảm thấy Tổ quốc tươi đẹp của chúng ta phải chịu biết bao sự ngược đãi, biết bao áp bức và giày xéo của bọn đao phủ Nga Hoàng, bọn quý tộc và bọn tư bản »[1].

Ý niệm về Tổ quốc xuất hiện rất sớm trong đầu óc con người Việt Nam từ những thời rất xa xưa. Ý niệm đó ban đầu đã gắn rất chặt với ý niệm về dòng dõi con Lạc, cháu Hồng, gắn rất chặt với những quan niệm phản ánh một xã hội xây dựng trên những nguyên tắc của chế độ công xã. Cùng với sự ra đời và phát triển của chế độ phong kiến ở Việt Nam, ý niệm về Tổ quốc Việt Nam đã có những nội dung giai cấp và hình thức biểu hiện mới.

Theo quy luật chung, trong một xã hội xây dựng trên những đối kháng giai cấp như xã hội phong kiến Việt Nam, chỉ có thể có một tình hình mà Lê-nin đã từng gọi là một dân tộc hình như có hai nền văn hóa. Cũng như vậy, ý niệm về Tổ quốc trong xã hội đó cũng không thể là một ý niệm thống nhất của cả hai giai cấp đối kháng với nhau. Trái lại, mỗi giai cấp ý niệm về Tổ quốc theo lập trường giai cấp của mình, theo những tiêu chuẩn, lợi ích và quan điểm giai cấp của mình. Thành thử ra một dân tộc mà hình như cũng có hai Tổ quốc, cái là Tổ quốc đối với những người này thì không thể là Tổ quốc đối với những người kia, và ngược lại. Rõ ràng là xã hội phong kiến Việt Nam trong một thời kỳ lịch sử khá dài trước đây cũng có hai ý niệm về Tổ quốc, ý niệm của giai cấp quý tộc phong kiến và ý niệm của nhân dân lao động và những ý niệm này trên nhiều phương diện là đối lập nhau.

Tuy nhiên, trong khi nhấn mạnh đến tính giai cấp của ý niệm Tổ quốc trong đầu óc con người Việt Nam trên đây,

---

1. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1963, t. 21, tr. 107.

chúng ta không được quên rằng chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam trước đây và gắn liền với nó là ý niệm Tổ quốc của người Việt Nam vẫn có rất đậm nét những yếu tố chung được mọi người yêu nước Việt Nam chấp nhận.

Phân tích kỹ những yếu tố cấu thành ý niệm về Tổ quốc, chúng ta thấy cái hạt nhân của nó là thuộc về lĩnh vực kiến trúc thượng tầng có tính giai cấp rõ rệt ; nhưng một số yếu tố rõ ràng không thuộc kiến trúc thượng tầng, là những yếu tố phi kiến trúc thượng tầng như tiếng nói dân tộc, thiên nhiên của Tổ quốc, v.v. Cũng rõ ràng là trong lịch sử dân tộc ta, tình yêu đối với đất nước, với núi sông, cây cỏ, ý thức bảo vệ giang sơn gấm vóc của cha ông, tình yêu và sự quý trọng đối với ngôn ngữ dân tộc và nền văn hóa dân tộc, ý thức giữ gìn và phát triển tiếng nôm và phong tục tập quán Việt Nam là ý thức và tình cảm chung cho mọi người Việt Nam yêu nước, không phân biệt quý tộc hay bình dân. Dĩ nhiên, ý thức và tình cảm chung đó vẫn có bản sắc riêng biệt của từng giai cấp, nhưng không thể phủ nhận những cái chung đó.

Như vậy là trong thời đại phong kiến trước đây, ý niệm Tổ quốc trong tâm hồn con người Việt Nam vừa là một ý niệm thống nhất vừa là một ý niệm bị phân đôi. Tình trạng đó phản ánh sự vận động đồng thời của hai mâu thuẫn dân tộc và giai cấp trong xã hội nước ta. Tùy theo sự phát triển cụ thể của hai mâu thuẫn này, tùy theo sự phát triển của những mâu thuẫn bên trong của xã hội phong kiến, của nạn ngoại xâm và nguy cơ diệt vong của dân tộc mà mặt thống nhất hay mặt phân đôi của ý niệm Tổ quốc nổi bật lên trong đời sống tinh thần của xã hội Việt Nam.

Bước vào thời đại mới bắt đầu từ Cách mạng tháng Mười vĩ đại, với việc Hồ Chủ tịch đã tìm ra con đường

cứu nước chân chính, với việc Đảng ta ra đời và giương cao cùng một lúc hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, ý niệm về Tổ quốc trong dầu óc con người Việt Nam có một bước biến chuyền nhảy vọt.

Xã hội Việt Nam thuộc địa và nửa phong kiến dưới ách cai trị của chủ nghĩa đế quốc Pháp và bọn tay sai bán nước là một xã hội dầy dãy bất công và áp bức bóc lột. Trong một xã hội như vậy, ý niệm về Tổ quốc bị phân đôi một cách triệt để hơn bao giờ hết. Không còn có thể có những yếu tố chung của Tổ quốc cho tầng lớp thống trị và bị trị trong xã hội như trong thời kỳ phong kiến dân tộc tiến bộ trước đây nữa. Đã rõ ràng là «nước mẹ Đại Pháp» trong đó có sứ Đông Dương thuộc Pháp này của bọn cướp nước và bọn bán nước không một chút nào có thể là Tổ quốc của nhân dân Việt Nam. Tổ quốc trong lòng nhân dân yêu nước, trong lòng những chiến sĩ cách mạng Việt Nam chỉ có thể là những yếu tố của truyền thống lịch sử, của đất nước và con người Việt Nam mà thôi. Xét về phương diện ấy, những biểu tượng về Tổ quốc chưa vượt ra khỏi giới hạn của những biểu tượng về Tổ quốc trong những thời xa xưa, khi dân tộc ta còn đang đấu tranh để giải phóng đất nước và bảo vệ Tổ quốc chống nạn ngoại xâm phương Bắc. Tuy nhiên, ngay những yếu tố truyền thống đó cũng có sự phát triển theo tiến trình của cuộc cách mạng dân tộc-dân chủ ở nước ta.

Thế hệ những chiến sĩ cách mạng từ những năm ba mươi, đã bước lên con đường đấu tranh cách mạng với sự giác ngộ ít nhiều về lý tưởng cộng sản. Tuy nhiên, ở tất cả những chiến sĩ đó đều có một tấm lòng yêu nước nồng nàn, có nỗi tủi nhục đắng cay của người dân mất nước, lòng căm hờn ách áp bức giai cấp và sự bất công xã hội gắn liền với lòng căm hờn bọn xâm lược. Tổ quốc trong lòng các chiến sĩ lúc này là thiên nhiên Việt Nam, là quá khứ oanh liệt của dân tộc, là những giá trị văn

hóa và tinh thần mà lịch sử dân tộc đã để lại, là bản thân những con người lao động Việt Nam đã khai phá và xây dựng nên đất nước này.

Chẳng phải là những cây đa, quán nước, bến sông, con đò của một vùng làng quê; những kỷ niệm thời niên thiếu trôi qua trong những nỗi khổ đau cũng như trong những niềm vui của dân tộc; những người đồng bào Việt Nam trẻ cũng như già, trai cũng như gái, thuần hậu giàu tình nghĩa yêu nước thương người; những mảnh của một lịch sử toàn vẹn đang trôi giạt đó đây và đang bị cố tình làm cho quên lãng: những truyền thuyết dân gian, những tên đất và tên người, các tập tục văn hiến và thượng võ của một thời xa xưa, v.v.; chính những cái đó là những biểu tượng sinh động của Tổ quốc Việt Nam đã hun đúc nên lòng yêu thương và chí căm thù của người chiến sĩ cách mạng trên con đường chông gai của sự nghiệp đấu tranh giải phóng.

Thế hệ những chiến sĩ Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám, thế hệ những thanh niên tầng tầng lớp lớp gia nhập phong trào cách mạng, xung phong tòng quân, thế hệ đóng vai trò chủ yếu trong cuộc kháng chiến chống Pháp đã có trong lòng mình cũng chính những biểu tượng ấy về Tổ quốc. Đồng thời, ở trong ý niệm Tổ quốc của họ, đã có những yếu tố bổ sung mới. Cái mới đó chính là thực tại dân tộc đã giành được độc lập tự do, nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra đời. Mỗi một người Việt Nam đã trở thành công dân của một quốc gia độc lập. Tổ quốc không chỉ là truyền thống lịch sử mà đã bao hàm một nhà nước của mình.

Từ cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám đến cuộc kháng chiến chống Pháp, thời gian quá ngắn ngủi để cuộc cách mạng thắng lợi có thể đem lại cái gì nhiều lắm cho quần chúng về mặt quyền lợi vật chất. Nhưng do bị chà đạp và đau khổ quá nhiều, vì cuộc sống không có độc lập tự do

cho nên chỉ riêng việc xóa bỏ được gông cùm nô lệ, làm chủ vận mệnh của mình, được đi giữa ban ngày, được ngẩng cao đầu đã là một thành quả cực kỳ quan trọng và có một sức hấp dẫn lớn lao.

Trong lòng người chiến sĩ lúc này, Tổ quốc mang hình ảnh của một đất nước tưng bừng giải phóng giữa mùa thu trong sáng chan hòa ánh nắng ; rừng cờ và biển người, những bài đồng ca cách mạng và tiếng hô « một, hai ! » theo nhịp bước ; cái cảm giác lâng lâng sung sướng và tự hào của những ngày được nắm chính quyền ; cái vui vẻ sảng khoái của con người được làm chủ cuộc sống của mình. Tất cả những cái đó quý giá xiết bao, như Bác Hồ sau này đã tổng kết : « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ! ». Và chính vì những cái đó quý giá đến như vậy, nên lòng tràn đầy tức giận và căm thù, cả dân tộc đã đồng tâm đứng dậy chiến đấu khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần nữa. Chính trong những điều kiện lịch sử đó, trên đất nước ta đã diễn ra một cao trào cứu nước cực kỳ mạnh mẽ của quần chúng nhân dân. Cao trào này kéo dài từ Cách mạng tháng Tám xuyên qua suốt cuộc kháng chiến chống Pháp và được tiếp thêm nguồn sinh lực và sức mạnh mới của cuộc cách mạng ruộng đất vào cuối kháng chiến đã là một trong những nguyên nhân quan trọng và trực tiếp dẫn đến thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp, đã làm nên một « Điện Biên chấn động địa cầu », đã giải phóng hoàn toàn nửa nước Việt Nam.

Trong suốt giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ diễn ra trong những năm đất nước còn dưới ách thống trị thực dân phong kiến cũng như trong những năm nước Việt Nam dân chủ cộng hòa đã ra đời và tiến hành cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Tổ quốc Việt Nam đã phát triển từ những biểu tượng về lịch sử, đất nước và con người Việt Nam truyền thống đến những biểu tượng phản ánh cuộc cách mạng đang diễn ra trên đất nước ta,

phản ánh những biến dổi mới trong dời sống kinh tế, chính trị và xã hội của nước ta. Tổ quốc dó đã là một Tổ quốc mới, Tổ quốc của cách mạng, của những ngày hội của quần chúng.

Trong những năm đó, Tổ quốc Việt Nam mặc dù đã được dổi mới như vậy nhưng vẫn chưa phải là Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa bởi vì cuộc cách mạng Việt Nam mặc dù do Đảng ta lãnh đạo nhưng vẫn chủ yếu còn ở giai đoạn mà nhiệm vụ trung tâm còn là giành lấy độc lập tự do chứ chưa phải đã có thề dặt ra nhiệm vụ trực tiếp cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Tuy nhiên, do chỗ ngay trong giai đoạn cách mạng dân tộc - dân chủ, Đảng ta đã giương cao đồng thời hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, do chỗ trong ý thức của nhân dân cách mạng, lý tưởng giải phóng dân tộc đã bắt dầu gắn liền với lý tưởng giải phóng xã hội, lòng yêu Tổ quốc của nhân dân và quân đội ta đã bắt dầu gắn liền với lòng yêu chế độ xã hội chủ nghĩa mà tương lai sẽ xuất hiện trên đất nước ta cho nên ý niệm về Tổ quốc của nhân dân ta đã bắt dầu tiếp cận với ý niệm về một Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là ý niệm về một Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam tiềm thế, một Tổ quốc rồi dây sẽ theo xu hướng và triền vọng phát triền của cuộc cách mạng đang diễn ra hiện nay. Chính vì ý niệm Tổ quốc Việt Nam trong những năm đó đã chứa dựng những mầm mống xã hội chủ nghĩa tương lai nên nó mới có sức động viên và cổ vũ mạnh mẽ như vậy đối với nhân dân ta trong sự nghiệp giải phóng dân tộc.

Cùng với việc cuộc cách mạng ở nước ta chuyền sang giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa, trước tiên là trên một nửa nước sau năm 1954 và sau đó trên cả nước đã hoàn toàn giải phóng sau năm 1975, một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa đang trong quá trình cải tạo và xây dựng một cách mạnh mẽ bắt dầu xuất hiện trên đất nước

ta. Sự tồn tại của một thực tại khách quan xã hội chủ nghĩa đó trong đời sống dân tộc ta đã tạo ra một biến đổi sâu sắc trong ý niệm về Tổ quốc của nhân dân ta.

Từ nay trở đi, ý niệm về Tổ quốc trong đầu óc mỗi con người Việt Nam chỉ có thể và ngày càng phải là ý niệm về một Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Cùng với quá trình phát triển sâu rộng của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, ý niệm Tổ quốc xã hội chủ nghĩa sẽ ngày càng sâu sắc hơn trong tâm hồn Việt Nam. Lòng yêu nước của mỗi con người sẽ ngày càng nồng nàn và mãnh liệt hơn bởi vì lòng yêu nước đó đã kết hợp được lòng yêu Tổ quốc với lòng yêu một chế độ xã hội mới đã thực sự ra đời và ngày càng bộc lộ tất cả tính ưu việt của nó.

Cùng với sự phát triển của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, Tổ quốc ta ngày càng thống nhất hơn trên một cơ sở mới cao hơn, dân tộc ta cũng ngày càng phát triển hoàn chỉnh hơn và trở thành một dân tộc xã hội chủ nghĩa. Lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, chúng ta có thể chấm dứt một cách triệt để một tình trạng đã từng tồn tại lâu dài trong lịch sử là một dân tộc mà hình như có hai Tổ quốc, bởi vì chúng ta sẽ xóa bỏ những đối kháng giai cấp, tạo ra sự thống nhất về chính trị và tinh thần chưa từng có trong xã hội ta. Đại hội đại biểu lần thứ tư của Đảng đã chỉ ra: «Chỉ có chủ nghĩa xã hội mới làm cho Tổ quốc ta thống nhất ở trình độ cao nhất và đầy đủ nhất, thống nhất về lãnh thổ, về chính trị và tinh thần, về kinh tế, văn hóa, xã hội, thống nhất về quyền lợi và nghĩa vụ, mọi người đoàn kết, thương yêu nhau một cách chân thành và thắm thiết»[1].

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Báo cáo chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 41.

Dân tộc Việt Nam ngay từ thời xưa đã là một dân tộc bền vững và ổn định mà sự thống nhất về các mặt đã thể hiện ra một cách rõ rệt. Trong lịch sử dân tộc ta, xu thế thống nhất là xu thế cơ bản, là nguyện vọng sâu xa của mọi người Việt Nam và bao giờ cũng là xu hướng tiến bộ. Cát cứ chỉ là tạm thời và bao giờ cũng là tai họa đối với dân tộc. Tuy nhiên, xu hướng cát cứ ít nhiều vẫn cứ tồn tại và đe dọa sự thống nhất của dân tộc. Điều đó chứng tỏ rằng dân tộc ta tuy đã hình thành rất sớm và khá ổn định ngay trong điều kiện của chế độ phong kiến, nhưng cũng do chính bản chất kinh tế của chế độ phong kiến, nền sản xuất nhỏ, lề thói tự cung tự cấp, sự phát triển yếu ớt của sản xuất và lưu thông hàng hóa, của phân công xã hội, v.v. tất cả những cái đó là cơ sở kinh tế của xu hướng cát cứ và làm suy yếu sự thống nhất dân tộc.

Trong thời kỳ nước ta nằm dưới ách thống trị của chủ nghĩa đế quốc, bọn thực dân cả cũ lẫn mới đã tìm mọi cách để chia rẽ, phá hoại, làm tiêu tan trong đầu óc mỗi người Việt Nam cái ý thức mình là thành viên của một khối cộng đồng dân tộc thống nhất đã từng có một lịch sử oanh liệt lẫy lừng. Chúng tạo nên những hàng rào giả tạo ngăn cách, chia rẽ dân tộc ta về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, v.v.

Từ khi ra đời và lãnh đạo cách mạng Việt Nam, Đảng ta đã nhanh chóng giương cao ngọn cờ đoàn kết và thống nhất dân tộc, phát huy cao độ truyền thống quật cường của dân tộc trong cuộc chiến đấu để lật đổ ách thống trị thực dân. Chính trong phong trào cách mạng với sức mạnh quật khởi của cả dân tộc, trong thời kỳ bí mật trước đây, trong cuộc tổng khởi nghĩa tháng Tám cũng như trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ vừa qua, quá trình thống nhất của dân tộc chúng ta đã có những bước tiến cực kỳ quan trọng.

Bước sang giai đoạn hiện nay, khi cả nước đã độc lập và thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, vấn đề củng cố và phát triển tính thống nhất của dân tộc ta hơn nữa vẫn còn cần thiết được đặt ra. Hoàn cảnh và điều kiện mới đòi hỏi đồng thời cho phép xây dựng tính thống nhất của dân tộc phát triển lên một trình độ cao nhất và đầy đủ nhất như Nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng đã chỉ ra.

Ngày nay, sự thống nhất hơn nữa của dân tộc ta, sự thống nhất đạt tới một trình độ chất lượng mới, chỉ có thể diễn ra trong khuôn khổ của chủ nghĩa xã hội. Tăng cường hơn nữa sự thống nhất dân tộc chính là phải đẩy nhanh quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, làm cho cả nước cùng tiến nhanh, tiến mạnh, tiến vững chắc lên chủ nghĩa xã hội, làm cho những sự khác biệt về kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội giữa các miền của đất nước ngày càng thu hẹp lại, làm cho cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng của xã hội ta trở nên đồng nhất trong cả nước.

Cho đến hiện nay, nền kinh tế nước ta về cơ bản vẫn là một nền sản xuất nhỏ mà nền sản-xuất nhỏ thì không thể tăng cường và củng cố tính thống nhất dân tộc. Nền sản xuất nhỏ, sự phân công lao động xã hội kém phát triển, tình trạng tự cung tự cấp và sự trao đổi trong phạm vi nhỏ hẹp của thị trường địa phương, sự lạc hậu của giao thông và thông tin liên lạc, v.v. tất cả những cái đó tất nhiên ít nhiều là cơ sở làm nảy sinh những xu hướng cục bộ, bản vị, v.v. Chính sự ra đời của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta sẽ làm cho cái yếu tố kinh tế tạo thành sự thống nhất dân tộc ta có sự thay đổi về chất. Sự ra đời của sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa ở nước ta có nghĩa là sự phát triển mạnh mẽ của phân công lao động xã hội trong phạm vi cả nước, sự xuất hiện thị

trường dân tộc xã hội chủ nghĩa. Do sự phân công xã hội đó, tất cả mọi ngành kinh tế, mọi miền của đất nước, mọi địa phương đều trở thành một bộ phận của hệ thống kinh tế rộng lớn trong cả nước.

Trên cơ sở của nền sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa, của sự thống nhất dân tộc về mặt kinh tế, chắc chắn rằng những yếu tố khác về chính trị, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, tâm lý, v.v. vốn từ xưa đến nay đã tạo thành đặc trưng của dân tộc Việt Nam cũng sẽ phát triển lên một trình độ mới cùng với sự phát triển của chế độ mới, nền kinh tế mới, nền văn hóa mới và con người mới. Quá trình đó, nếu đứng về góc độ sự phát triển của dân tộc, cũng là quá trình ra đời của dân tộc xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Đó là quá trình phát triển của dân tộc Việt Nam vốn hình thành từ trong cuộc đấu tranh lịch sử lâu dài đến ngày nay để tự khẳng định mình và phản ánh những điều kiện kinh tế, chính trị, văn hóa và xã hội của những giai đoạn lịch sử đã qua ngày nay đang trở thành một dân tộc xã hội chủ nghĩa, bao hàm bên trong nội dung của nó những yếu tố rất mới của thời đại, kết hợp làm một độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

Ý niệm về Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa cũng như nội dung của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa ở nước ta không phải hình thành một lần là xong. Trái lại, ý niệm đó và nội dung đó sẽ phát triển không ngừng, hoàn chỉnh và nâng cao không ngừng đi theo sự phát triển và hoàn thiện không ngừng của chế độ xã hội chủ nghĩa trên đất nước ta.

Đã rõ ràng là một chủ nghĩa xã hội hiện thực, *đã* ra đời, khác với một chủ nghĩa xã hội *đang* ra đời, đang phải vật lộn với những thế lực tự phát của chủ nghĩa tư bản và nền sản xuất nhỏ, với tình trạng nghèo nàn và lạc hậu hàng thế kỷ để ra đời. Và cũng rõ ràng là tính ưu

việt của một chủ nghĩa xã hội đã ra đời tất nhiên biểu hiện rõ rệt hơn so với tính ưu việt của một chủ nghĩa xã hội đang ra đời. Do đó, sự sâu sắc của ý niệm Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, trình độ cao thấp của tình yêu Tổ quốc và chủ nghĩa xã hội trong tâm hồn con người Việt Nam tất nhiên cũng sẽ phát triển dần từng bước theo quá trình đấu tranh cho thắng lợi của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta.

Tuy nhiên, ngay trong bước đi đầu tiên của chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta, chúng ta đã thấy một sự đổi mới về chất trong ý niệm về Tổ quốc trong tâm hồn nhân dân, đặc biệt là trong tâm hồn của tầng lớp nhạy cảm nhất của nhân dân là tầng lớp thanh niên.

Nhìn lại những năm trước đây, từ khi miền bắc bước vào công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, mặc dù thời gian hãy còn ngắn ngủi và những sự ấu trĩ non kém của chế độ mới không phải là không có, thế nhưng một thực tại xã hội mới đã bắt đầu có một sự hấp dẫn mạnh mẽ. Những khu công nghiệp mới, các nhà máy hiện đại trước đây chưa bao giờ có, lần lượt mọc lên. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của một nền nông nghiệp tập thể tuy còn ít nhưng đã có sự đổi mới: sân phơi, nhà kho, kỹ thuật canh tác mới, những máy cày xuất hiện lẻ tẻ trên đồng ruộng, những đường điện cao thế vươn dài đến chân trời, hệ thống thủy nông với tiếng máy bơm vang vọng trên cánh đồng xa, làm cho bộ mặt cánh đồng Việt Nam đỡ cổ xưa hơn. Những nông trường xã hội chủ nghĩa trên những địa bàn chiến lược, những đường ô tô mới mở xuyên qua đồi núi làm thay đổi bộ mặt kinh tế từng vùng, đem lại cái đẹp mới, cái đẹp của kỹ thuật, cái đẹp hình học của cầu và đường bổ sung cho cái đẹp nguyên thủy của thiên nhiên.

Trong thời kỳ mới, Tổ quốc không chỉ bao gồm những yếu tố của quá khứ, lịch sử mà cả những giá trị hiện thực

mới được sáng tạo ra, những giá trị vật chất và những giá trị tinh thần. Những thế hệ Việt Nam mới không những tự hào về truyền thống lịch sử của mình mà còn tự hào về những sản phẩm lao động mới của chính mình. Những hàng hóa mang nhãn hiệu Việt Nam tuy chưa đẹp và tốt bằng hàng hóa ngoại quốc nhưng với việc những hàng hóa đó chiếm lĩnh dần thị trường ngày càng nhiều hơn, thì điều đó đã có thể làm cho mỗi người Việt Nam càng tự hào và yêu mến đất nước mình thêm.

Những giá trị tinh thần, sản phẩm của chế độ mới cũng đóng một vai trò như vậy trong việc củng cố chủ nghĩa yêu nước: quan hệ mới giữa người với người, phong tục tập quán, kỷ luật và trật tự mới của xã hội, cuộc sống văn hóa và tinh thần đang đi lên. Trước mắt các thế hệ trẻ, chế độ mới đã mở ra cho họ những triển vọng tươi sáng. Tất cả các con đường đời đều có thể dẫn đến một tương lai tốt đẹp: làm một người hữu ích cho xã hội, vươn tới ánh sáng của văn hóa và kiến thức. Trong những năm tháng đó, hoạt động lao động trong trạng thái sơ khai của nó đã bắt đầu mất đi tính chất buồn tẻ đáng nguyền rủa trước đây và đã bắt đầu gợi lên niềm vui và nhen lại trong lòng người cái tia lửa ấm áp của thiên tài sáng tạo, cái tia lửa đã bị vùi dập trong đống tro tàn nguội lạnh của bao nhiêu thế kỷ người bóc lột người.

Do sự vận động đặc thù của cách mạng nước ta, sự nghiệp giải phóng dân tộc không phải là đã hoàn thành trong cả nước rồi mới chuyển sang công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội mà là cả hai giai đoạn cách mạng, hay nói cho đúng hơn cả hai cuộc cách mạng đều tiến hành song song và gắn bó với nhau. Mọi người Việt Nam yêu nước lúc đó đều có nỗi đau da diết về một nửa cơ thể của Tổ quốc mình chưa được giải phóng. Trong khi công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên miền bắc đang diễn ra sôi nổi, thì cuộc đấu tranh giải phóng miền nam vẫn diễn

ra hết sức ác liệt và gian khổ, thu hút toàn bộ lực lượng của đồng bào và chiến sĩ miền nam và một phần lực lượng của đồng bào và chiến sĩ miền bắc. Cùng với việc đế quốc Mỹ thay đổi chiến lược, mở rộng chiến tranh ra cả đất nước ta, dân tộc ta bước vào một thời kỳ mới, thời kỳ cả nước đứng lên tiến hành kháng chiến chống Mỹ, cứu nước trên toàn bộ các mặt trận.

Thế hệ những thanh niên Việt Nam tầng tầng lớp lớp lên đường cứu nước trong những năm cả nước một lòng chống Mỹ, cứu nước đó, một mặt mang trong tâm hồn cái nỗi đau dân tộc về đất nước bị chia cắt và cái ý nguyện sâu sắc và lâu đời giải phóng hoàn toàn dân tộc, thống nhất Tổ quốc. Mặt khác, trong tâm hồn yêu nước của những thanh niện đó cũng có cả cái ý chí son sắt một lòng bảo vệ một chế độ xã hội mà mỗi người đều có sự gắn bó máu thịt với nó.

Như vậy là ngay trong bước đi ban đầu của thời kỳ quá độ ở nước ta, chủ nghĩa xã hội mới ra đời đã có một sự hấp dẫn đáng kể, đã làm biến đổi về chất ý niệm về Tổ quốc trong tâm hồn yêu nước Việt Nam. Một ý niệm mới đã xuất hiện, ý niệm về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam, kết hợp trong nó những yếu tố của lịch sử và truyền thống với một thực tại xã hội hết sức ưu việt và tiến bộ, có sức mạnh cổ vũ và động viên chiến đấu rất lớn.

Tuy nhiên, cuộc đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội ở nước ta thực ra mới chỉ bắt đầu. Từ sản xuất nhỏ tiến lên, lại trải qua chiến tranh tàn phá và hiện nay vẫn bị chiến tranh đe dọa, khó khăn không phải là ít. Về một mặt nào đấy ta đã có chủ nghĩa xã hội nhưng về một mặt khác cũng có thể nói rằng ta chưa có chủ nghĩa xã hội. Trong những điều kiện ấy, ý niệm về Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa chưa thể có những biểu tượng đầy đủ và trọn vẹn được.

Ý niệm đó trong trạng thái hiện nay là sự tổng hợp của cả quá khứ, hiện tại và tương lai. Đó là ý niệm về quá khứ với những truyền thống lịch sử anh hùng của dân tộc, về hiện tại với cuộc dấu tranh giữa hai con đường trong xã hội ta và chủ nghĩa xã hội như một chế độ xã hội mới, ưu việt và dầy sức sống đang ra đời nhưng còn đang phải khắc phục rất nhiều nhược điểm và khó khăn. Đó đồng thời cũng phải là ý niệm về tương lai xã hội chủ nghĩa của Tổ quốc ta, cái tương lai huy hoàng nhưng cũng rất thực tế bởi vì nó bắt nguồn chắc chắn từ thực tại hiện nay, từ những thành tựu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta và ở các nước xã hội chủ nghĩa anh em khác.

Sự tổng hợp của cả quá khứ, hiện tại và tương lai trong ý niệm Tổ quốc xã hội chủ nghĩa làm cho ý niệm đó có một chiều sâu, là một sức mạnh động viên và cổ vũ lớn đối với nhân dân và quân đội ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Mặt khác, sự tổng hợp đó cũng chứng tỏ rằng sự ra đời và ngày càng hoàn chỉnh sâu sắc hơn của ý niệm Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong đầu óc con người Việt Nam là một quá trình đấu tranh không kém phần gay gắt, thông qua đó cái mới, cái tiến bộ phải chiến thắng cái cũ, cái lạc hậu, lỗi thời.

Mục tiêu của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta mà Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra là: chế độ mới, nền kinh tế mới, văn hóa mới và con người mới. Chắc chắn rằng đến khi nào những mục tiêu đó được thực hiện thì chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta sẽ trở thành một chủ nghĩa xã hội hiện thực và trong ý niệm về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của mỗi công dân Việt Nam lúc đó, những yếu tố cơ bản tạo thành một xã hội xã hội chủ nghĩa hiện thực đó sẽ chiếm

vị trí chủ đạo, sẽ trở thành những biểu tượng chủ yếu của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa — một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách.

Sự ra đời của Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngay lập tức đặt ra vấn đề phải bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa đó. Cũng như vậy, sự hình thành ý niệm về Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trong đầu óc người công dân Việt Nam cũng tất yếu phải dẫn tới ý thức về nghĩa vụ cơ bản và cấp bách của mỗi người đối với sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc. Điều đó là sự phản ánh trên ý thức của chúng ta về một quy luật khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong điều kiện hiện nay: xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ chủ nghĩa xã hội.

Phân tích sự phát triển không đều của chủ nghĩa tư bản trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và phát triển sáng tạo học thuyết của Mác — Ăng-ghen về cách mạng vô sản, Lê-nin đã kết luận là chủ nghĩa xã hội không thể đồng thời thắng lợi trong tất cả các nước mà trước hết sẽ thắng lợi trong một số nước, thậm chí trong một nước riêng lẻ. Do đó, sự quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới sẽ diễn ra trong một quá trình lịch sử dài, trong quá trình đó, các nhà nước xã hội chủ nghĩa sau khi ra đời luôn luôn sẽ đứng trước những âm mưu và hành động xâm lược và lật đổ của chủ nghĩa tư bản thế giới, của tất cả các thế lực phản động quốc tế.

Trong những điều kiện đó, trong những điều kiện mà « giai cấp tư sản các nước khác trực tiếp muốn tiêu diệt

giai cấp vô sản chiến thắng của nước xã hội chủ nghĩa»[1]. Lê-nin đã phát triển tư tưởng của Ăng-ghen về «sự tự vệ của giai cấp vô sản» sau khi giành được chính quyền, đã đề ra luận điểm nổi tiếng «bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc»[2].

Giải thích một cách hết sức rõ ràng sự thay đổi thái độ của giai cấp công nhân trên vấn đề bảo vệ Tổ quốc trước và sau Cách mạng tháng Mười năm 1917, Lê-nin viết: «Chúng ta là những người chủ trương bảo vệ Tổ quốc kể từ ngày 25 tháng 10 năm 1917»[3]. Lê-nin luôn nhắc nhở mọi cán bộ, đảng viên, mọi công dân xô-viết: «Hãy đề phòng, hãy chăm lo đến khả năng quốc phòng của ta và của Hồng quân ta như chăm lo đến con ngươi trong mắt mình»[4]. Lê-nin cũng đã kịch liệt phê phán chủ nghĩa cơ hội, xu hướng lơ là cảnh giác coi nhẹ sự nghiệp củng cố quốc phòng bảo vệ vững chắc Tổ quốc, coi đó là một tội lỗi không thể dung thứ được.

Diễn biến thực tế của các cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa đã hoàn toàn chứng minh cho những luận điểm trên đây của Lê-nin. Thời kỳ nội chiến bảo vệ chính quyền xô-viết sau Cách mạng tháng Mười chống bọn phản động trong nước và bọn can thiệp nước ngoài, chiến tranh bảo vệ Tổ quốc xô-viết chống phát xít xâm lược trong đại chiến thế giới lần thứ hai; việc dập tan những âm mưu và hoạt động gây bạo loạn và can thiệp vũ trang của bọn đế quốc chống một số nước xã hội chủ nghĩa châu Âu năm 1957, năm 1968; những âm mưu của bọn đế quốc và bọn phản động Bắc Kinh chống các nước

---

1. V.I Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1963, t. 23, tr. 100.

2, 3. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1971, t. 27, tr. 202.

4. V.I. Lê-nin, *Toàn tập*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1970, t.33, tr. 217.

ở châu Mỹ la-tinh, ở châu Phi, ở Nam Á mới bước vào quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa trong những năm gần đây; việc tất cả bọn đế quốc và tập đoàn phản động Bắc Kinh đang ồn ào, khiêu khích, xúi giục những hành động phản cách mạng nhằm xóa bỏ những thành quả xã hội chủ nghĩa hiện nay ở Ba Lan, v.v. tất cả những sự kiện đó đã chứng tỏ rằng thực tế đấu tranh giai cấp trên vũ đài thế giới đòi hỏi các đảng cộng sản cầm quyền phải luôn luôn tuân theo những lời dạy của Lê-nin, không một phút nào được sao lãng nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị, luôn luôn sẵn sàng bảo vệ thành quả của chủ nghĩa xã hội thế giới.

Tình hình thực tế của đất nước ta trong những năm qua cũng hoàn toàn chứng minh cho học thuyết của chủ nghĩa Mác — Lê-nin về vấn đề bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Từ mùa xuân năm 1975 trở đi, ngay trong bước chuyển của cả nước ta sang một giai đoạn chiến lược mới, Đảng ta đã đề ra trước toàn Đảng, toàn dân và toàn quân nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta.

Phân tích những đặc điểm cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta trong giai đoạn mới, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ rõ: «Cuộc đấu tranh «ai thắng ai» giữa thế lực cách mạng và thế lực phản cách mạng trên thế giới còn gay go, quyết liệt»[1] và: «Chừng nào còn chủ nghĩa đế quốc trên thế giới thì chúng ta còn phải chú ý đầy đủ hiện đại hóa lực lượng quốc phòng và khả năng phòng thủ của đất nước»[2]. Ngay trong quan niệm về nội dung làm chủ tập

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 18.

2. *Như trên*, tr. 65.

thể xã hội chủ nghĩa, Nghị quyết Đại hội lần thứ tư của Đảng ta cũng quán triệt mối quan hệ giữa xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ chủ nghĩa xã hội, một quy luật cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay. « Làm chủ tập thể về chính trị đòi hỏi phải bảo vệ vững chắc chủ nghĩa xã hội, bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa đi đôi với xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phải luôn luôn đề cao cảnh giác, sẵn sàng dập tan mọi âm mưu và hành động phá hoại và xâm lược của bất cứ kẻ thù nào »[1]. Và chính vì nhận thức rõ quy luật đó mà yêu cầu « không ngừng đề cao cảnh giác, thường xuyên củng cố quốc phòng, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự xã hội »[2] trở thành một nội dung không thể thiếu được trong đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta.

Từ Đại hội lần thứ tư đến nay, sự phát triển dồn dập và phức tạp của tình hình thế giới, của tình hình khu vực chung quanh nước ta, cũng như của tình hình đấu tranh giai cấp trong nước ta đã hoàn toàn chứng minh cho những luận điểm trên đây của Đại hội.

Tình hình thế giới trong thời kỳ « sau Việt Nam » chứng tỏ rằng so sánh lực lượng giữa cách mạng và phản cách mạng trên thế giới tiếp tục thay đổi một cách mạnh mẽ và ngày càng có lợi cho hòa bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Ba dòng thác cách mạng hơn bao giờ hết đang có thế và lực tiến công vào mọi trận địa của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động quốc tế và đã giành được những thắng lợi rực rỡ, dồn dập. Tuy nhiên, không nên hiểu tình hình đó một cách đơn giản một chiều.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư*, Nhà xuất bản Sự thật, Hà Nội, 1977, tr. 21.

2. *Như trên*, tr. 29.

Sự suy yếu tương đối của chủ nghĩa đế quốc, đứng đầu là đế quốc Mỹ không có nghĩa là chúng cam chịu dễ dàng rời bỏ hết trận địa này đến trận địa khác. Chính vì chúng suy yếu và đứng trước tình hình sự tồn tại của bản thân chế độ tư bản bị đặt thành vấn đề, nên chúng sẽ tìm mọi cách phản kích điên cuồng. Chúng đang tập hợp lực lượng, đang kích động tâm lý dân tộc sô-vanh và lòng tự ái dân tộc của người Mỹ, đẩy mạnh chạy đua vũ trang, muốn đầu độc bầu không khí thế giới bằng cách trở lại dưới một hình thức nào đấy những chính sách của thời kỳ chiến tranh lạnh trước đây. Trong âm mưu phản kích này, chúng đặc biệt hy vọng ở tập đoàn phản động Bắc Kinh, coi đó là một « nhân tố chiến lược » mới để thay đổi lại so sánh lực lượng có lợi cho chúng. Đối với Đông Dương và Việt Nam cũng như đối với toàn vùng Đông-Nam Á, sau một thời gian ngắn hoảng hốt và dao động về chiến lược do thảm bại ở Việt Nam năm 1975, đế quốc Mỹ đã khẳng định lại vai trò chiến lược của chúng ở Đông-Nam Á và Đông Dương, khẳng định ý đồ chiến lược tiếp tục chống phá phong trào cách mạng ở Đông-Nam Á, nhất là chống phá cách mạng ba nước Đông Dương.

Sự xuất hiện của chủ nghĩa bành trướng và bá quyền nước lớn Trung Quốc, việc tập đoàn phản động Trung Quốc triển khai chiến lược bành trướng và bá quyền của chúng ở vùng Đông-Nam Á, việc chúng thực hiện một cách ráo riết và toàn diện âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta, chia rẽ ba nước Đông Dương, ngày càng câu kết sâu hơn với chủ nghĩa đế quốc, với đế quốc Mỹ, với Nhật Bản, cam tâm làm tên lính xung kích của chủ nghĩa đế quốc ; việc chúng đang âm mưu tập hợp tất cả những lực lượng phản động của ba nước Đông Dương, của các nước trong khối ASEAN để chống phá cách mạng nước ta, cách mạng Lào và Cam-pu-chia đang đòi hỏi nhân dân ta phải có tinh thần cảnh giác thường xuyên, ra

sức nâng cao sức mạnh chiến đấu của mình, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và thủ đoạn của chúng.

Như đồng chí Lê Duẩn, Tổng bí thư Ban chấp hành Trung ương Đảng ta đã chỉ rõ, tình hình và nhiệm vụ hiện nay của chúng ta là: «Hiện nay, đất nước ta tuy có hòa bình, song phải luôn luôn chuẩn bị chống chiến tranh xâm lược của bọn phản động Bắc Kinh. Câu kết với đế quốc Mỹ và các thế lực phản động khác, nhà cầm quyền Trung Quốc đang ráo riết tiến hành chính sách phá hoại về chính trị, quân sự, kinh tế, ngoại giao, cản trở chúng ta xây dựng chủ nghĩa xã hội, hòng làm suy yếu và thôn tính nước ta, để tiến lên thực hiện giấc mơ bành trướng, bá quyền trong vùng Đông-Nam châu Á.

Trong tình hình đó, chúng ta phải đề cao cảnh giác, chăm lo tăng cường quốc phòng, đặt một phần đất nước trong tình trạng sẵn sàng chiến đấu, đồng thời phải có những cố gắng cao nhất nhằm đưa nước nhà tiến lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thành một nước vững mạnh về mọi mặt: chính trị, kinh tế, văn hóa, quốc phòng, một nước có kinh tế công-nông nghiệp hiện đại, có văn hóa, khoa học, kỹ thuật tiên tiến, có đời sống văn minh, hạnh phúc»[1].

Từ những tình hình trên đây có thể thấy rằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta càng phải tuân theo một cách nghiêm ngặt một trong những quy luật phổ biến của mọi cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời đại ngày nay là xây dựng chủ nghĩa xã hội phải đi đôi với bảo vệ công cuộc xây dựng đó chống những kẻ thù bên trong, bên ngoài, bảo vệ chủ nghĩa xã hội với tính cách là Tổ quốc như Lê-nin đã dạy.

---

1. Lê Duẩn, *Hiến pháp mới, hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, báo Nhân dân, ngày 15-12-1980.

Nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vừa là một nhiệm vụ cơ bản, lâu dài của cuộc cách mạng nước ta hiện nay, vừa là một nhiệm vụ luôn luôn có tính cấp bách, khẩn trương trước mắt. Chính hoàn cảnh đặc thù của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa ở nước ta đòi hỏi chúng ta phải nhận thức cho hết tính chất phức tạp của nhiệm vụ đó để vận dụng một cách sáng tạo quy luật phổ biến trên đây phù hợp với những đòi hỏi của thực tế khách quan.

Trong điều kiện của nước ta, công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc không những phải tiến hành đồng thời, không được coi nhẹ một mặt nào mà còn phải được kết hợp một cách hữu cơ và khăng khít với nhau đến mức là một quá trình thống nhất không thể tách rời được. Đó là vì chiến lược của kẻ thù phá hoại, làm suy yếu và thôn tính chúng ta cũng là một chiến lược tổng hợp; đánh ta toàn diện. Việc phá hoại và kìm hãm quá trình xây dựng kinh tế và văn hóa là điều kiện không thể thiếu được để chúng xâm lược và thôn tính nước ta. Vì vậy, trong chiến lược của cách mạng nước ta, hai mặt xây dựng và bảo vệ cũng phải xâm nhập lẫn nhau, làm điều kiện cho nhau để phát triển. Bất cứ một sự tách rời nào trong nhận thức và hành động xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc đều là sai lầm, đều không phù hợp với yêu cầu khách quan và đều có hại cho cả công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội lẫn sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc.

Do chiến lược của kẻ địch như vậy cho nên sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc không phải chỉ nổi lên khi xảy ra chiến tranh xâm lược. Sự nghiệp đó ở nước ta ngày nay là một sự nghiệp thường xuyên, hàng ngày. Ở tất cả các nước xã hội chủ nghĩa, khi chưa có chiến tranh, trong lao động hòa bình xây dựng đều phải chú trọng xây dựng tiềm lực quốc phòng, chuẩn bị sẵn sàng cho chiến tranh. Ở nước

ta, yêu cầu chung cũng phải như vậy, Tuy nhiên, chỗ khác nhau là ở chỗ nước ta hiện nay chưa có điều kiện hòa bình và tương đối ổn định vững chắc để tập trung sức vào công cuộc xây dựng. Đất nước ta tuy hiện nay có hòa bình, song luôn luôn bị chiến tranh của bọn bành trướng và bá quyền Trung Quốc đe dọa, luôn luôn phải chuẩn bị sẵn sàng để chống lại mọi hình thức và quy mô chiến tranh xâm lược của chúng. Vả chăng, tuy hiện nay chưa có chiến tranh dưới hình thức đấu tranh vũ trang nhưng cuộc chiến tranh dưới những hình thức khác đang hàng ngày hàng giờ diễn ra quyết liệt: chiến tranh tâm lý và gián điệp, chiến tranh kinh tế, chiến tranh ngoại giao, v.v mang tính chất một cuộc chiến tranh phá hoại kiềm chế.

Cũng do âm mưu và thủ đoạn chiến lược của kẻ thù mà sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta phải kết hợp chặt chẽ chống kẻ thù xâm lược bên ngoài với kẻ thù của độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội bên trong nước, kết hợp chống kẻ thù dân tộc với kẻ thù giai cấp, kết hợp chống chiến tranh xâm lược với âm mưu bạo loạn, lật đổ phản cách mạng bên trong, kết hợp công cuộc củng cố quốc phòng với bảo đảm trật tự xã hội và an ninh của đất nước.

Nước ta đang ở trong thời kỳ quá độ từ một nền sản xuất nhỏ lạc hậu lên chủ nghĩa xã hội. Chủ nghĩa xã hội đang giữ những vị trí ưu thế và đã giành được những thắng lợi quan trọng trong đời sống xã hội ta, nhưng cuộc đấu tranh giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, giữa con đường tư bản chủ nghĩa và con đường xã hội chủ nghĩa đang diễn ra quyết liệt và phức tạp. Thế lực tự phát tư bản chủ nghĩa, tính vô chính phủ của một xã hội còn nặng tính chất sản xuất nhỏ làm tăng thêm những khó khăn vốn có về kinh tế của chúng ta, đang là động mình tự nhiên của những thế lực xâm lược và phản động. Thắng lợi trọn vẹn năm 1975, dập tan chế độ thực dân

mới ở miền Nam nước ta đã diễn ra một cách cực kỳ nhanh chóng, long trời lở đất nhưng chính vì như vậy nên những mảnh vụn mà chế độ đó để lại hết sức ngổn ngang đòi hỏi nhiều công phu dọn dẹp. Những thế lực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội chống đối độc lập và thống nhất Tổ quốc, chống đối chủ nghĩa xã hội tuy đã bị trấn áp và cải tạo một bước nhưng vẫn còn tồn tại trong xã hội. Trong khi đó bọn phản động Trung Quốc câu kết với đế quốc lại có hẳn một chiến lược tập hợp tất cả các thế lực phản động, chống đối trong nước ta để phá hoại và làm suy yếu chúng ta về mọi mặt, đánh chúng ta về mọi mặt, kể cả đánh vào chính trị, tư tưởng và tổ chức của Đảng ta, chuẩn bị điều kiện để đi tới thôn tính nước ta bằng nhiều cách, trong đó cách gây bạo loạn diễn biến phản cách mạng từ bên trong được coi là thượng sách.

Trong những hoàn cảnh và điều kiện như vậy, sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa hiện nay là một sự nghiệp vừa cơ bản, lâu dài, vừa cấp bách, khẩn trương, có một nội dung hết sức tổng hợp, toàn diện và đa dạng đòi hỏi sự nỗ lực tối đa, đòi hỏi ý chí và nghị lực phi thường, tài năng toàn diện của toàn thể nhân dân và quân đội ta. Một sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc như vậy tất yếu đòi hỏi chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam phải có một bước phát triển nhảy vọt về chất lượng.

Ngày nay, bọn xâm lược là bọn phản bội và phản động quốc tế xấu xa nhất trong thời đại, có những âm mưu đen tối nhất đối với nhân dân ta nhưng lại vẫn núp dưới ngọn cờ Mác — Lê-nin, ngọn cờ chủ nghĩa xã hội giả hiệu. Chúng muốn thôn tính nước ta để thực hiện giấc mộng tràn xuống Đông - Nam Á nhưng lại ngụy trang ý đồ phản động đó, lại xảo quyệt trình bày âm mưu đó như ý đồ chống chủ nghĩa bá quyền, chống đại bá và tiểu bá, lại giấu kín các mục đích phi nghĩa của chúng dưới hình thức một cuộc đấu tranh về lý luận và đường lối, tự xưng là

đại diện cho chủ nghĩa Mác — Lê-nin chân chính, chống xét lại cơ hội.

Vì vậy, ngày nay, ở nước ta cuộc đấu tranh để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa vừa là để bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, vừa là bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa đang được xây dựng trên đất nước ta, bảo vệ sự trong sáng của hệ tư tưởng Mác — Lê-nin, bảo vệ đường lối và tổ chức của Đảng ta chống lại mọi sự xuyên tạc, vu cáo hèn hạ và phá hoại thâm độc của kẻ thù.

Trong một sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc với một tính chất và nội dung phong phú như vậy, chỉ có một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa kết hợp chặt chẽ trong nội dung của nó lòng yêu nước truyền thống nồng nàn và mãnh liệt với lòng yêu chế độ xã hội chủ nghĩa đang ra đời và sẽ ngày càng phát triển và hoàn thiện hơn nữa trong tương lai, một chủ nghĩa yêu nước có sự gắn bó máu thịt, thân thiết của nhân dân và quân đội ta với chế độ đó thì mới có thể tạo ra sức mạnh và động lực tinh thần trực tiếp đưa nhân dân và quân đội ta vượt qua mọi khó khăn gian khổ, ác liệt để giành thắng lợi huy hoàng.

Cuộc chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa ngày nay còn đòi hỏi mỗi cán bộ và chiến sĩ quân đội ta phải kết hợp trình độ yêu nước cao với trình độ giác ngộ cao về chủ nghĩa Mác — Lê-nin, về trình độ quán triệt sâu sắc đường lối chính sách của Đảng ta, biết phân biệt phải trái, trắng đen một cách rõ rệt trên rất nhiều vấn đề chính trị phức tạp trong nước và trên thế giới. Nói một cách khác, mỗi một người Việt Nam muốn là một chiến sĩ yêu nước triệt để và sâu sắc, đấu tranh không mệt mỏi cho sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc ngày nay thì nhất thiết phải nâng mình lên tiếp cận trình độ chính trị và tư tưởng của những chiến sĩ tiền phong của giai

cấp công nhân Việt Nam, phải đứng vững trên lập trường của Đảng ta.

Từ xưa đến nay, chủ nghĩa yêu nước có những biểu hiện khác nhau, khi chưa có nguy cơ xâm lược trực tiếp, khi chiến tranh chưa xảy ra và khi cuộc chiến tranh chống xâm lược đã xảy ra. Thông thường, khi chưa có chiến tranh, chủ nghĩa yêu nước ở trong trạng thái tiềm tàng và chỉ đến chiến tranh mới biểu hiện thành cao trào yêu nước, thành một dòng sông mênh mông cuốn phăng tất cả bọn cướp nước và bán nước, như Bác Hồ đã tổng kết lịch sử dân tộc ta. Sự ra đời của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam không thay đổi được sự khác nhau trong hình thức biểu hiện và cường độ sức mạnh của chủ nghĩa yêu nước trong thời bình và thời chiến như đã diễn ra trong các thế kỷ trước đây. Tuy nhiên, do chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa có một bản chất giai cấp và nội dung xã hội hoàn toàn khác trước cho nên sự khác nhau đó diễn ra theo một quy luật hoàn toàn khác trước.

Xã hội phong kiến Việt Nam trước đây được xây dựng trên cơ sở đối kháng giai cấp sâu sắc giữa giai cấp địa chủ phong kiến và nông dân lao động. Khi chưa có nguy cơ xâm lược và họa diệt vong của dân tộc, thì mâu thuẫn chủ yếu nổi lên trong xã hội là mâu thuẫn giữa giai cấp địa chủ và giai cấp nông dân. Trong những điều kiện như vậy, chủ nghĩa yêu nước chỉ được biểu hiện ra mạnh mẽ trong chiến tranh cứu nước, chỉ có thể là một chủ nghĩa yêu nước trong chiến tranh mà thôi. Hơn nữa tùy theo tính chất của chiến tranh, chiến tranh giải phóng hay chiến tranh bảo vệ Tổ quốc mà mức độ và diễn biến cụ thể của cao trào yêu nước lại có thể khác nhau nữa.

Chiến tranh giải phóng thường là sự tiếp tục của cuộc khởi nghĩa vũ trang toàn dân, cuộc khởi nghĩa này nảy sinh khi mâu thuẫn giữa toàn dân tộc với sự thống trị của

bọn xâm lược phương Bắc đã đến cực điểm và mâu thuẫn giai cấp trong nước đã lui xuống hàng thứ yếu rồi, cho nên cao trào cứu nước nói chung xuất hiện một cách mạnh mẽ ngay từ đầu và là động lực tinh thần của cuộc chiến tranh giải phóng. Trong trường hợp chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, tình hình không nhất định diễn ra như vậy. Chiến tranh bảo vệ Tổ quốc diễn ra khi quân thù phát động chiến tranh xâm lược từ ngoài đến. Nhà nước phong kiến dân tộc phải đứng ra lãnh đạo và tổ chức cuộc kháng chiến bảo vệ đất nước. Tùy theo sự vận động và mức độ gay gắt của những mâu thuẫn giai cấp trong nội bộ dân tộc, tùy theo nhà nước phong kiến đó đang lên, đóng vai trò tiến bộ với dân tộc hay đã đi xuống, trở thành phản động mà cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc đó có hay chưa có đầy đủ một cao trào yêu nước làm cơ sở tinh thần cho cuộc chiến tranh.

Chúng ta thấy khi thế cuộc kháng chiến của nhà Lý chống quân xâm lược Tống, của nhà Trần chống quân xâm lược Nguyên Mông diễn ra khác với khi thế nhà Hồ chống quân Minh, nhà Nguyễn chống Pháp. Ngay cả khi quân xâm lược Thanh tiến vào Bắc Hà, quân Tây Sơn cũng chưa thề có ngay được một cao trào yêu nước bột khởi của sĩ phu và nhân dân Bắc Hà làm cơ sở tinh thần cho cuộc chiến đấu bảo vệ Tổ quốc của mình. Cao trào đó phải xuất hiện muộn hơn một chút, sau khi quân xâm lược đã vào được đến Thăng Long và đã nhanh chóng bộc lộ tất cả tính chất phi nghĩa, tàn bạo và giả nhân giả nghĩa của chúng.

Xã hội nước ta hiện nay là một xã hội đang quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Mâu thuẫn giai cấp vẫn còn, cuộc đấu tranh giữa hai con đường vẫn diễn ra một cách quyết liệt theo công thức «ai thắng ai». Tuy nhiên, kết cục của cuộc đấu tranh đã rõ ràng, chủ nghĩa xã hội hiện nay đã giành được những thắng lợi quyết định, đang chiếm những

vị trí then chốt trong đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... Cùng với quá trình cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội càng tiến lên nữa thì trong lòng xã hội ta, những đối kháng giai cấp ngày càng mất đi, sự thống nhất về chính trị và tinh thần ngày càng là nhân tố chủ yếu của bộ mặt tinh thần của đất nước.

Trong một hoàn cảnh và điều kiện xã hội như vậy, ngay trong công cuộc xây dựng kinh tế và văn hóa, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đã phát sinh tác dụng và đóng vai trò một động lực tinh thần cùng với những động lực tinh thần khác, là cơ sở tinh thần của những hành động anh hùng trên mặt trận lao động, xây dựng đất nước. Bản thân công cuộc xây dựng này tự nó đã có ý nghĩa là công cuộc bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa rồi, tự nó đã có ý nghĩa là tiến hành một cuộc chiến tranh trên mặt trận kinh tế để đánh bại những mục tiêu chiến lược của địch, thực hiện mục tiêu chiến lược của ta.

Trên cơ sở ra đời của một xã hội xã hội chủ nghĩa, của một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa đóng vai trò động lực tinh thần của quân dân ta thì cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa rồi đây dù có diễn ra dưới bất cứ hình thức và quy mô nào đều sẽ có ngay lập tức một cao trào yêu nước rộng lớn và sâu sắc, chiến đấu kiên cường và dũng mãnh chặn đứng quân xâm lược ngay trên tuyến đầu và trong thời gian đầu. Toàn quốc sẽ trở thành một mặt trận, mọi người Việt Nam sẽ trở thành người chiến sĩ bảo vệ Tổ quốc bằng mọi vũ khí, trên mọi lĩnh vực. Bọn bành trướng Trung Quốc, bọn đế quốc cùng bọn tay sai của chúng sẽ bị nhấn chìm và cuốn phăng bởi dòng sông yêu nước Việt Nam rộng lớn hơn, mạnh mẽ hơn bởi vì trong lòng nó chứa đựng tất cả sức mạnh của truyền thống và của thời đại. Đó là điều chắc chắn!

Một chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa Việt Nam với một nội dung sâu sắc và phong phú như vậy chắc chắn sẽ tạo nên một chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam phát triển đến một trình độ mới, toàn diện hơn và sâu sắc hơn. Trên cơ sở của một tư tưởng yêu nước như vậy, chắc chắn rằng sẽ nảy sinh ra một cao trào cách mạng của đông đảo quần chúng nhân dân với vô vàn những hành động anh hùng của những con người Việt Nam, của những tập thể đơn vị xã hội chủ nghĩa và yêu nước, trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của sự nghiệp bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Dân tộc ta là một dân tộc anh hùng! Chủ nghĩa anh hùng là một hiện tượng xuất hiện rất sớm trong lịch sử Việt Nam và là một truyền thống lâu đời của dân tộc ta. Chủ nghĩa đó là một hệ quả tất yếu và là một nội dung bên trong không thể thiếu của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam. Chắc chắn rằng bước sang giai đoạn cách mạng hiện nay, nhân dân ta sẽ tiếp tục phát huy truyền thống anh hùng và sẽ đưa truyền thống đó phát triển đến những đỉnh cao mới.

Là một quân đội anh hùng, con đẻ của một nhân dân anh hùng, trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước vừa qua, chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội ta đã thể hiện một cách rực rỡ. Ngày nay, cần phải phát huy chủ nghĩa anh hùng đó lên một trình độ mới, hoàn thành một cách thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa của chúng ta.

Là một công cụ bạo lực sắc bén của Đảng, làm nòng cốt cho phong trào toàn dân đánh giặc, nhiệm vụ chủ yếu, hàng đầu của quân đội ta hiện nay là nhiệm vụ sẵn sàng chiến đấu và chiến đấu. Chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong quân đội cũng phải trước hết và chủ yếu thể hiện ở trên lĩnh vực này. So với giai đoạn chống Mỹ, cứu

nước, về một mặt nào dấy, nhiệm vụ sẵn sàng chiến dấu và chiến dấu hiện nay của quân đội ta có phần phức tạp hơn, toàn diện hơn. Chúng ta phải hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chiến dấu trong mọi hình thức chiến tranh. chúng ta phải có một bản lĩnh chiến dấu cao dáp ứng yêu cầu đa dạng của mọi hình thức tác chiến mà cuộc chiến tranh nhân dân bảo vệ Tổ quốc cũng như nhiệm vụ quốc tế đòi hỏi. Chúng ta phải chiến dấu giỏi khi có yêu cầu chiến dấu, đồng thời phải sẵn sàng chiến dấu cao, phải dáp ứng những yêu cầu sẵn sàng chiến dấu trước mắt đồng thời dáp ứng cả những yêu cầu nâng cao sức mạnh chiến dấu một cách cơ bản, lâu dài, phải kết hợp quá trình chiến dấu với quá trình xây dựng tốt hơn, toàn diện hơn, phải làm cho quân đội hễ có lệnh chiến dấu là chiến dấu thắng lợi đồng thời vẫn dầy nhanh không ngừng quá trình xây dựng chính quy và hiện đại hóa quân đội.

Tình hình và nhiệm vụ đòi hỏi trong quân đội ta phải phát triển một chủ nghĩa anh hùng cách mạng sâu sắc và rộng rãi hơn bao giờ hết. Chủ nghĩa anh hùng dó là một chủ nghĩa anh hùng trong chiến dấu vũ trang trên chiến trường, đồng thời là một chủ nghĩa anh hùng trong mọi hoạt động của quân đội, trong cuộc đấu tranh gian khổ hàng ngày để rèn luyện nên những phẩm chất và kỹ năng mới đáp ứng những yêu cầu ngày càng cao của một quân đội nhân dân cách mạng, chính quy, hiện đại.

Hoàn cảnh đất nước ta vừa phải khẩn trương tăng cường công cuộc chuẩn bị phòng thủ, bảo vệ đất nước, vừa đầy mạnh sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, dĩ nhiên có làm cho công cuộc xây dựng đất nước khó khăn hơn. Khó khăn dó kẻ thù tạo ra để thực hiện âm mưu làm suy yếu và thôn tính nước ta, âm mưu trường kỳ tiêu hao, trường kỳ phá hoại chúng ta. Tuy nhiên về một phương diện khác, chính hoàn cảnh dó, hoàn cảnh có nguy cơ xâm lược thường trực từ bên ngoài dó lại có thể thúc

đày những sức mạnh tinh thần mới của dân tộc ta phát triển mạnh mẽ hơn.

Tình hình đó sẽ dẫn đến sự huy động và tập hợp tất cả các ngọn trào tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam thành một con sông lớn của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tất cả các lĩnh vực hoạt động của đời sống Việt Nam hiện nay đều trở thành một bộ phận của cuộc đấu tranh chung của dân tộc ta cho độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội và chỉ là những biểu hiện nhiều mặt của một nội dung chung đó mà thôi. Trong những điều kiện như thế, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa sẽ đóng một vai trò lớn lao hơn nhiều, phát triển cả về bề rộng và bề sâu, không những trên lĩnh vực chiến đấu mà cả trên lĩnh vực sản xuất. Ngọn trào yêu nước đó sẽ xâm nhập vào mọi mặt của đời sống sẽ thúc đẩy sự ra đời của một cao trào cách mạng sôi động của quần chúng nhân dân ta trong những năm tới đây.

KẾT LUẬN

Từ hàng chục thế kỷ nay, lịch sử dân tộc ta là lịch sử của một quá trình dựng nước và giữ nước song song với nhau. Cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta lãnh đạo đang diễn ra hiện nay về một phương diện nào đấy cũng là sự tiếp tục quá trình đó, dĩ nhiên tiếp tục trong những điều kiện và hoàn cảnh mới với những nội dung hoàn toàn khác về chất.

Một mặt, cuộc cách mạng ấy phải tiếp tục giải quyết vấn đề độc lập dân tộc, bảo vệ vững chắc nền độc lập tự do đã giành được, mặt khác và đây là điều chủ yếu nó phải giải quyết thành công vấn đề xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta theo những đòi hỏi của sự phát triển bên trong của xã hội ta, theo xu thế và nội dung của thời đại mới, thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Một cuộc cách mạng như vậy đòi hỏi phải có những con người Việt Nam kiểu mới, những con người Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Chưa bao giờ đời sống tinh thần Việt Nam lại đang cần phải có một sự phát triển nhảy vọt, sâu sắc và phong phú như hiện nay. Sự xen kẽ và xâm nhập lẫn nhau giữa đấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp, giữa đấu tranh xã hội và đấu tranh với tự nhiên, giữa cải tạo và xây dựng, giữa xây dựng đất nước và bảo vệ

đất nước; tầm vóc lớn lao và nội dung phức tạp, đa dạng của cuộc cách mạng... tất cả những cái đó đang đòi hỏi ở con người Việt Nam chúng ta những khả năng phi thường. Bao nhiêu cái mới mẻ đang ra đời hoặc đang đòi hỏi được ra đời! Tự bản thân cuộc sống mới đang yêu cầu chúng ta phải đánh giá lại bản thân mình, đánh giá lại một cách khoa học và cách mạng những giá trị tinh thần đã hình thành từ lâu đời của mình để định một thái độ rõ rệt và dứt khoát.

Từ hằng ngàn năm nay, tư tưởng yêu nước đã hình thành và phát triển trong tâm hồn người Việt Nam và trở thành động lực tinh thần chủ yếu của con người Việt Nam trong cuộc đấu tranh giữ nước và dựng nước. Từ khi Đảng ta ra đời và lãnh đạo cuộc cách mạng Việt Nam đến nay, chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam, tinh hoa trong truyền thống bốn nghìn năm của dân tộc đã được phát triển lên một trình độ mới, đã trở thành một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới, chủ nghĩa yêu nước theo lập trường của giai cấp công nhân, lập trường cách mạng và khoa học của chủ nghĩa Mác — Lê-nin.

Từ năm 1954 trở đi, trong khi toàn bộ sức lực của dân tộc ta còn dồn vào nhiệm vụ chung của cả dân tộc là giải phóng hoàn toàn đất nước thì trên miền bắc đã giải phóng, công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội đã bắt đầu. Điều đó đã làm xuất hiện trong nội dung chủ nghĩa yêu nước Việt Nam những mầm mống đầu tiên của lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, của sự thống nhất giữa lòng yêu nước với lòng yêu chế độ xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên, nhìn một cách tổng quát thì nội dung của chủ nghĩa yêu nước Việt Nam trong thời kỳ này về cơ bản vẫn phản ánh yêu cầu của sự kết hợp hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội trong một giai đoạn cách mạng mà nội dung chủ yếu vẫn là hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc một cách trọn vẹn

theo lời kêu gọi của Bác Hồ « Không có gì quý hơn độc lập, tự do ».

Tình hình đã thay đổi một cách cơ bản từ mùa xuân năm 1975. Với việc cả nước ta đã độc lập, thống nhất cùng tiến lên chủ nghĩa xã hội, nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa trở thành nhiệm vụ hàng đầu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, sự kết hợp hai ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội của Đảng ta bắt đầu có những nội dung hết sức mới mẻ, khác trước. Tình hình đó đòi hỏi chủ nghĩa yêu nước Việt Nam phải phát triển lên một trình độ chất lượng mới, phải trở thành chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa với những yêu cầu toàn diện và triệt để.

Chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa là sự thống nhất lòng yêu Tổ quốc và lòng yêu chủ nghĩa xã hội. Đó là một định nghĩa tổng quát nhất về chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. Tuy nhiên để có được lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa, con người Việt Nam ngày nay phải có nhiều phẩm chất tinh thần khác nữa, phải có sự phát triển toàn diện. Nội dung của chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa phong phú hơn và chứa đựng nhiều quan hệ bản chất hơn so với nội dung chủ nghĩa yêu nước trước đây.

Ngày nay, sự phát triển của lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa đòi hỏi một trình độ giác ngộ xã hội chủ nghĩa chung của con người; giải quyết đúng đắn các mối quan hệ giữa cá nhân và xã hội, thể hiện trình độ làm chủ cao của con người đối với xã hội, đối với tự nhiên và đối với bản thân mình; xác định một thái độ đúng đối với lao động sáng tạo ra cuộc sống mới; thể hiện tinh thần cảnh giác và sẵn sàng chiến đấu cao bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa; giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa quốc gia và quốc tế, lòng yêu nước nồng nàn kết hợp với một tinh thần quốc tế vô sản trong sáng, v.v. Nói một cách khác, sự hình thành và phát triển của chủ nghĩa yêu nước

xã hội chủ nghĩa chỉ có thể nằm trong sự hình thành và phát triển chung của con người mới xã hội chủ nghĩa Việt Nam với những đặc trưng cơ bản mà Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ tư của Đảng ta đã chỉ ra.

Đối với quân đội ta, việc giáo dục xây dựng hệ tư tưởng Mác — Lê-nin nói chung và chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa nói riêng có một ý nghĩa cực kỳ quan trọng để tăng cường bản chất giai cấp công nhân, để bồi dưỡng nhân tố chính trị và sức mạnh tinh thần mới cho quân đội ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, quân đội ta cần cùng với toàn dân ra sức tiến hành ba cuộc cách mạng, tiến hành cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa trong toàn xã hội cũng như trong nội bộ lực lượng vũ trang, thúc đẩy quá trình ra đời nhanh chóng của con người mới xã hội chủ nghĩa trong lực lượng vũ trang mà một đặc trưng nổi bật là có lòng yêu nước xã hội chủ nghĩa.

Chỉ có như vậy, chúng ta mới có thể có đủ sức mạnh tinh thần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ xây dựng đất nước cũng như bảo vệ đất nước trong những cuộc chiến đấu vô cùng gay go và quyết liệt sẽ diễn ra vào những thập kỷ cuối cùng của thế kỷ hai mươi này.

MỤC LỤC

Trang

Chương một

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC TRUYỀN THỐNG VIỆT NAM 3

— Một truyền thống lâu dời và vô giá 4

— Dấu tranh dân tộc và đấu tranh giai cấp trong lịch sử tư tưởng Việt Nam 8

— Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống công xã ở Việt Nam 15

— Chủ nghĩa yêu nước và truyền thống dân chủ và nhân ái 22

— Nội dung giai cấp của chủ nghĩa yêu nước truyền thống Việt Nam. 33

Chương hai

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA — CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC KIỂU MỚI Ở VIỆT NAM 39

— Sự ra đời của một chủ nghĩa yêu nước kiểu mới ở nước ta 40

— Chủ nghĩa yêu nước kiểu mới trong giai đoạn đấu tranh giành độc lập tự do 46

— Chủ nghĩa yêu nước trong giai đoạn cách mạng hiện nay, chủ nghĩa yêu nước xã hội chủ nghĩa. 59

Chương ba

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ TƯ TƯỞNG LÀM CHỦ TẬP THỂ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA 70

— Tư tưởng làm chủ cá thể ở Việt Nam 72

— Sự ra đời của tư tưởng làm chủ tập thể ở nước ta và cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân 83

— Làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc của quân đội ta. 93

Chương bốn

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CÔNG CUỘC LAO ĐỘNG SÁNG TẠO XÂY DỰNG MỘT XÃ HỘI MỚI 102

— Một chủ nghĩa yêu nước trong công cuộc xây dựng đất nước 103
— Thái độ mới của con người Việt Nam đối với lao động 107
— Thái độ mới đối với khoa học và kỹ thuật 121
— Một quân đội của những người lao động xã hội chủ nghĩa. 130

Chương năm

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ CHỦ NGHĨA QUỐC TẾ VÔ SẢN 136

— Chủ nghĩa yêu nước gắn liền làm một với chủ nghĩa quốc tế vô sản 136
— Tinh thần quốc tế vô sản — một truyền thống quý báu và một sức mạnh tinh thần của nhân dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay.

Chương sáu

CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ SỰ NGHIỆP BẢO VỆ TỔ QUỐC VIỆT NAM 165

— Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa 166
— Bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, một nhiệm vụ cơ bản và cấp bách 183

Kết luận 199

MẤY VẤN ĐỀ VỀ CHỦ NGHĨA YÊU NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA Ở VIỆT NAM

Chịu trách nhiệm bản thảo: HOÀNG NGỌC THIẾT
Trình bày: HUY DU — Sửa bản in: NGUYỄN THỊ HÒA
Bìa: NGUYỄN NGHIỆM
Nhà xuất bản Quân đội nhân dân — 23 Lý Nam Đế — Hà Nội — Dây nói: 55766

Bắt đầu in: ngày 6-6-1981. In xong: tháng 8-1981. Nộp lưu chiểu: tháng 8-1981.
Khổ sách: 13×19. Số trang: 204. Số lượng: 10.200 c. Số xuất bản: 627/xb.
Nộp chờ, in và đóng sách tại Nhà máy in Quân đội nhân dân. Số in: 59.

Cód.: 2 & 30